

| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO                                                            |     |                      |                       |            | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |          |             |           |             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------------------|-----------------------|------------|------------------------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
| HỘI ĐỒNG THI TUYỂN KIỂM SÁT VIÊN                                                          |     |                      |                       |            | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc        |          |             |           |             |
| DANH SÁCH KẾT QUẢ THI VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN                                       |     |                      |                       |            |                                    |          |             |           |             |
| Kỳ thi tuyển Kiểm sát viên trung cấp đợt 2 năm 2024 (khu vực phía Bắc)                    |     |                      |                       |            |                                    |          |             |           |             |
| (Kèm theo Quyết định số: 223/QĐ-HĐTT ngày 14/4/2025 của Hội đồng thi tuyển Kiểm sát viên) |     |                      |                       |            |                                    |          |             |           |             |
| STT                                                                                       | SBD | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                    | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|                                                                                           |     |                      | Nam                   | Nữ         |                                    | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO                                                            |     |                      |                       |            |                                    |          |             |           |             |
| 1                                                                                         | 402 | Tạ Thị Kim Dung      |                       | 22/8/1988  | Vụ 9, VKSNDTC                      | 86       | 94          | 266       | Trúng tuyển |
| 2                                                                                         | 404 | Trần Thùy Dương      |                       | 18/5/1990  | Vụ 9, VKSNDTC                      | 85       | 96          | 266       | Trúng tuyển |
| 3                                                                                         | 399 | Nguyễn Thành Chung   | 13/02/1992            |            | Văn phòng VKSNDTC                  | 80       | 98          | 258       | Trúng tuyển |
| 4                                                                                         | 405 | Nguyễn Công Dương    | 17/12/1991            |            | Vụ 11, VKSNDTC                     | 83       | 90          | 256       | Trúng tuyển |
| 5                                                                                         | 401 | Nguyễn Ngọc Đại      | 03/10/1992            |            | Văn phòng VKSNDTC                  | 78       | 94          | 250       | Trúng tuyển |
| 6                                                                                         | 458 | Nguyễn Văn Tuyển     | 21/8/1988             |            | Vụ 11, VKSNDTC                     | 84       | 76          | 244       | Trúng tuyển |
| 7                                                                                         | 417 | Ngô Thị Ánh Hồng     |                       | 23/11/1990 | Vụ 15, VKSNDTC                     | 74       | 96          | 244       | Trúng tuyển |
| 8                                                                                         | 453 | Lã Thị Thu Thủy      |                       | 07/10/1978 | Vụ 5, VKSNDTC                      | 83       | 76          | 242       | Trúng tuyển |
| 9                                                                                         | 440 | Hoàng Thu Nhường     |                       | 15/8/1978  | Văn phòng VKSNDTC                  | 81       | 80          | 242       | Trúng tuyển |
| 10                                                                                        | 410 | Bùi Thế Hải          | 13/12/1991            |            | Vụ 3, VKSNDTC                      | 75       | 92          | 242       | Trúng tuyển |
| 11                                                                                        | 426 | Đỗ Thị Huyền         |                       | 10/5/1984  | Vụ 10, VKSNDTC                     | 80       | 80          | 240       |             |
| 12                                                                                        | 408 | Vũ Ngọc Hà           |                       | 08/5/1989  | Văn phòng VKSNDTC                  | 72       | 86          | 230       |             |
| 13                                                                                        | 435 | Nguyễn Thị Thanh Nga |                       | 25/2/1989  | Vụ 12, VKSNDTC                     | 77       | 74          | 228       |             |
| 14                                                                                        | 427 | Phạm Xuân Khoa       | 02/01/1985            |            | Vụ 7, VKSNDTC                      | 74       | 80          | 228       |             |
| 15                                                                                        | 416 | Vũ Hoàng             | 29/11/1988            |            | Vụ 8, VKSNDTC                      | 75       | 72          | 222       |             |
| 16                                                                                        | 413 | Trần Quang Minh      | 06/9/1992             |            | Vụ 1, VKSNDTC                      | 67       | 88          | 222       |             |
| 17                                                                                        | 422 | Nguyễn Thị Hương     |                       | 07/11/1988 | Vụ 14, VKSNDTC                     | 66       | 86          | 218       |             |
| 18                                                                                        | 448 | Nguyễn Văn Thiện     | 17/4/1989             |            | Vụ 1, VKSNDTC                      | 65       | 88          | 218       |             |
| 19                                                                                        | 412 | Nguyễn Thị Thu Hiền  |                       | 22/8/1987  | Vụ 2, VKSNDTC                      | 73       | 68          | 214       |             |
| 20                                                                                        | 430 | Bùi Diệu Linh        |                       | 14/5/1987  | Vụ 12, VKSNDTC                     | 70       | 74          | 214       |             |
| 21                                                                                        | 456 | Đào Xuân Toàn        | 16/8/1990             |            | Văn phòng VKSNDTC                  | 70       | 74          | 214       |             |
| 22                                                                                        | 411 | Cần Thị Hằng         |                       | 09/01/1989 | Vụ 15, VKSNDTC                     | 66       | 80          | 212       |             |
| 23                                                                                        | 424 | Hồ Xuân Huy          | 26/7/1991             |            | Vụ 14, VKSNDTC                     | 62       | 88          | 212       |             |
| 24                                                                                        | 451 | Ngô Thị Thương       |                       | 18/01/1989 | Thanh tra VKSNDTC                  | 61       | 90          | 212       |             |
| 25                                                                                        | 400 | Nguyễn Công Cường    | 23/11/1988            |            | Vụ 2, VKSNDTC                      | 60       | 92          | 212       |             |
| 26                                                                                        | 418 | Nguyễn Thị Huệ       |                       | 05/9/1987  | Vụ 1, VKSNDTC                      | 66       | 78          | 210       |             |
| 27                                                                                        | 421 | Nguyễn Thanh Hương   |                       | 19/8/1990  | Vụ 14, VKSNDTC                     | 63       | 84          | 210       |             |

| STT | SBD | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác           | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú |
|-----|-----|----------------------|-----------------------|------------|---------------------------|----------|-------------|-----------|---------|
|     |     |                      | Nam                   | Nữ         |                           | Viết     | Trắc nghiệm |           |         |
| 28  | 414 | Trần Quỳnh Hoa       |                       | 20/4/1990  | Vụ 14, VKSNDTC            | 61       | 88          | 210       |         |
| 29  | 450 | Đỗ Thị Quỳnh Thu     |                       | 26/6/1989  | Vụ 9, VKSNDTC             | 60       | 90          | 210       |         |
| 30  | 443 | Nguyễn Hồng Quân     | 06/7/1989             |            | Vụ 8, VKSNDTC             | 65       | 76          | 206       |         |
| 31  | 457 | Nguyễn Đức Tuấn      | 15/11/1990            |            | Vụ 12, VKSNDTC            | 64       | 78          | 206       |         |
| 32  | 433 | Trần Thị Lý          |                       | 24/6/1987  | Vụ 5, VKSNDTC             | 66       | 70          | 202       |         |
| 33  | 395 | Phùng Lan Anh        |                       | 12/11/1985 | Vụ 1, VKSNDTC             | 57       | 88          | 202       |         |
| 34  | 452 | Ngô Thị Thu Thủy     |                       | 09/4/1988  | Vụ 3, VKSNDTC             | 56       | 86          | 198       |         |
| 35  | 419 | Lê Việt Hùng         | 05/9/1982             |            | Vụ 10, VKSNDTC            | 58       | 76          | 192       |         |
| 36  | 442 | Trần Vũ Phương       | 25/9/1987             |            | Văn phòng VKSNDTC         | 60       | 70          | 190       |         |
| 37  | 432 | Nguyễn Ngọc Linh     |                       | 07/4/1981  | Thanh tra VKSNDTC         | 53       | 84          | 190       |         |
| 38  | 460 | Ngô Thị Thanh Xuân   |                       | 01/02/1982 | Cục 2, VKSNDTC            | 59       | 68          | 186       |         |
| 39  | 403 | Nguyễn Viết Dũng     | 6/10/1984             |            | Vụ 1, VKSNDTC             | 52       | 82          | 186       |         |
| 40  | 438 | Nguyễn Thị Bích Ngọc |                       | 19/11/1989 | Thanh tra VKSNDTC         | 60       | 64          | 184       |         |
| 41  | 441 | Vũ Thị Phương        |                       | 16/11/1986 | Vụ 12, VKSNDTC            | 60       | 64          | 184       |         |
| 42  | 429 | Nguyễn Nhật Lê       |                       | 13/9/1989  | Vụ 8, VKSNDTC             | 58       | 66          | 182       |         |
| 43  | 439 | Nguyễn Phương Nhung  |                       | 24/12/1983 | Vụ 8, VKSNDTC             | 54       | 74          | 182       |         |
| 44  | 398 | Vũ Thị Vân Anh       |                       | 26/11/1982 | Cục 2, VKSNDTC            | 50       | 82          | 182       |         |
| 45  | 413 | Trần Đức Hiền        | 21/4/1991             |            | Vụ 1, VKSNDTC             | 50       | 80          | 180       |         |
| 46  | 444 | Phạm Hồng Quân       | 24/5/1991             |            | Vụ 10, VKSNDTC            | 53       | 72          | 178       |         |
| 47  | 449 | Nguyễn Tuấn Thiện    | 26/4/1989             |            | Vụ 6, VKSNDTC             | 50       | 70          | 170       |         |
| 48  | 397 | Đào Lan Anh          |                       | 19/3/1986  | Vụ 8, VKSNDTC             | 50       | 70          | 170       |         |
| 49  | 407 | Kiều Thị Hà          |                       | 21/01/1991 | Vụ 14, VKSNDTC            | 45       | 80          | 170       |         |
| 50  | 409 | Nguyễn Ngọc Hải      | 27/8/1987             |            | Vụ 3, VKSNDTC             | 45       | 80          | 170       |         |
| 51  | 420 | Hà Thị Mai Hương     |                       | 07/11/1984 | Vụ 12, VKSNDTC            | 53       | 62          | 168       |         |
| 52  | 437 | Dương Viết Nghĩa     | 10/02/1986            |            | Văn phòng VKSNDTC         | 59       | 46          | 164       |         |
| 53  | 423 | Nguyễn Thị Hương     |                       | 20/3/1987  | Vụ 16, VKSNDTC            | 50       | 64          | 164       |         |
| 54  | 447 | Ngô Hùng Thái        | 29/12/1979            |            | Văn phòng Đảng ủy VKSNDTC | 50       | 64          | 164       |         |
| 55  | 461 | Nguyễn Hải Yến       |                       | 11/02/1987 | Vụ 5, VKSNDTC             | 45       | 72          | 162       |         |
| 56  | 436 | Nguyễn Khánh Ngân    |                       | 19/11/1987 | Vụ 13, VKSNDTC            | 54       | 52          | 160       |         |
| 57  | 446 | Nguyễn Thị Tâm       |                       | 28/8/1991  | Vụ 14, VKSNDTC            | 40       | 78          | 158       |         |
| 58  | 431 | Lê Thị Linh          |                       | 22/9/1990  | Vụ 14, VKSNDTC            | 50.5     | 56          | 157       |         |
| 59  | 425 | Nguyễn Trọng Huy     | 29/10/1986            |            | Văn phòng VKSNDTC         | 41       | 72          | 154       |         |

| STT                                       | SBD | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|-------------------------------------------|-----|------------------------|-----------------------|------------|-----------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|                                           |     |                        | Nam                   | Nữ         |                 | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| 60                                        | 434 | Nguyễn Thị Quỳnh Nga   |                       | 06/3/1983  | Vụ 11, VKSNDTC  | 37       | 70          | 144       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT QUÂN SỰ                     |     |                        |                       |            |                 |          |             |           |             |
| 64                                        | 466 | Cao Thị Đoan Trang     |                       | 10/11/1991 | VKSQS QK3       | 56       | 78          | 190       | Trúng tuyển |
| 63                                        | 465 | Lê Lương Toàn          | 08/8/1987             |            | VKSQS KV21 QK2  | 52       | 78          | 182       | Trúng tuyển |
| 60                                        | 462 | Giáp Tuấn Anh          | 19/10/1985            |            | VKSQS QK1       | 52       | 74          | 178       | Trúng tuyển |
| 65                                        | 467 | Trần Kim Tuyền         | 07/4/1987             |            | VKSQS QK4       | 50       | 78          | 178       | Trúng tuyển |
| 61                                        | 463 | Nguyễn Văn Sáng        | 07/8/1987             |            | VKSQS QK1       | 50       | 76          | 176       | Trúng tuyển |
| 62                                        | 464 | Hoàng Nguyên Thắng     | 06/8/1989             |            | VKSQS QK1       | 45       | 84          | 174       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI |     |                        |                       |            |                 |          |             |           |             |
| 1                                         | 485 | Nguyễn Đức Tế          | 11/4/1987             |            | VKSND cấp cao 1 | 79       | 84          | 242       | Trúng tuyển |
| 2                                         | 469 | Trần Quang Đạt         | 23/8/1982             |            | VKSND cấp cao 1 | 73       | 86          | 232       | Trúng tuyển |
| 3                                         | 482 | Lê Duy Phương          | 05/9/1988             |            | VKSND cấp cao 1 | 78       | 74          | 230       | Trúng tuyển |
| 4                                         | 468 | Hoàng Việt Bách        | 10/6/1985             |            | VKSND cấp cao 1 | 77       | 76          | 230       | Trúng tuyển |
| 5                                         | 470 | Trần Thị Thu Giang     |                       | 17/12/1981 | VKSND cấp cao 1 | 72       | 86          | 230       | Trúng tuyển |
| 6                                         | 492 | Nguyễn Thị Huyền Trang |                       | 25/10/1989 | VKSND cấp cao 1 | 72       | 86          | 230       | Trúng tuyển |
| 7                                         | 472 | Phạm Minh Huân         | 15/9/1989             |            | VKSND cấp cao 1 | 78       | 70          | 226       |             |
| 8                                         | 478 | Dương Thị Khánh Ly     |                       | 06/11/1990 | VKSND cấp cao 1 | 68       | 86          | 222       |             |
| 9                                         | 473 | Vũ Thị Huế             |                       | 04/04/1990 | VKSND cấp cao 1 | 64       | 94          | 222       |             |
| 10                                        | 495 | Lê Thị Thanh Vân       |                       | 23/5/1991  | VKSND cấp cao 1 | 64       | 94          | 222       |             |
| 11                                        | 491 | Phan Thị Thu Thủy      |                       | 15/8/1985  | VKSND cấp cao 1 | 71       | 78          | 220       |             |
| 12                                        | 475 | Nguyễn Thu Huyền       |                       | 10/7/1988  | VKSND cấp cao 1 | 68       | 82          | 218       |             |
| 13                                        | 479 | Phạm Thị Kiều My       |                       | 15/5/1989  | VKSND cấp cao 1 | 72       | 70          | 214       |             |
| 14                                        | 484 | Nguyễn Thị Tâm         |                       | 28/7/1982  | VKSND cấp cao 1 | 72       | 68          | 212       |             |
| 15                                        | 471 | Đậu Thị Ngọc Hà        |                       | 27/12/1988 | VKSND cấp cao 1 | 62       | 80          | 204       |             |
| 16                                        | 489 | Nguyễn Anh Thư         |                       | 26/3/1977  | VKSND cấp cao 1 | 70       | 54          | 194       |             |
| 17                                        | 476 | Lâm Thị Liên           |                       | 02/4/1984  | VKSND cấp cao 1 | 58       | 72          | 188       |             |
| 18                                        | 483 | Phạm Hồng Quân         | 12/8/1975             |            | VKSND cấp cao 1 | 68       | 50          | 186       |             |
| 19                                        | 480 | Trần Thị Ngà           |                       | 10/1/1990  | VKSND cấp cao 1 | 56       | 74          | 186       |             |
| 20                                        | 481 | Trần Thị Hồng Nhung    |                       | 27/6/1985  | VKSND cấp cao 1 | 58       | 66          | 182       |             |
| 21                                        | 487 | Hà Thị Bích Thảo       |                       | 12/12/1988 | VKSND cấp cao 1 | 61       | 58          | 180       |             |
| 22                                        | 493 | Nguyễn Thị Tư          |                       | 20/5/1989  | VKSND cấp cao 1 | 52       | 74          | 178       |             |
| 23                                        | 488 | Trần Thị Thoa          |                       | 15/9/1987  | VKSND cấp cao 1 | 54       | 64          | 172       |             |
| 24                                        | 474 | Nguyễn Trọng Huy       | 5/11/1987             |            | VKSND cấp cao 1 | 53       | 66          | 172       |             |

| STT                                                                    | SBD | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác               | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                     |
|------------------------------------------------------------------------|-----|-----------------------|-----------------------|------------|-------------------------------|----------|-------------|-----------|-----------------------------|
|                                                                        |     |                       | Nam                   | Nữ         |                               | Viết     | Trắc nghiệm |           |                             |
| 25                                                                     | 490 | Đỗ Thị Thanh Thùy     |                       | 08/10/1984 | VKSND cấp cao 1               | 50       | 58          | 158       |                             |
| 26                                                                     | 486 | Nguyễn Đình Thắm      | 20/10/1983            |            | VKSND cấp cao 1               | 39       | 52          | 130       |                             |
| 27                                                                     | 494 | Trần Vũ Tùng          | 10/2/1986             |            | VKSND cấp cao 1               | 33       | 56          | 122       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG                                  |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (01 người) |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 497 | Nguyễn Thị Bộ         |                       | 09/10/1984 | VKSND h.Yên Thế, Bắc Giang    | 63       | 74          | 200       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 2                                                                      | 499 | Nông Văn Hội          | 03/10/1979            |            | VKSND h.Lục Nam, Bắc Giang    | 50       | 62          | 162       |                             |
| 3                                                                      | 501 | Nguyễn Thị Hồng Nhung |                       | 02/5/1981  | VKSND h.Hiệp Hòa, Bắc Giang   | 43       | 76          | 162       |                             |
| 4                                                                      | 504 | Vi Đức Thứ            | 15/3/1980             |            | VKSND h.Lạng Giang, Bắc Giang | 33       | 76          | 142       |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (02 người)                               |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 5                                                                      | 502 | Thân Mạnh Thắng       | 28/4/1985             |            | VKSND tỉnh Bắc Giang          | 75       | 86          | 236       | Trúng tuyển                 |
| 6                                                                      | 498 | Phạm Hữu Cường        | 04/02/1986            |            | VKSND tỉnh Bắc Giang          | 77       | 80          | 234       | Trúng tuyển                 |
| 7                                                                      | 503 | Vũ Văn Thành          | 08/7/1985             |            | VKSND tỉnh Bắc Giang          | 77       | 78          | 232       |                             |
| 8                                                                      | 505 | Đồng Thị Toàn         |                       | 10/10/1990 | VKSND tỉnh Bắc Giang          | 68       | 86          | 222       |                             |
| 9                                                                      | 506 | Nguyễn Thuỳ Trang     |                       | 23/3/1991  | VKSND tỉnh Bắc Giang          | 73       | 74          | 220       |                             |
| 10                                                                     | 500 | Chu Ngọc Linh         |                       | 21/12/1991 | VKSND tỉnh Bắc Giang          | 64       | 74          | 202       |                             |
| 11                                                                     | 507 | Trần Văn Trí          | 11/01/1978            |            | VKSND tỉnh Bắc Giang          | 51       | 76          | 178       |                             |
| 12                                                                     | 496 | Hoàng Quang Anh       | 08/6/1981             |            | VKSND h.Yên Dũng, Bắc Giang   | 52       | 62          | 166       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI                                |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (04 người) |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 511 | Trần Thị Thúy Hà      |                       | 18/11/1977 | VKSND h.Đan Phượng, Hà Nội    | 75       | 100         | 250       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 2                                                                      | 531 | Dương Tiến Mạnh       | 18/7/1989             |            | VKSND h.Quốc Oai, Hà Nội      | 76       | 94          | 246       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 3                                                                      | 530 | Nguyễn Văn Mạnh       | 12/10/1984            |            | VKSND q.Cầu Giấy, Hà Nội      | 84       | 76          | 244       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 4                                                                      | 529 | Đào Thị Phương Mai    |                       | 25/4/1987  | VKSND h.Mê Linh, Hà Nội       | 82       | 80          | 244       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 5                                                                      | 540 | Nguyễn Hoài Thu       |                       | 17/11/1990 | VKSND h.Hoài Đức, Hà Nội      | 77       | 86          | 240       |                             |
| 6                                                                      | 545 | Nguyễn Văn Vũ         | 01/9/1977             |            | VKSND h.Ứng Hòa, Hà Nội       | 60       | 76          | 196       |                             |
| 7                                                                      | 538 | Nguyễn Khắc Quang     | 16/6/1982             |            | VKSND h.Phủ Xuyên, Hà Nội     | 55       | 76          | 186       |                             |
| 8                                                                      | 527 | Hoàng Văn Long        | 05/4/1970             |            | VKSND h.Sóc Sơn, Hà Nội       | 55       | 62          | 172       |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (17 người)                               |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 9                                                                      | 512 | Đào Thị Hằng          |                       | 05/7/1991  | VKSND TP.Hà Nội               | 87       | 94          | 268       | Trúng tuyển                 |
| 10                                                                     | 537 | Bùi Bích Phượng       |                       | 06/4/1987  | VKSND q.Bắc Từ Liêm, Hà Nội   | 80       | 94          | 254       | Trúng tuyển                 |

| STT | SBD | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác              | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|-----|-----|----------------------|-----------------------|------------|------------------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|     |     |                      | Nam                   | Nữ         |                              | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| 11  | 536 | Trần Thị Phương      |                       | 11/12/1987 | VKSND q.Hai Bà Trưng, Hà Nội | 82       | 84          | 248       | Trúng tuyển |
| 12  | 532 | Phạm Thị Ngọc Minh   |                       | 14/7/1979  | VKSND TP.Hà Nội              | 80       | 82          | 242       | Trúng tuyển |
| 13  | 522 | Trần Thị Thanh Huyền |                       | 05/6/1980  | VKSND TP.Hà Nội              | 80       | 78          | 238       | Trúng tuyển |
| 14  | 515 | Trần Quang Hiếu      | 11/3/1979             |            | VKSND TP.Hà Nội              | 85       | 66          | 236       | Trúng tuyển |
| 15  | 528 | Trần Thị Luyến       |                       | 22/8/1986  | VKSND TP.Hà Nội              | 71       | 88          | 230       | Trúng tuyển |
| 16  | 541 | Dương Minh Thu       |                       | 09/3/1989  | VKSND TP.Hà Nội              | 70       | 86          | 226       | Trúng tuyển |
| 17  | 544 | Đặng Quốc Việt       | 12/11/1992            |            | VKSND TP.Hà Nội              | 74       | 76          | 224       | Trúng tuyển |
| 18  | 534 | Nguyễn Phương Nhung  |                       | 22/12/1990 | VKSND TP.Hà Nội              | 80       | 62          | 222       | Trúng tuyển |
| 19  | 520 | Vi Thị Hương         |                       | 01/01/1989 | VKSND q.Hai Bà Trưng, Hà Nội | 76       | 70          | 222       | Trúng tuyển |
| 20  | 539 | Đặng Văn Sỹ          | 08/8/1984             |            | VKSND q.Hoàng Mai, Hà Nội    | 74       | 68          | 216       | Trúng tuyển |
| 21  | 524 | Hồ Thị Khuyên        |                       | 08/7/1987  | VKSND TP.Hà Nội              | 68       | 80          | 216       | Trúng tuyển |
| 22  | 523 | Ngô Việt Khoa        | 12/4/1990             |            | VKSND TP.Hà Nội              | 66       | 84          | 216       | Trúng tuyển |
| 23  | 517 | Nguyễn Bích Hòa      |                       | 07/5/1982  | VKSND TP.Hà Nội              | 70       | 72          | 212       | Trúng tuyển |
| 24  | 510 | Quách Tiến Dũng      | 09/02/1992            |            | VKSND q.Hoàn Kiếm, Hà Nội    | 60       | 88          | 208       | Trúng tuyển |
| 25  | 533 | Lê Thị Nga           |                       | 10/6/1986  | VKSND q.Hoàn Kiếm, Hà Nội    | 65       | 76          | 206       | Trúng tuyển |
| 26  | 513 | Nguyễn Thị Thu Hằng  |                       | 10/7/1985  | VKSND TP.Hà Nội              | 58       | 88          | 204       |             |
| 27  | 518 | Nguyễn Duy Hùng      | 17/02/1984            |            | VKSND h.Thanh Trì, Hà Nội    | 68       | 66          | 202       |             |
| 28  | 508 | Dương Vân Anh        |                       | 05/3/1988  | VKSND TP.Hà Nội              | 53       | 92          | 198       |             |
| 29  | 519 | Nguyễn Thu Hương     |                       | 20/3/1988  | VKSND TP.Hà Nội              | 56       | 84          | 196       |             |
| 30  | 542 | Vũ Thu Trang         |                       | 22/10/1991 | VKSND TP.Hà Nội              | 55       | 84          | 194       |             |
| 31  | 521 | Lê Huy               | 20/7/1992             |            | VKSND q.Tây Hồ, Hà Nội       | 55       | 82          | 192       |             |
| 32  | 546 | Nguyễn Thị Hải Yến   |                       | 03/01/1989 | VKSND q.Hoàng Mai, Hà Nội    | 50       | 92          | 192       |             |
| 33  | 514 | Nguyễn Hồng Hạnh     |                       | 10/5/1990  | VKSND TP.Hà Nội              | 58       | 74          | 190       |             |
| 34  | 516 | Trần Thị Hoa         |                       | 10/01/1988 | VKSND TP.Hà Nội              | 52       | 84          | 188       |             |
| 35  | 535 | Chu Thị Hồng Nhung   |                       | 21/11/1989 | VKSND h.Thanh Trì, Hà Nội    | 55       | 76          | 186       |             |
| 36  | 509 | Trần Hoàng Đức       | 30/7/1991             |            | VKSND q.Hai Bà Trưng, Hà Nội | 50       | 86          | 186       |             |
| 37  | 526 | Nguyễn Thùy Linh     |                       | 20/01/1987 | VKSND TP.Hà Nội              | 54       | 58          | 166       |             |
| 38  | 525 | Lê Thị Lan           |                       | 28/4/1988  | VKSND TP.Hà Nội              | 45       | 70          | 160       |             |

| STT                                                                    | SBD | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác             | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                     |
|------------------------------------------------------------------------|-----|-----------------------|-----------------------|------------|-----------------------------|----------|-------------|-----------|-----------------------------|
|                                                                        |     |                       | Nam                   | Nữ         |                             | Viết     | Trắc nghiệm |           |                             |
| 39                                                                     | 543 | Hoàng Thu Trang       |                       | 06/9/1990  | VKSND q.Ba Đình, Hà Nội     | 40       | 66          | 146       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH                                    |     |                       |                       |            |                             |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (01 người)     |     |                       |                       |            |                             |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 551 | Nguyễn Thế Hoàng      | 09/11/1979            |            | VKSND h.Hương Khê, Hà Tĩnh  | 50       | 56          | 156       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| 2                                                                      | 555 | Nguyễn Văn Thành      | 19/10/1980            |            | VKSND h.Kỳ Anh, Hà Tĩnh     | 42       | 68          | 152       |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (03 người)                               |     |                       |                       |            |                             |          |             |           |                             |
| 3                                                                      | 552 | Dương Thị Thu Hường   |                       | 28/9/1988  | VKSND tỉnh Hà Tĩnh          | 74       | 84          | 232       | Trúng tuyển                 |
| 4                                                                      | 553 | Trần Xuân Huy         | 05/6/1991             |            | VKSND tỉnh Hà Tĩnh          | 63       | 84          | 210       | Trúng tuyển                 |
| 5                                                                      | 548 | Nguyễn Bá Bằng        | 25/12/1991            |            | VKSND tỉnh Hà Tĩnh          | 52       | 84          | 188       | Trúng tuyển                 |
| 6                                                                      | 549 | Nguyễn Văn Hải        | 03/4/1990             |            | VKSND tỉnh Hà Tĩnh          | 60       | 62          | 182       |                             |
| 7                                                                      | 547 | Trần Đăng Ánh         | 13/3/1977             |            | VKSND h.Kỳ Anh, Hà Tĩnh     | 50       | 66          | 166       |                             |
| 8                                                                      | 554 | Cù Thị Thanh Như      |                       | 06/11/1989 | VKSND tỉnh Hà Tĩnh          | 56       | 52          | 164       |                             |
| 9                                                                      | 556 | Phạm Thị Kiều Trang   |                       | 20/6/1988  | VKSND TP.Hà Tĩnh, Hà Tĩnh   | 50       | 62          | 162       |                             |
| 10                                                                     | 550 | Nguyễn Thị Thanh Hoài |                       | 18/01/1989 | VKSND tỉnh Hà Tĩnh          | 50       | 58          | 158       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN                                   |     |                       |                       |            |                             |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (03 người)                               |     |                       |                       |            |                             |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 560 | Dương Thị Lan         |                       | 07/02/1989 | VKSND tỉnh Hưng Yên         | 76       | 80          | 232       | Trúng tuyển                 |
| 2                                                                      | 557 | Nguyễn Thị Ngọc Anh   |                       | 09/5/1987  | VKSND tỉnh Hưng Yên         | 78       | 74          | 230       | Trúng tuyển                 |
| 3                                                                      | 565 | Nguyễn Thị Yến        |                       | 08/11/1983 | VKSND h.Kim Động, Hưng Yên  | 76       | 78          | 230       | Trúng tuyển                 |
| 4                                                                      | 566 | Trần Thị Yến          |                       | 31/8/1979  | VKSND TP.Hưng Yên, Hưng Yên | 71       | 84          | 226       |                             |
| 5                                                                      | 562 | Lê Thị Nhung          |                       | 02/11/1984 | VKSND tỉnh Hưng Yên         | 63       | 58          | 184       |                             |
| 6                                                                      | 558 | Nguyễn Thị Hà         |                       | 08/11/1988 | VKSND tỉnh Hưng Yên         | 54       | 76          | 184       |                             |
| 7                                                                      | 561 | Nguyễn Thị Minh Ngọc  |                       | 27/7/1990  | VKSND tỉnh Hưng Yên         | 60       | 60          | 180       |                             |
| 8                                                                      | 564 | Lê Công Tiệp          | 16/8/1988             |            | VKSND TP.Hưng Yên, Hưng Yên | 50       | 70          | 170       |                             |
| 9                                                                      | 559 | Nguyễn Thị Huyền      |                       | 13/9/1987  | VKSND TP.Hưng Yên, Hưng Yên | 50       | 58          | 158       |                             |
| 10                                                                     | 563 | Nguyễn Ngọc Thơ       | 09/9/1975             |            | VKSND h.Yên Mỹ, Hưng Yên    | 28       | 52          | 108       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU                                   |     |                       |                       |            |                             |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (01 người) |     |                       |                       |            |                             |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 571 | La Văn Xôm            | 30/01/1987            |            | VKSND h.Than Uyên, Lai Châu | 50       | 78          | 178       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 2                                                                      | 570 | Trương Văn Thủy       | 30/3/1972             |            | VKSND h.Than Uyên, Lai Châu | 55       | 64          | 174       |                             |

| STT                                                                    | SBD | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác               | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                     |
|------------------------------------------------------------------------|-----|-----------------------|-----------------------|------------|-------------------------------|----------|-------------|-----------|-----------------------------|
|                                                                        |     |                       | Nam                   | Nữ         |                               | Viết     | Trắc nghiệm |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (03 người)                               |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 3                                                                      | 568 | Lê Thị Lệ Hằng        |                       | 10/10/1991 | VKSND tỉnh Lai Châu           | 81       | 94          | 256       | Trúng tuyển                 |
| 4                                                                      | 567 | Nguyễn Thị Dung       |                       | 27/12/1985 | VKSND tỉnh Lai Châu           | 71       | 86          | 228       | Trúng tuyển                 |
| 5                                                                      | 569 | Khuất Thị Tâm         |                       | 19/9/1992  | VKSND tỉnh Lai Châu           | 58       | 84          | 200       | Trúng tuyển                 |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH                                 |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (02 người) |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 169                                                                    | 572 | Vũ Minh Đức           | 13/8/1974             |            | VKSND TP.Ưông Bí, Quảng Ninh  | 50       | 82          | 182       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 170                                                                    | 573 | Vi Đức Kiên           | 20/3/1982             |            | VKSND h.Tiên Yên, Quảng Ninh  | 52       | 70          | 174       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (0 người)                                |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 171                                                                    | 574 | Mai Văn Toàn          | 24/6/1978             |            | VKSND tỉnh Quảng Ninh         | 50       | 46          | 146       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG                             |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (01 người)     |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 580 | Phạm Duy Trường       | 25/11/1979            |            | VKSND q.Hồng Bàng, Hải Phòng  | 81       | 72          | 234       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (02 người)                               |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 2                                                                      | 577 | Trương Thị Thanh Nhân |                       | 24/7/1985  | VKSND TP.Hải Phòng            | 74       | 72          | 220       | Trúng tuyển                 |
| 3                                                                      | 576 | Lương Thu Hương       |                       | 25/11/1988 | VKSND TP.Hải Phòng            | 68       | 62          | 198       | Trúng tuyển                 |
| 4                                                                      | 578 | Trần Thị Hồng Nhung   |                       | 05/11/1989 | VKSND TP.Hải Phòng            | 61       | 74          | 196       |                             |
| 5                                                                      | 575 | Ngô Thị Thu Anh       |                       | 27/6/1989  | VKSND TP.Hải Phòng            | 56       | 62          | 174       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG                                   |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (02 người)                               |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 584 | Trần Thị Bích Nga     |                       | 27/7/1989  | VKSND h.Hòa An, Cao Bằng      | 76       | 70          | 222       | Trúng tuyển                 |
| 2                                                                      | 583 | Ma Ngọc Luân          | 22/6/1991             |            | VKSND tỉnh Cao Bằng           | 68       | 82          | 218       | Trúng tuyển                 |
| 3                                                                      | 585 | Nông Văn Phong        | 1/5/1991              |            | VKSND h.Nguyên Bình, Cao Bằng | 72       | 60          | 204       |                             |
| 4                                                                      | 582 | Hoàng Trường Long     | 13/3/1992             |            | VKSND TP.Cao Bằng, Cao Bằng   | 50       | 66          | 166       |                             |
| 5                                                                      | 586 | Đinh Mạnh Thông       | 11/11/1992            |            | VKSND TP.Cao Bằng, Cao Bằng   | 53       | 54          | 160       |                             |
| 6                                                                      | 581 | Bế Thị Hạnh           |                       | 11/12/1989 | VKSND tỉnh Cao Bằng           | 50       | 54          | 154       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN                                   |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (02 người)                               |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 593 | Trần Thị Hoàng Thái   |                       | 14/7/1987  | VKSND tỉnh Lạng Sơn           | 56       | 74          | 186       | Trúng tuyển                 |
| 2                                                                      | 592 | Nguyễn Thị Phương Mai |                       | 07/12/1990 | VKSND tỉnh Lạng Sơn           | 59       | 66          | 184       | Trúng tuyển                 |
| 3                                                                      | 590 | Phạm Văn Hưng         | 07/3/1990             |            | VKSND TP.Lạng Sơn, Lạng Sơn   | 55       | 74          | 184       |                             |

| STT                                                                    | SBD | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác              | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                     |
|------------------------------------------------------------------------|-----|-----------------------|-----------------------|------------|------------------------------|----------|-------------|-----------|-----------------------------|
|                                                                        |     |                       | Nam                   | Nữ         |                              | Viết     | Trắc nghiệm |           |                             |
| 4                                                                      | 589 | Nguyễn Thu Hồng       |                       | 02/10/1990 | VKSND h.Cao Lộc, Lạng Sơn    | 53       | 66          | 172       |                             |
| 5                                                                      | 591 | Lê Thị Khanh          |                       | 18/7/1988  | VKSND tỉnh Lạng Sơn          | 51       | 60          | 162       |                             |
| 6                                                                      | 588 | Hoàng Trọng Hình      | 31/5/1983             |            | VKSND h.Tràng Định, Lạng Sơn | 50       | 56          | 156       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN                                    |     |                       |                       |            |                              |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (01 người)     |     |                       |                       |            |                              |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 596 | Cà Ngọc Tân           | 03/6/1982             |            | VKSND h.Pác Nặm, Bắc Kạn     | 50       | 54          | 154       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (01 người)                               |     |                       |                       |            |                              |          |             |           |                             |
| 2                                                                      | 594 | Nguyễn Thị Hồng Nhung |                       | 27/02/1990 | VKSND h.Ba Bể, Bắc Kạn       | 70       | 76          | 216       | Trúng tuyển                 |
| 3                                                                      | 595 | Hoàng Thị Minh Tâm    |                       | 7/5/1979   | VKSND tỉnh Bắc Kạn           | 50       | 62          | 162       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI                                    |     |                       |                       |            |                              |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (01 người)     |     |                       |                       |            |                              |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 598 | Tráng Seo Sứ          | 01/01/1973            |            | VKSND h.Si Ma Cai, Lào Cai   | 56       | 62          | 174       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| 2                                                                      | 599 | Nguyễn Thanh Xuân     | 24/5/1975             |            | VKSND h.Văn Bàn, Lào Cai     | 40       | 70          | 150       |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (01 người)                               |     |                       |                       |            |                              |          |             |           |                             |
| 3                                                                      | 597 | Nguyễn Thị Hoài Trang |                       | 26/12/1988 | VKSND tỉnh Lào Cai           | 50       | 66          | 166       | Trúng tuyển                 |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH                                   |     |                       |                       |            |                              |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (01 người)                               |     |                       |                       |            |                              |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 604 | Khà Thị Liên          |                       | 11/01/1980 | VKSND tỉnh Hòa Bình          | 52       | 76          | 180       | Trúng tuyển                 |
| 2                                                                      | 601 | Vũ Đại Hải            | 19/10/1990            |            | VKSND tỉnh Hòa Bình          | 55       | 64          | 174       |                             |
| 3                                                                      | 605 | Đinh Thị Thùy Linh    |                       | 27/5/1991  | VKSND tỉnh Hòa Bình          | 57       | 58          | 172       |                             |
| 4                                                                      | 600 | Lê Xuân Chiến         | 03/10/1984            |            | VKSND tỉnh Hòa Bình          | 40       | 80          | 160       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH                                   |     |                       |                       |            |                              |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (02 người) |     |                       |                       |            |                              |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 619 | Nguyễn Thị Yến        |                       | 10/5/1985  | VKSND tỉnh Bắc Ninh          | 82       | 90          | 254       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 2                                                                      | 606 | Nguyễn Thị Mai Anh    |                       | 25/10/1989 | VKSND TP.Bắc Ninh, Bắc Ninh  | 82       | 76          | 240       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 3                                                                      | 612 | Ngô Thị Lan Hương     |                       | 22/12/1986 | VKSND TP.Từ Sơn, Bắc Ninh    | 82       | 68          | 232       |                             |
| 4                                                                      | 609 | Vũ Thuỳ Dương         |                       | 26/11/1990 | VKSND h.Tiên Du, Bắc Ninh    | 70       | 70          | 210       |                             |
| 5                                                                      | 610 | Lê Thị Hoàn           |                       | 21/10/1982 | VKSND h.Gia Bình, Bắc Ninh   | 60       | 82          | 202       |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (02 người)                               |     |                       |                       |            |                              |          |             |           |                             |
| 6                                                                      | 614 | Lê Đình Khôi          | 08/02/1990            |            | VKSND tỉnh Bắc Ninh          | 70       | 80          | 220       | Trúng tuyển                 |
| 7                                                                      | 615 | Nguyễn Thị Kim Liên   |                       | 22/12/1988 | VKSND tỉnh Bắc Ninh          | 70       | 68          | 208       | Trúng tuyển                 |

| STT                                                                    | SBD | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                     |
|------------------------------------------------------------------------|-----|------------------------|-----------------------|------------|--------------------------------|----------|-------------|-----------|-----------------------------|
|                                                                        |     |                        | Nam                   | Nữ         |                                | Viết     | Trắc nghiệm |           |                             |
| 8                                                                      | 613 | Nguyễn Cao Khải        | 21/6/1987             |            | VKSND tỉnh Bắc Ninh            | 65       | 70          | 200       |                             |
| 9                                                                      | 608 | Hoàng Thị Dung         |                       | 27/12/1989 | VKSND tỉnh Bắc Ninh            | 57       | 70          | 184       |                             |
| 10                                                                     | 607 | Nguyễn Bá Công         | 17/3/1984             |            | VKSND tỉnh Bắc Ninh            | 50       | 72          | 172       |                             |
| 11                                                                     | 616 | Nguyễn Văn Minh        | 24/7/1983             |            | VKSND tỉnh Bắc Ninh            | 50       | 64          | 164       |                             |
| 12                                                                     | 617 | Nguyễn Thị Vân         |                       | 20/02/1983 | VKSND tỉnh Bắc Ninh            | 41       | 62          | 144       |                             |
| 13                                                                     | 611 | Nguyễn Thị Quỳnh Hương |                       | 27/3/1988  | VKSND TX.Quế Võ, Bắc Ninh      | 52       | 30          | 134       |                             |
| 14                                                                     | 618 | Trần Việt Yên          | 20/12/1968            |            | VKSND tỉnh Bắc Ninh            | 28       | 70          | 126       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA                                  |     |                        |                       |            |                                |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (04 người)     |     |                        |                       |            |                                |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 624 | Hà Thị Hồng Tú         |                       | 08/5/1981  | VKSND h.Thọ Xuân, Thanh Hóa    | 78       | 76          | 232       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| 2                                                                      | 620 | Nguyễn Văn Dũng        | 03/6/1987             |            | VKSND h.Hậu Lộc, Thanh Hóa     | 74       | 82          | 230       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| 3                                                                      | 622 | Lê Thị Huệ             |                       | 10/6/1979  | VKSND h.Hà Trung, Thanh Hóa    | 54       | 62          | 170       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| 4                                                                      | 625 | Nguyễn Quốc Tú         | 02/9/1984             |            | VKSND h.Bá Thước, Thanh Hóa    | 50       | 64          | 164       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (02 người) |     |                        |                       |            |                                |          |             |           |                             |
| 5                                                                      | 623 | Nguyễn Thị Mai         |                       | 07/12/1977 | VKSND h.Quảng Xương, Thanh Hóa | 73       | 82          | 228       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 6                                                                      | 621 | Phạm Văn Dũng          | 12/8/1972             |            | VKSND h.Hậu Lộc, Thanh Hóa     | 50       | 74          | 174       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 7                                                                      | 626 | Trần Văn Việt          | 19/11/1970            |            | VKSND h.Quảng Xương, Thanh Hóa | 38       | 60          | 136       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC                                  |     |                        |                       |            |                                |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (03 người) |     |                        |                       |            |                                |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 629 | Kiều Thị Mai           |                       | 14/3/1987  | VKSND h.Bình Xuyên, Vĩnh Phúc  | 75       | 86          | 236       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 2                                                                      | 627 | Phan Anh               | 15/11/1987            |            | VKSND h.Tam Dương, Vĩnh Phúc   | 73       | 72          | 218       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 3                                                                      | 631 | Nguyễn Văn Toàn        | 04/10/1983            |            | VKSND h.Tam Đảo, Vĩnh Phúc     | 57       | 78          | 192       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 4                                                                      | 630 | Trương Thị Thanh Mai   |                       | 18/3/1988  | VKSND h.Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc  | 45       | 68          | 158       |                             |
| 5                                                                      | 628 | Hoàng Mậu Lâm          | 19/6/1977             |            | VKSND h.Tam Dương, Vĩnh Phúc   | 40       | 78          | 158       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG                                |     |                        |                       |            |                                |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (0 người)      |     |                        |                       |            |                                |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 632 | Ma Ngọc Biền           | 16/11/1969            |            | VKSND h.Lâm Bình, Tuyên Quang  | 32       | 62          | 126       |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (02 người)                               |     |                        |                       |            |                                |          |             |           |                             |
| 2                                                                      | 635 | Phạm Hương Thảo        |                       | 19/10/1987 | VKSND tỉnh Tuyên Quang         | 83       | 86          | 252       | Trúng tuyển                 |
| 3                                                                      | 633 | Hoàng Minh Tú          | 21/7/1986             |            | VKSND h.Chiêm Hóa, Tuyên Quang | 62       | 76          | 200       | Trúng tuyển                 |

| STT                                                                    | SBD | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                      | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                     |
|------------------------------------------------------------------------|-----|----------------------|-----------------------|------------|--------------------------------------|----------|-------------|-----------|-----------------------------|
|                                                                        |     |                      | Nam                   | Nữ         |                                      | Viết     | Trắc nghiệm |           |                             |
| 4                                                                      | 639 | Hoàng Trà My         |                       | 17/4/1990  | VKSND h.Yên Sơn,<br>Tuyên Quang      | 57       | 80          | 194       |                             |
| 5                                                                      | 634 | Phạm Trung Hải       | 07/10/1988            |            | VKSND h.Hàm Yên,<br>Tuyên Quang      | 50       | 86          | 186       |                             |
| 6                                                                      | 640 | Nguyễn Thị Như Ngọc  |                       | 02/7/1990  | VKSND TP.Tuyên Quang,<br>Tuyên Quang | 50       | 84          | 184       |                             |
| 7                                                                      | 636 | Vũ Phương Hà         |                       | 20/5/1987  | VKSND tỉnh Tuyên Quang               | 50       | 74          | 174       |                             |
| 8                                                                      | 638 | Trần Thị Huyền Trang |                       | 30/8/1989  | VKSND h.Yên Sơn,<br>Tuyên Quang      | 45       | 76          | 166       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG                                   |     |                      |                       |            |                                      |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (03 người)                               |     |                      |                       |            |                                      |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 644 | Nguyễn Hải Yến       |                       | 03/10/1989 | VKSND tỉnh Hà Giang                  | 81       | 76          | 238       | Trúng tuyển                 |
| 2                                                                      | 643 | Dương Mạnh Toàn      | 16/8/1987             |            | VKSND tỉnh Hà Giang                  | 71       | 84          | 226       | Trúng tuyển                 |
| 3                                                                      | 642 | Hoàng Thị Tâm        |                       | 20/4/1989  | VKSND tỉnh Hà Giang                  | 54       | 80          | 188       | Trúng tuyển                 |
| 4                                                                      | 641 | Nguyễn Thị Hồng Hạnh |                       | 29/01/1989 | VKSND TP.Hà Giang,<br>Hà Giang       | 50       | 78          | 178       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN                                    |     |                      |                       |            |                                      |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (01 người)     |     |                      |                       |            |                                      |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 651 | Trần Văn Luyến       | 12/4/1974             |            | VKSND h.Nghĩa Đàn,<br>Nghệ An        | 55       | 68          | 178       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (01 người) |     |                      |                       |            |                                      |          |             |           |                             |
| 2                                                                      | 648 | Trần Thị Thu Hà      |                       | 10/9/1976  | VKSND h.Diễn Châu,<br>Nghệ An        | 69       | 90          | 228       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 3                                                                      | 649 | Dương Thị Hằng       |                       | 19/5/1987  | VKSND h.Nghĩa Đàn,<br>Nghệ An        | 74       | 78          | 226       |                             |
| 4                                                                      | 647 | Nguyễn Văn Dân       | 05/5/1989             |            | VKSND h.Tân Kỳ,<br>Nghệ An           | 53       | 84          | 190       |                             |
| 5                                                                      | 654 | Trần Minh Thắng      | 17/3/1987             |            | VKSND h.Nam Đàn,<br>Nghệ An          | 51       | 62          | 164       |                             |
| 6                                                                      | 653 | Nguyễn Đình Thái     | 08/01/1975            |            | VKSND TX.Hoàng Mai,<br>Nghệ An       | 55       | 44          | 154       |                             |
| 7                                                                      | 650 | Vương Quốc Khánh     | 17/02/1985            |            | VKSND h.Kỳ Sơn,<br>Nghệ An           | 40       | 70          | 150       |                             |
| 8                                                                      | 645 | Văn Đức Châu         | 01/5/1979             |            | VKSND TX.Hoàng Mai,<br>Nghệ An       | 35       | 78          | 148       |                             |
| 9                                                                      | 652 | Hồ Văn Nam           | 20/4/1985             |            | VKSND h.Yên Thành,<br>Nghệ An        | 45       | 56          | 146       |                             |
| 10                                                                     | 646 | Nguyễn Lê Cường      | 06/01/1988            |            | VKSND h.Hưng Nguyên,<br>Nghệ An      | 35       | 72          | 142       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH                                  |     |                      |                       |            |                                      |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (03 người)                               |     |                      |                       |            |                                      |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 661 | Nguyễn Thị Huyền     |                       | 06/4/1990  | VKSND h.Đông Hưng,<br>Thái Bình      | 78       | 82          | 238       | Trúng tuyển                 |
| 2                                                                      | 660 | Bùi Thị Thu Hiền     |                       | 01/11/1985 | VKSND tỉnh Thái Bình                 | 80       | 74          | 234       | Trúng tuyển                 |
| 3                                                                      | 664 | Phạm Văn Nhất        | 17/9/1986             |            | VKSND h.Tiền Hải,<br>Thái Bình       | 74       | 86          | 234       | Trúng tuyển                 |
| 4                                                                      | 656 | Phạm Tuấn Anh        | 03/7/1992             |            | VKSND tỉnh Thái Bình                 | 75       | 82          | 232       |                             |

| STT                                                                           | SBD | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác               | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                             |
|-------------------------------------------------------------------------------|-----|----------------------|-----------------------|------------|-------------------------------|----------|-------------|-----------|-------------------------------------|
|                                                                               |     |                      | Nam                   | Nữ         |                               | Viết     | Trắc nghiệm |           |                                     |
| 5                                                                             | 659 | Phạm Thị Thanh Hải   |                       | 20/10/1987 | VKSND h.Thái Thụy, Thái Bình  | 71       | 88          | 230       |                                     |
| 6                                                                             | 663 | Vũ Văn Nam           | 19/10/1986            |            | VKSND tỉnh Thái Bình          | 75       | 68          | 218       |                                     |
| 7                                                                             | 667 | Nguyễn Thị Tố Uyên   |                       | 21/6/1988  | VKSND tỉnh Thái Bình          | 57       | 90          | 204       |                                     |
| 8                                                                             | 658 | Đào Thị Trà Giang    |                       | 13/12/1982 | VKSND h.Đông Hưng, Thái Bình  | 63       | 66          | 192       |                                     |
| 9                                                                             | 662 | Đặng Thị Lan         |                       | 27/3/1978  | VKSND tỉnh Thái Bình          | 62       | 66          | 190       |                                     |
| 10                                                                            | 666 | Trần Văn Tú          | 10/01/1988            |            | VKSND tỉnh Thái Bình          | 52       | 80          | 184       |                                     |
| 11                                                                            | 657 | Đặng Cao Cường       | 13/11/1983            |            | VKSND TP.Thái Bình, Thái Bình | 52       | 78          | 182       |                                     |
| 12                                                                            | 665 | Lê Huy Tiến          | 06/7/1988             |            | VKSND h.Vũ Thư, Thái Bình     | 50       | 66          | 166       |                                     |
| <b>VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ</b>                                    |     |                      |                       |            |                               |          |             |           |                                     |
| <i>Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (01 người)</i> |     |                      |                       |            |                               |          |             |           |                                     |
| 1                                                                             | 683 | Phùng Bích Ngọc      |                       | 12/03/1976 | VKSND TX.Phú Thọ, Phú Thọ     | 69       | 76          | 214       | <i>Trúng tuyển<br/>Chỉ tiêu PVT</i> |
| 2                                                                             | 688 | Hoàng Thị Thuý       |                       | 20/12/1985 | VKSND TP.Việt Trì, Phú Thọ    | 61       | 78          | 200       |                                     |
| 3                                                                             | 672 | Vũ Kim Duyên         |                       | 10/02/1987 | VKSND h.Đoan Hùng, Phú Thọ    | 55       | 86          | 196       |                                     |
| 4                                                                             | 679 | Phạm Thị Thuý Linh   |                       | 01/06/1984 | VKSND h.Tam Nông, Phú Thọ     | 63       | 66          | 192       |                                     |
| 5                                                                             | 685 | Đỗ Thị Minh Thanh    |                       | 24/10/1986 | VKSND h.Thanh Thủy, Phú Thọ   | 62       | 68          | 192       |                                     |
| 6                                                                             | 677 | Nguyễn Thị Ngọc Lệ   |                       | 20/04/1986 | VKSND h.Lâm Thao, Phú Thọ     | 58       | 62          | 178       |                                     |
| <i>Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (02 người)</i>                               |     |                      |                       |            |                               |          |             |           |                                     |
| 7                                                                             | 668 | Đoàn Tuấn Anh        | 6/12/1984             |            | VKSND tỉnh Phú Thọ            | 73       | 90          | 236       | <i>Trúng tuyển</i>                  |
| 8                                                                             | 669 | Phạm Thị Kim Anh     |                       | 22/12/1991 | VKSND tỉnh Phú Thọ            | 68       | 100         | 236       | <i>Trúng tuyển</i>                  |
| 9                                                                             | 684 | Nguyễn Thị Bích Ngọc |                       | 03/10/1989 | VKSND TP.Việt Trì, Phú Thọ    | 83       | 66          | 232       |                                     |
| 10                                                                            | 687 | Nguyễn Thị Lan Thu   |                       | 25/05/1989 | VKSND tỉnh Phú Thọ            | 70       | 80          | 220       |                                     |
| 11                                                                            | 678 | Lưu Thanh Liêm       | 21/06/1988            |            | VKSND h.Thanh Ba, Phú Thọ     | 51       | 98          | 200       |                                     |
| 12                                                                            | 676 | Nguyễn Duy Hưng      | 07/03/1984            |            | VKSND TP.Việt Trì, Phú Thọ    | 63       | 68          | 194       |                                     |
| 13                                                                            | 670 | Trần Lại Khánh Chi   |                       | 13/3/1988  | VKSND h.Phù Ninh, Phú Thọ     | 57       | 72          | 186       |                                     |
| 14                                                                            | 682 | Nguyễn Nguyệt Minh   |                       | 15/2/1990  | VKSND tỉnh Phú Thọ            | 51       | 72          | 174       |                                     |
| 15                                                                            | 671 | Hoàng Tuấn Dũng      | 23/07/1990            |            | VKSND tỉnh Phú Thọ            | 43       | 86          | 172       |                                     |
| 16                                                                            | 674 | Nguyễn Thanh Hải     | 25/10/1984            |            | VKSND TP.Việt Trì, Phú Thọ    | 50       | 66          | 166       |                                     |
| 17                                                                            | 686 | Hà Thị Phương Thảo   |                       | 23/09/1979 | VKSND h.Thanh Thủy, Phú Thọ   | 42       | 68          | 152       |                                     |
| 18                                                                            | 681 | Phạm Mạnh Linh       | 24/07/1987            |            | VKSND h.Lâm Thao, Phú Thọ     | 34       | 62          | 130       |                                     |
| 19                                                                            | 680 | Nguyễn Thuý Linh     |                       | 18/10/1988 | VKSND tỉnh Phú Thọ            | 26       | 74          | 126       |                                     |

| STT                                                                    | SBD | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                   | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                     |
|------------------------------------------------------------------------|-----|------------------------|-----------------------|------------|-----------------------------------|----------|-------------|-----------|-----------------------------|
|                                                                        |     |                        | Nam                   | Nữ         |                                   | Viết     | Trắc nghiệm |           |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI                                    |     |                        |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (01 người)     |     |                        |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 691 | Vừ Thị Tình            |                       | 10/02/1978 | VKSND h.Mù Cang Chải, Yên Bái     | 51       | 60          | 162       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (01 người)                               |     |                        |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| 2                                                                      | 689 | Nguyễn Huy Đức         | 12/10/1985            |            | VKSND tỉnh Yên Bái                | 55       | 62          | 172       | Trúng tuyển                 |
| 3                                                                      | 690 | Phạm Văn Huy           | 2/8/1976              |            | VKSND tỉnh Yên Bái                | 40       | 56          | 136       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN                                |     |                        |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (02 người) |     |                        |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 717 | Nguyễn Văn Việt        | 10/01/1984            |            | VKSND TP.Thái Nguyên, Thái Nguyên | 70       | 84          | 224       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 2                                                                      | 705 | Đinh Khánh Luyện       | 04/10/1981            |            | VKSND h.Định Hóa, Thái Nguyên     | 77       | 68          | 222       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 3                                                                      | 703 | Ngô Quốc Hưng          | 24/6/1987             |            | VKSND h.Phú Bình, Thái Nguyên     | 68       | 78          | 214       |                             |
| 4                                                                      | 709 | Nguyễn Thị Phụng       |                       | 17/9/1980  | VKSND TP.Thái Nguyên, Thái Nguyên | 61       | 68          | 190       |                             |
| 5                                                                      | 715 | Lý Thị Tuyết           |                       | 29/01/1981 | VKSND h.Phú Bình, Thái Nguyên     | 51       | 74          | 176       |                             |
| 6                                                                      | 699 | Vi Thị Hà              |                       | 10/10/1979 | VKSND TP.Sông Công, Thái Nguyên   | 42       | 58          | 142       |                             |
| 7                                                                      | 716 | Nguyễn Ngọc Vân        | 14/01/1974            |            | VKSND h.Võ Nhai, Thái Nguyên      | 37       | 60          | 134       |                             |
| 8                                                                      | 712 | Hoàng Văn Thùy         | 06/5/1978             |            | VKSND h.Võ Nhai, Thái Nguyên      | 32       | 48          | 112       |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (03 người)                               |     |                        |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| 9                                                                      | 706 | Nguyễn Thị Bình Nguyên |                       | 05/10/1987 | VKSND tỉnh Thái Nguyên            | 73       | 94          | 240       | Trúng tuyển                 |
| 10                                                                     | 694 | Lương Dương Tùng Anh   | 30/10/1991            |            | VKSND h.Phú Lương, Thái Nguyên    | 77       | 82          | 236       | Trúng tuyển                 |
| 11                                                                     | 708 | Phùng Thị Kim Oanh     |                       | 08/7/1988  | VKSND tỉnh Thái Nguyên            | 85       | 64          | 234       | Trúng tuyển                 |
| 12                                                                     | 696 | Nguyễn Thị Kim Cúc     |                       | 12/10/1990 | VKSND TP.Phổ Yên, Thái Nguyên     | 80       | 68          | 228       |                             |
| 13                                                                     | 720 | Thái Thị Hải Yến       |                       | 17/6/1988  | VKSND TP.Thái Nguyên, Thái Nguyên | 69       | 76          | 214       |                             |
| 14                                                                     | 718 | Lưu Nguyên Vũ          | 16/11/1982            |            | VKSND h.Phú Bình, Thái Nguyên     | 67       | 70          | 204       |                             |
| 15                                                                     | 698 | Nguyễn Thị Hương Giang |                       | 26/4/1985  | VKSND h.Phú Lương, Thái Nguyên    | 63       | 78          | 204       |                             |
| 16                                                                     | 695 | Lê Thị Tuyết Chinh     |                       | 24/01/1988 | VKSND h.Đồng Hỷ, Thái Nguyên      | 65       | 72          | 202       |                             |
| 17                                                                     | 702 | Trần Thái Hùng         | 26/7/1974             |            | VKSND tỉnh Thái Nguyên            | 63       | 68          | 194       |                             |
| 18                                                                     | 711 | Lê Đức Thìn            | 30/12/1988            |            | VKSND tỉnh Thái Nguyên            | 59       | 76          | 194       |                             |
| 19                                                                     | 692 | Nguyễn Thị Lan Anh     |                       | 02/3/1982  | VKSND tỉnh Thái Nguyên            | 62       | 62          | 186       |                             |
| 20                                                                     | 707 | Nguyễn Thị Thu Nhung   |                       | 06/9/1984  | VKSND TP.Thái Nguyên, Thái Nguyên | 60       | 66          | 186       |                             |

| STT | SBD | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú |
|-----|-----|----------------------|-----------------------|------------|--------------------------------|----------|-------------|-----------|---------|
|     |     |                      | Nam                   | Nữ         |                                | Viết     | Trắc nghiệm |           |         |
| 21  | 701 | Nguyễn Như Hào       |                       | 25/8/1982  | VKSND tỉnh Thái Nguyên         | 58       | 64          | 180       |         |
| 22  | 713 | Dương Thị Lệ Thủy    |                       | 25/3/1981  | VKSND tỉnh Thái Nguyên         | 52       | 76          | 180       |         |
| 23  | 697 | Nguyễn Thành Đạt     | 08/10/1989            |            | VKSND h.Đại Từ, Thái Nguyên    | 62       | 48          | 172       |         |
| 24  | 714 | Nguyễn Minh Tôn      | 05/8/1979             |            | VKSND h.Phủ Lương, Thái Nguyên | 50       | 68          | 168       |         |
| 25  | 710 | Ma Thị Thảo          |                       | 26/02/1981 | VKSND h.Đồng Hỷ, Thái Nguyên   | 54       | 58          | 166       |         |
| 26  | 700 | Dương Thị Mai Hạnh   |                       | 06/8/1977  | VKSND tỉnh Thái Nguyên         | 50       | 62          | 162       |         |
| 27  | 693 | Trần Tuấn Anh        | 10/7/1983             |            | VKSND tỉnh Thái Nguyên         | 50       | 58          | 158       |         |
| 28  | 704 | Luân Thị Thanh Huyền |                       | 19/7/1974  | VKSND tỉnh Thái Nguyên         | 39       | 58          | 136       |         |
| 29  | 719 | Đào Việt Yên         | 10/8/1980             |            | VKSND TP.Phổ Yên, Thái Nguyên  | 33       | 58          | 124       |         |

| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA                                     |     |                      |            |            |                          |    |    |     |                             |
|------------------------------------------------------------------------|-----|----------------------|------------|------------|--------------------------|----|----|-----|-----------------------------|
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (01 người)     |     |                      |            |            |                          |    |    |     |                             |
| 1                                                                      | 727 | Hà Văn Thiều         | 06/02/1987 |            | VKSND h.Bắc Yên, Sơn La  | 50 | 76 | 176 | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (01 người) |     |                      |            |            |                          |    |    |     |                             |
| 2                                                                      | 728 | Nguyễn Hương Mạnh    | 28/7/1989  |            | VKSND h.Vân Hồ, Sơn La   | 69 | 90 | 228 | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 3                                                                      | 729 | Nguyễn Thị Hương     |            | 24/8/1987  | VKSND h.Yên Châu, Sơn La | 58 | 76 | 192 |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (04 người)                               |     |                      |            |            |                          |    |    |     |                             |
| 4                                                                      | 723 | Nguyễn Thu Hà        |            | 13/8/1990  | VKSND tỉnh Sơn La        | 58 | 92 | 208 | Trúng tuyển                 |
| 5                                                                      | 724 | Phạm Thị Minh Thu    |            | 18/7/1988  | VKSND tỉnh Sơn La        | 60 | 78 | 198 | Trúng tuyển                 |
| 6                                                                      | 725 | Nguyễn Thị Quỳnh Lan |            | 04/12/1984 | VKSND TP.Sơn La, Sơn La  | 55 | 78 | 188 | Trúng tuyển                 |
| 7                                                                      | 726 | Hoàng Như Quỳnh      |            | 15/9/1989  | VKSND TP.Sơn La, Sơn La  | 52 | 82 | 186 | Trúng tuyển                 |
| 8                                                                      | 721 | Đinh Thị Quỳnh Hương |            | 09/7/1990  | VKSND tỉnh Sơn La        | 51 | 76 | 178 |                             |
| 9                                                                      | 722 | Hà Bích Diệp         |            | 07/5/1985  | VKSND tỉnh Sơn La        | 42 | 56 | 140 |                             |

| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH                                  |     |             |            |  |                              |    |    |     |                             |
|------------------------------------------------------------------------|-----|-------------|------------|--|------------------------------|----|----|-----|-----------------------------|
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (01 người) |     |             |            |  |                              |    |    |     |                             |
| 1                                                                      | 730 | Bùi Văn Đức | 14/02/1974 |  | VKSND TP.Tam Điệp, Ninh Bình | 55 | 64 | 174 | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |

| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM       |     |                      |           |            |                         |    |    |     |                                                                                    |
|------------------------------------------|-----|----------------------|-----------|------------|-------------------------|----|----|-----|------------------------------------------------------------------------------------|
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (01 người) |     |                      |           |            |                         |    |    |     |                                                                                    |
| 1                                        | 731 | Nguyễn Đức Anh       | 11/6/1987 |            | VKSND h.Lý Nhân, Hà Nam | 50 | 84 | 184 | Trúng tuyển                                                                        |
| 2                                        | 732 | Nguyễn Thị Hồng Hạnh |           | 15/10/1990 | VKSND tỉnh Hà Nam       | 68 | 80 | 216 | Vì phạm về bảo vệ chính trị nội bộ (chồng bị khởi tố về tội đặc biệt nghiêm trọng) |

| STT                                                                    | SBD | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                   | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                     |
|------------------------------------------------------------------------|-----|-----------------------|-----------------------|------------|-----------------------------------|----------|-------------|-----------|-----------------------------|
|                                                                        |     |                       | Nam                   | Nữ         |                                   | Viết     | Trắc nghiệm |           |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH                                 |     |                       |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (01 người)                               |     |                       |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 734 | Trần Thị Thu Hiền     |                       | 12/11/1984 | VKSND TP.Đồng Hới, Quảng Bình     | 82       | 86          | 250       | Trúng tuyển                 |
| 2                                                                      | 735 | Lê Minh Quyền         | 9/8/1990              |            | VKSND tỉnh Quảng Bình             | 80       | 70          | 230       |                             |
| 3                                                                      | 733 | Trương Thị Hồng       |                       | 27/7/1987  | VKSND tỉnh Quảng Bình             | 60       | 74          | 194       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ                                  |     |                       |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (02 người)     |     |                       |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 739 | Phan Lê Thành         | 02/01/1973            |            | VKSND h.Đắk Rông, Quảng Trị       | 68       | 84          | 220       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| 2                                                                      | 737 | Trương Thị Lâm Hương  |                       | 02/9/1981  | VKSND h.Triệu Phong, Quảng Trị    | 57       | 84          | 198       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (02 người)                               |     |                       |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| 3                                                                      | 736 | Trần Văn Dũng         | 11/11/1971            |            | VKSND tỉnh Quảng Trị              | 75       | 64          | 214       | Trúng tuyển                 |
| 4                                                                      | 740 | Nguyễn Thị Thành      |                       | 14/5/1987  | VKSND tỉnh Quảng Trị              | 63       | 86          | 212       | Trúng tuyển                 |
| 5                                                                      | 742 | Nguyễn Viết Tiến      | 23/11/1985            |            | VKSND tỉnh Quảng Trị              | 70       | 68          | 208       |                             |
| 6                                                                      | 741 | Nguyễn Thị Thương     |                       | 14/02/1990 | VKSND tỉnh Quảng Trị              | 50       | 78          | 178       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN                                  |     |                       |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (01 người)     |     |                       |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 745 | Phạm Khả              | 18/10/1985            |            | VKSND h.Điện Biên Đông, Điện Biên | 63       | 70          | 196       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (01 người) |     |                       |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| 2                                                                      | 748 | Ngô Hoài Ngân         | 10/6/1986             |            | VKSND h.Mường Ảng, Điện Biên      | 63       | 74          | 200       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 3                                                                      | 744 | Đinh Thị Thu Hiền     |                       | 26/12/1990 | VKSND h.Tùa Chùa, Điện Biên       | 61       | 66          | 188       |                             |
| 4                                                                      | 751 | Hoàng Đức Thái        | 16/5/1988             |            | VKSND h.Tuần Giáo, Điện Biên      | 59       | 66          | 184       |                             |
| 5                                                                      | 743 | Nguyễn Tiến Đỗ        | 14/12/1991            |            | VKSND h.Mường Lay, Điện Biên      | 40       | 68          | 148       |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (03 người)                               |     |                       |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| 6                                                                      | 750 | Phan Thị Thu Phương   |                       | 01/4/1989  | VKSND h.Điện Biên, Điện Biên      | 67       | 90          | 224       | Trúng tuyển                 |
| 7                                                                      | 752 | Nguyễn Thị Ngọc Thắm  |                       | 06/02/1988 | VKSND TP.Điện Biên Phủ, Điện Biên | 60       | 86          | 206       | Trúng tuyển                 |
| 8                                                                      | 754 | Bùi Thị Thảo          |                       | 15/01/1989 | VKSND TP.Điện Biên Phủ, Điện Biên | 62       | 76          | 200       | Trúng tuyển                 |
| 9                                                                      | 747 | Nguyễn Thị Mai        |                       | 04/7/1987  | VKSND h.Điện Biên, Điện Biên      | 62       | 74          | 198       |                             |
| 10                                                                     | 749 | Mai Thị Kim Oanh      |                       | 15/3/1983  | VKSND tỉnh Điện Biên              | 62       | 60          | 184       |                             |
| 11                                                                     | 753 | Phạm Duy Thanh        | 11/6/1988             |            | VKSND h.Điện Biên, Điện Biên      | 58       | 68          | 184       |                             |
| 12                                                                     | 746 | Quảng Thị Phương Linh |                       | 26/12/1988 | VKSND tỉnh Điện Biên              | 38       | 56          | 132       |                             |

| STT                                                                    | SBD | Họ và tên        | Ngày, tháng, năm sinh |           | Đơn vị công tác                 | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                     |
|------------------------------------------------------------------------|-----|------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------|----------|-------------|-----------|-----------------------------|
|                                                                        |     |                  | Nam                   | Nữ        |                                 | Viết     | Trắc nghiệm |           |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG                                  |     |                  |                       |           |                                 |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (01 người) |     |                  |                       |           |                                 |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 760 | Vũ Hoàng Ninh    | 24/12/1974            |           | VKSND h.Tứ Kỳ,<br>Hải Dương     | 70       | 78          | 218       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 2                                                                      | 757 | Nguyễn Ánh Dương | 10/12/1978            |           | VKSND h.Cẩm Giàng,<br>Hải Dương | 61       | 76          | 198       |                             |
| 3                                                                      | 756 | Phạm Văn Bình    | 01/12/1977            |           | VKSND h.Thanh Hà,<br>Hải Dương  | 37       | 76          | 150       |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (02 người)                               |     |                  |                       |           |                                 |          |             |           |                             |
| 4                                                                      | 758 | Nguyễn Thị Hiền  |                       | 10/9/1982 | VKSND tỉnh Hải Dương            | 70       | 80          | 220       | Trúng tuyển                 |
| 5                                                                      | 759 | Nguyễn Đức Lăng  | 01/3/1981             |           | VKSND tỉnh Hải Dương            | 69       | 54          | 192       | Trúng tuyển                 |
| 6                                                                      | 761 | Lê Quang Vinh    | 25/6/1987             |           | VKSND tỉnh Hải Dương            | 60       | 68          | 188       |                             |

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

Kỳ thi tuyển Kiểm sát viên cao cấp đợt 2 năm 2024

(Kèm theo Quyết định số: 223/QĐ-HĐTT ngày 14/4/2025 của Hội đồng thi tuyển Kiểm sát viên)

| STT                            | SBD | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|--------------------------------|-----|-----------------------|-----------------------|------------|-----------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|                                |     |                       | Nam                   | Nữ         |                 | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO |     |                       |                       |            |                 |          |             |           |             |
| 1                              | 025 | Bùi Thị Thu Hương     |                       | 16/8/1974  | Vụ 1, VKSNDTC   | 74       | 90          | 238       | Trúng tuyển |
| 2                              | 030 | Nguyễn Huy Khánh      | 20/11/1980            |            | Vụ 3, VKSNDTC   | 70       | 96          | 236       | Trúng tuyển |
| 3                              | 012 | Nguyễn Thị Việt Chung |                       | 12/7/1977  | Vụ 10, VKSNDTC  | 69       | 98          | 236       | Trúng tuyển |
| 4                              | 046 | Lê Đức Sơn            | 21/10/1986            |            | Vụ 16, VKSNDTC  | 72       | 90          | 234       | Trúng tuyển |
| 5                              | 034 | Trần Thế Linh         | 19/8/1987             |            | Vụ 3, VKSNDTC   | 68       | 98          | 234       | Trúng tuyển |
| 6                              | 005 | Nguyễn Thị Thúy An    |                       | 07/11/1987 | Vụ 2, VKSNDTC   | 72       | 84          | 228       |             |
| 7                              | 041 | Nguyễn Thị Nường      |                       | 23/10/1981 | Vụ 2, VKSNDTC   | 70       | 86          | 226       |             |
| 8                              | 006 | Nguyễn Thị Lan Anh    |                       | 08/01/1982 | Vụ 1, VKSNDTC   | 60       | 92          | 212       |             |
| 9                              | 008 | Đinh Tuấn Anh         | 20/7/1974             |            | Vụ 9, VKSNDTC   | 65       | 80          | 210       |             |
| 10                             | 050 | Nguyễn Cẩm Tú         |                       | 31/01/1985 | Vụ 13, VKSNDTC  | 56       | 94          | 206       |             |
| 11                             | 026 | Nguyễn Thị Lan Hương  |                       | 07/3/1986  | Vụ 1, VKSNDTC   | 61.5     | 76          | 199       |             |
| 12                             | 053 | Nguyễn Thị Út         |                       | 30/8/1977  | Vụ 2, VKSNDTC   | 60       | 76          | 196       |             |
| 13                             | 007 | Nguyễn Đức Anh        | 05/6/1987             |            | Vụ 5, VKSNDTC   | 51       | 90          | 192       |             |
| 14                             | 018 | Lê Chí Dũng           | 27/5/1973             |            | Vụ 4, VKSNDTC   | 50       | 90          | 190       |             |
| 15                             | 038 | Nguyễn Khánh Nam      | 08/8/1975             |            | Vụ 3, VKSNDTC   | 50       | 88          | 188       |             |
| 16                             | 049 | Nguyễn Tiến Trung     | 09/7/1981             |            | Vụ 4, VKSNDTC   | 50       | 88          | 188       |             |
| 17                             | 047 | Bùi Trung Thành       | 16/9/1978             |            | Vụ 8, VKSNDTC   | 50       | 86          | 186       |             |
| 18                             | 021 | Nguyễn Thị Hằng Hạnh  |                       | 27/7/1979  | Vụ 12, VKSNDTC  | 54       | 76          | 184       |             |
| 19                             | 029 | Nguyễn Văn Huy        | 10/3/1967             |            | Vụ 10, VKSNDTC  | 50.5     | 82          | 183       |             |
| 20                             | 048 | Phạm Thu Thủy         |                       | 26/4/1977  | Vụ 9, VKSNDTC   | 50       | 82          | 182       |             |
| 21                             | 028 | Nguyễn Thị Xuân Hương |                       | 30/9/1980  | Vụ 12, VKSNDTC  | 58       | 64          | 180       |             |
| 22                             | 016 | Phạm Đức              | 02/9/1982             |            | Vụ 7, VKSNDTC   | 45       | 88          | 178       |             |
| 23                             | 051 | Tạ Anh Tuấn           | 15/02/1969            |            | Vụ 7, VKSNDTC   | 50       | 76          | 176       |             |

| STT | SBD | Họ và tên        | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------------|-----------------------|------------|-----------------|----------|-------------|-----------|---------|
|     |     |                  | Nam                   | Nữ         |                 | Viết     | Trắc nghiệm |           |         |
| 24  | 039 | Trần Thị Nết     |                       | 21/11/1977 | Vụ 3, VKSNDTC   | 41.5     | 88          | 171       |         |
| 25  | 020 | Nguyễn Thị Hạnh  |                       | 19/4/1978  | Vụ 12, VKSNDTC  | 40       | 86          | 166       |         |
| 26  | 019 | Ngô Thu Hà       |                       | 15/8/1983  | Vụ 12, VKSNDTC  | 40       | 82          | 162       |         |
| 27  | 035 | Nguyễn Đức Long  | 06/5/1980             |            | Vụ 3, VKSNDTC   | 41       | 78          | 160       |         |
| 28  | 036 | Phạm Công Lưu    | 13/8/1987             |            | Vụ 5, VKSNDTC   | 40       | 80          | 160       |         |
| 29  | 015 | Ngô Quang Đức    | 22/4/1974             |            | Vụ 2, VKSNDTC   | 40       | 76          | 156       |         |
| 30  | 042 | Bùi Thị Tú Oanh  |                       | 05/8/1976  | Vụ 8, VKSNDTC   | 40.5     | 74          | 155       |         |
| 31  | 032 | Vũ Quý Lâm       | 17/8/1969             |            | Vụ 8, VKSNDTC   | 35.5     | 82          | 153       |         |
| 32  | 037 | Lê Thị Thu Lý    |                       | 16/3/1981  | Vụ 4, VKSNDTC   | 41       | 70          | 152       |         |
| 33  | 054 | Đoàn Thị Vĩnh    |                       | 19/11/1982 | Vụ 3, VKSNDTC   | 33       | 76          | 142       |         |
| 34  | 017 | Nguyễn Việt Dũng | 26429                 |            | Vụ 3, VKSNDTC   | 50       | Bỏ thi      | 50        |         |

| VIỆN KIỂM SÁT QUÂN SỰ |     |                 |            |  |                  |      |    |     |  |
|-----------------------|-----|-----------------|------------|--|------------------|------|----|-----|--|
| 1                     | 057 | Dương Ngọc Vinh | 25/12/1975 |  | VKSQS trung ương | 43   | 80 | 166 |  |
| 2                     | 055 | Phạm Văn Hải    | 15/3/1973  |  | VKSQS QK3        | 37   | 90 | 164 |  |
| 3                     | 056 | Trương Tấn Linh | 12/02/1972 |  | VKSQS QK9        | 28.5 | 76 | 133 |  |

| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI |     |                   |            |            |                 |    |    |     |             |
|-------------------------------------------|-----|-------------------|------------|------------|-----------------|----|----|-----|-------------|
| 1                                         | 061 | Trần Minh Châu    | 15/6/1973  |            | VKSND cấp cao 1 | 69 | 96 | 234 | Trúng tuyển |
| 2                                         | 077 | Nguyễn Văn Tấn    | 06/10/1985 |            | VKSND cấp cao 1 | 68 | 96 | 232 | Trúng tuyển |
| 3                                         | 080 | Trần Đăng Vinh    | 05/02/1971 |            | VKSND cấp cao 1 | 68 | 90 | 226 | Trúng tuyển |
| 4                                         | 079 | Nguyễn Văn Vinh   | 01/9/1979  |            | VKSND cấp cao 1 | 69 | 86 | 224 | Trúng tuyển |
| 5                                         | 062 | Vũ Văn Chuyện     | 24/6/1970  |            | VKSND cấp cao 1 | 65 | 92 | 222 |             |
| 6                                         | 065 | Trần Trà Giang    |            | 02/9/1985  | VKSND cấp cao 1 | 59 | 96 | 214 |             |
| 7                                         | 073 | Nguyễn Trường Lâm | 13/9/1974  |            | VKSND cấp cao 1 | 61 | 88 | 210 |             |
| 8                                         | 067 | Nguyễn Anh Hải    | 15/6/1976  |            | VKSND cấp cao 1 | 61 | 86 | 208 |             |
| 9                                         | 078 | Cao Thị Thu Thắng |            | 27/3/1977  | VKSND cấp cao 1 | 58 | 88 | 204 |             |
| 10                                        | 074 | Nguyễn Anh Nga    |            | 1/6/1975   | VKSND cấp cao 1 | 57 | 88 | 202 |             |
| 11                                        | 059 | Trần Thị Yến Anh  |            | 17/12/1980 | VKSND cấp cao 1 | 60 | 80 | 200 |             |
| 12                                        | 072 | Đỗ Thị Hường      |            | 25/7/1980  | VKSND cấp cao 1 | 53 | 92 | 198 |             |

| STT | SBD | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú |
|-----|-----|----------------------|-----------------------|------------|-----------------|----------|-------------|-----------|---------|
|     |     |                      | Nam                   | Nữ         |                 | Viết     | Trắc nghiệm |           |         |
| 13  | 066 | Nguyễn Thị Giang     |                       | 14/6/1979  | VKSND cấp cao 1 | 54       | 86          | 194       |         |
| 14  | 060 | Vũ Thị Cẩm Anh       |                       | 07/10/1987 | VKSND cấp cao 1 | 50       | 84          | 184       |         |
| 15  | 075 | Hoàng Tuấn Ninh      | 26/01/1979            |            | VKSND cấp cao 1 | 50       | 84          | 184       |         |
| 16  | 068 | Bùi Thị Thu Hằng     |                       | 16/8/1973  | VKSND cấp cao 1 | 50.5     | 82          | 183       |         |
| 17  | 069 | Nguyễn Thị Thúy Hiền |                       | 21/7/1984  | VKSND cấp cao 1 | 56.5     | 68          | 181       |         |
| 18  | 058 | Phạm Tuấn An         | 03/02/1981            |            | VKSND cấp cao 1 | 50       | 76          | 176       |         |
| 19  | 076 | Trần Thị Minh Phương |                       | 06/01/1986 | VKSND cấp cao 1 | 50       | 74          | 174       |         |
| 20  | 070 | Nguyễn Trọng Hiệp    | 19/7/1983             |            | VKSND cấp cao 1 | 41.5     | 90          | 173       |         |
| 21  | 063 | Đào Xuân Đông        | 14/3/1984             |            | VKSND cấp cao 1 | 40       | 80          | 160       |         |
| 22  | 071 | Vũ Kiều Hưng         | 30/01/1977            |            | VKSND cấp cao 1 | 45       | 62          | 152       |         |
| 23  | 081 | Phan Thị Ngọc Yến    |                       | 14/8/1980  | VKSND cấp cao 1 | 40       | 60          | 140       |         |

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

|   |     |                     |          |           |                 |      |    |     |             |
|---|-----|---------------------|----------|-----------|-----------------|------|----|-----|-------------|
| 1 | 083 | Trần Thị Lài        |          | 10/3/1984 | VKSND cấp cao 2 | 74.5 | 98 | 247 | Trúng tuyển |
| 2 | 085 | Phan Thị Xuân Thanh |          | 8/5/1978  | VKSND cấp cao 2 | 57   | 78 | 192 | Trúng tuyển |
| 3 | 084 | Nguyễn Vĩnh Tá      | 8/4/1974 |           | VKSND cấp cao 2 | 55   | 64 | 174 |             |
| 4 | 082 | Phạm Đình Bến       | 9/2/1970 |           | VKSND cấp cao 2 | 40   | 92 | 172 |             |

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

|    |     |                    |            |            |                 |    |    |     |             |
|----|-----|--------------------|------------|------------|-----------------|----|----|-----|-------------|
| 1  | 087 | Huỳnh Đức Chiến    | 12/27/1983 |            | VKSND cấp cao 3 | 67 | 86 | 220 | Trúng tuyển |
| 2  | 089 | Bùi Như Lạc        | 05/7/1977  |            | VKSND cấp cao 3 | 62 | 78 | 202 | Trúng tuyển |
| 3  | 090 | Phạm Xuân Minh     | 2/26/1981  |            | VKSND cấp cao 3 | 52 | 92 | 196 |             |
| 4  | 096 | Mai Thanh Tùng     | 16/5/1977  |            | VKSND cấp cao 3 | 60 | 76 | 196 |             |
| 5  | 092 | Nguyễn Anh Thương  | 09/01/1982 |            | VKSND cấp cao 3 | 55 | 80 | 190 |             |
| 6  | 091 | Nguyễn Anh Thìn    | 25/5/1976  |            | VKSND cấp cao 3 | 53 | 70 | 176 |             |
| 7  | 086 | Trương Ngọc Duy Ân |            | 28/12/1981 | VKSND cấp cao 3 | 50 | 64 | 164 |             |
| 8  | 094 | Đỗ Thị Trang       |            | 12/01/1981 | VKSND cấp cao 3 | 50 | 60 | 160 |             |
| 9  | 093 | Nguyễn Hữu Tiến    | 25/7/1974  |            | VKSND cấp cao 3 | 40 | 72 | 152 |             |
| 10 | 095 | Đinh Hữu Trí       | 25/4/1980  |            | VKSND cấp cao 3 | 40 | 72 | 152 |             |
| 11 | 088 | Lâm Phước Hưởng    | 03/01/1967 |            | VKSND cấp cao 3 | 40 | 56 | 136 |             |

| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO<br>HỘI ĐỒNG THI TUYỂN KIỂM SÁT VIÊN                                                                                                                                                      |     |                      |                       |            | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |          |             |           |             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------------------|-----------------------|------------|-------------------------------------------------------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
| DANH SÁCH KẾT QUẢ THI VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN<br>Kỳ thi tuyển Kiểm sát viên sơ cấp đợt 2 năm 2024 (khu vực phía Nam)<br>(Kèm theo Quyết định số: 223/QĐ-HĐTT ngày 14/4/2025 của Hội đồng thi tuyển Kiểm sát viên) |     |                      |                       |            |                                                                   |          |             |           |             |
| STT                                                                                                                                                                                                                     | SBD | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                                                   | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|                                                                                                                                                                                                                         |     |                      | Nam                   | Nữ         |                                                                   | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG                                                                                                                                                                              |     |                      |                       |            |                                                                   |          |             |           |             |
| 1                                                                                                                                                                                                                       | 009 | Dương Thanh Tùng     | 13/10/1994            |            | VKSND cấp cao 2                                                   | 84       | 92          | 260       | Trúng tuyển |
| 2                                                                                                                                                                                                                       | 005 | Nguyễn Phương Anh    |                       | 01/11/1994 | VKSND cấp cao 2                                                   | 77       | 92          | 246       | Trúng tuyển |
| 3                                                                                                                                                                                                                       | 006 | Lê Thị Lý            |                       | 15/5/1995  | VKSND cấp cao 2                                                   | 81       | 80          | 242       | Trúng tuyển |
| 4                                                                                                                                                                                                                       | 008 | Nguyễn Thị Như Quỳnh |                       | 05/10/1996 | VKSND cấp cao 2                                                   | 74.5     | 88          | 237       |             |
| 5                                                                                                                                                                                                                       | 007 | Trịnh Thị Ngọc       |                       | 15/9/1994  | VKSND cấp cao 2                                                   | 67       | 76          | 210       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                                                                                                                                                                |     |                      |                       |            |                                                                   |          |             |           |             |
| 1                                                                                                                                                                                                                       | 016 | Võ Thị Tâm           |                       | 30/6/1994  | VKSND cấp cao 3                                                   | 85       | 92          | 262       | Trúng tuyển |
| 2                                                                                                                                                                                                                       | 018 | Nguyễn Thị Thu Trang |                       | 06/4/1991  | VKSND cấp cao 3                                                   | 77       | 90          | 244       | Trúng tuyển |
| 3                                                                                                                                                                                                                       | 015 | Nguyễn Thị Mỹ Ngọc   |                       | 18/11/1995 | VKSND cấp cao 3                                                   | 78       | 82          | 238       | Trúng tuyển |
| 4                                                                                                                                                                                                                       | 013 | Trần Kim Ngân        |                       | 24/11/1987 | VKSND cấp cao 3                                                   | 79       | 78          | 236       | Trúng tuyển |
| 5                                                                                                                                                                                                                       | 017 | Trần Xuân Thao       | 15/01/1996            |            | VKSND cấp cao 3                                                   | 72       | 84          | 228       |             |
| 6                                                                                                                                                                                                                       | 010 | Lê Vân Anh           |                       | 16/9/1993  | VKSND cấp cao 3                                                   | 71       | 62          | 204       |             |
| 7                                                                                                                                                                                                                       | 012 | Phan Thị Minh        |                       | 04/02/1994 | VKSND cấp cao 3                                                   | 60       | 68          | 188       |             |
| 8                                                                                                                                                                                                                       | 011 | Nguyễn Đức Minh      | 15/10/1981            |            | VKSND cấp cao 3                                                   | 50       | 70          | 170       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT QUÂN SỰ                                                                                                                                                                                                   |     |                      |                       |            |                                                                   |          |             |           |             |
| 1                                                                                                                                                                                                                       | 022 | Đặng Mai Hiền        |                       | 08/7/1998  | VKSQS KV73 QK7                                                    | 77       | 82          | 236       | Trúng tuyển |
| 2                                                                                                                                                                                                                       | 019 | Hán Văn Cháng        | 10/9/1987             |            | VKSQS KV52 QK5                                                    | 75       | 82          | 232       | Trúng tuyển |
| 3                                                                                                                                                                                                                       | 021 | Lê Minh Đông         | 01/01/1998            |            | VKSQS KV53 QK5                                                    | 65       | 84          | 214       | Trúng tuyển |
| 4                                                                                                                                                                                                                       | 020 | Đoàn Văn Phước Duy   | 20/10/1997            |            | VKSQS KV51 QK5                                                    | 67       | 76          | 210       | Trúng tuyển |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG                                                                                                                                                                                    |     |                      |                       |            |                                                                   |          |             |           |             |
| 1                                                                                                                                                                                                                       | 023 | Trần Thị Mỹ Thơ      |                       | 08/7/1996  | VKSND TP.Châu Đốc,<br>An Giang                                    | 73       | 76          | 222       | Trúng tuyển |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG                                                                                                                                                                                  |     |                      |                       |            |                                                                   |          |             |           |             |
| 1                                                                                                                                                                                                                       | 027 | Lê Mai Cơ            |                       | 01/8/1995  | VKSND tỉnh Bình Dương                                             | 83       | 88          | 254       | Trúng tuyển |
| 2                                                                                                                                                                                                                       | 036 | Lê Văn Thanh         | 14/6/1996             |            | VKSND TX.Bến Cát,<br>Bình Dương                                   | 80       | 84          | 244       | Trúng tuyển |

| STT                                      | SBD | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác               | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|------------------------------------------|-----|------------------------|-----------------------|------------|-------------------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|                                          |     |                        | Nam                   | Nữ         |                               | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| 3                                        | 031 | Vũ Thị Diệu Linh       |                       | 17/8/1995  | VKSND tỉnh Bình Dương         | 82       | 74          | 238       |             |
| 4                                        | 029 | Nguyễn Hồng Diễm       |                       | 18/3/1995  | VKSND tỉnh Bình Dương         | 79       | 72          | 230       |             |
| 5                                        | 032 | Nguyễn Văn Ngọc        | 13/10/1996            |            | VKSND TP.Thuận An, Bình Dương | 79       | 72          | 230       |             |
| 6                                        | 035 | Phạm Tấn Tài           | 20/11/1996            |            | VKSND TP.Tân Uyên, Bình Dương | 71       | 84          | 226       |             |
| 7                                        | 024 | Nguyễn Duy Anh         | 29/8/1994             |            | VKSND tỉnh Bình Dương         | 72       | 78          | 222       |             |
| 8                                        | 026 | Trần Nguyễn Huy Chương | 06/12/1996            |            | VKSND h.Phú Giáo, Bình Dương  | 65       | 66          | 196       |             |
| 9                                        | 030 | Đoàn Thị Ngọc Huyền    |                       | 04/01/1996 | VKSND h.Dầu Tiếng, Bình Dương | 61       | 74          | 196       |             |
| 10                                       | 028 | Phan Mạnh Cường        | 07/11/1995            |            | VKSND tỉnh Bình Dương         | 55       | 86          | 196       |             |
| 11                                       | 033 | Nguyễn Công Nguyên     | 06/02/1988            |            | VKSND h.Bàu Bàng, Bình Dương  | 62       | 68          | 192       |             |
| 12                                       | 034 | Phan Thụy Băng Sương   |                       | 22/7/1994  | VKSND TP.Tân Uyên, Bình Dương | 61       | 70          | 192       |             |
| 13                                       | 037 | Phan Mai Thanh Trà     |                       | 16/5/1996  | VKSND tỉnh Bình Dương         | 63       | 60          | 186       |             |
| 14                                       | 025 | Nguyễn Văn Chiến       | 17/02/1982            |            | VKSND TP.Dĩ An, Bình Dương    | 45       | 62          | 152       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG |     |                        |                       |            |                               |          |             |           |             |
| 1                                        | 045 | Trần Quỳnh Thư         |                       | 15/12/1996 | VKSND TP Đà Nẵng              | 83       | 80          | 246       | Trúng tuyển |
| 2                                        | 048 | Nguyễn Thị Thanh Vân   |                       | 31/5/1992  | VKSND q.Hải Châu, Đà Nẵng     | 80       | 68          | 228       | Trúng tuyển |
| 3                                        | 039 | Phan Lê Nguyên Hạnh    |                       | 20/01/1995 | VKSND q.Hải Châu, Đà Nẵng     | 75       | 72          | 222       | Trúng tuyển |
| 4                                        | 046 | Nguyễn Thị Trang       |                       | 08/7/1991  | VKSND TP Đà Nẵng              | 72       | 74          | 218       | Trúng tuyển |
| 5                                        | 042 | Nguyễn Đức Lam Phương  |                       | 04/3/1995  | VKSND q.Thanh Khê, Đà Nẵng    | 72       | 72          | 216       | Trúng tuyển |
| 6                                        | 044 | Lương Thị Phương Thảo  |                       | 28/3/1990  | VKSND q.Liên Chiểu, Đà Nẵng   | 73.5     | 68          | 215       | Trúng tuyển |
| 7                                        | 040 | Phan Thị Thúy Hậu      |                       | 01/01/1985 | VKSND h.Hòa Vang, Đà Nẵng     | 69       | 76          | 214       | Trúng tuyển |
| 8                                        | 038 | Phạm Thị Hồng Đào      |                       | 06/01/1991 | VKSND q.Liên Chiểu, Đà Nẵng   | 71       | 70          | 212       |             |
| 9                                        | 041 | Đặng Thị Lâm           |                       | 01/01/1991 | VKSND q.Sơn Trà, Đà Nẵng      | 69       | 72          | 210       |             |
| 10                                       | 043 | Lê Tấn Quý             | 10/02/1994            |            | VKSND h.Hòa Vang, Đà Nẵng     | 60       | 68          | 188       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG     |     |                        |                       |            |                               |          |             |           |             |
| 43                                       | 049 | Nguyễn Thanh Bình      | 17/01/1989            |            | VKSND tỉnh Đắk Nông           | 67       | 68          | 202       | Trúng tuyển |
| 44                                       | 050 | Điền Sa Chê            | 25/02/1994            |            | VKSND h.Đắk R'lấp, Đắk Nông   | 51       | 68          | 170       | Trúng tuyển |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI     |     |                        |                       |            |                               |          |             |           |             |
| 1                                        | 059 | Hoàng Thị Thanh Xuân   |                       | 17/12/1993 | VKSND h.Cẩm Mỹ, Đồng Nai      | 83       | 74          | 240       | Trúng tuyển |
| 2                                        | 057 | Nguyễn Thị Hoài Thu    |                       | 12/12/1994 | VKSND tỉnh Đồng Nai           | 71       | 92          | 234       | Trúng tuyển |

| STT                                    | SBD | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                 | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|----------------------------------------|-----|----------------------|-----------------------|------------|---------------------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|                                        |     |                      | Nam                   | Nữ         |                                 | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| 3                                      | 058 | Huỳnh Việt Trí       | 02/12/1995            |            | VKSND tỉnh Đồng Nai             | 76       | 80          | 232       | Trúng tuyển |
| 4                                      | 054 | Hoàng Hưng           | 22/3/1992             |            | VKSND tỉnh Đồng Nai             | 78       | 74          | 230       | Trúng tuyển |
| 5                                      | 055 | Hoàng Mai Ly         |                       | 02/10/1992 | VKSND tỉnh Đồng Nai             | 70       | 88          | 228       |             |
| 6                                      | 052 | Nguyễn Thị Hiền      |                       | 19/01/1993 | VKSND tỉnh Đồng Nai             | 76       | 72          | 224       |             |
| 7                                      | 056 | Nguyễn Thị Bích Ngọc |                       | 12/11/1993 | VKSND tỉnh Đồng Nai             | 69       | 84          | 222       |             |
| 8                                      | 051 | Bùi Đức Diễm         | 06/8/1994             |            | VKSND tỉnh Đồng Nai             | 76       | 66          | 218       |             |
| 9                                      | 060 | Lê Thị Yên           |                       | 11/4/1993  | VKSND tỉnh Đồng Nai             | 70       | 72          | 212       |             |
| 10                                     | 053 | Nguyễn Văn Hoan      | 26/3/1994             |            | VKSND h.Nhơn Trạch, Đồng Nai    | 68       | 68          | 204       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG   |     |                      |                       |            |                                 |          |             |           |             |
| 1                                      | 061 | Trần Quốc Khánh      | 06/02/1986            |            | VKSND TP.Bảo Lộc, Lâm Đồng      | 52.5     | 78          | 183       | Trúng tuyển |
| 2                                      | 062 | Phạm Diệu Huyền      |                       | 16/5/1980  | VKSND h.Đơn Dương, Lâm Đồng     | 55       | 70          | 180       | Trúng tuyển |
| 3                                      | 063 | Đặng Thị Thảo        |                       | 10/11/1995 | VKSND tỉnh Lâm Đồng             | 69       | 86          | 224       | Trúng tuyển |
| 4                                      | 064 | Phan Lê Quỳnh Hương  |                       | 02/12/1996 | VKSND tỉnh Lâm Đồng             | 77       | 94          | 248       | Trúng tuyển |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC |     |                      |                       |            |                                 |          |             |           |             |
| 1                                      | 075 | Phùng Mai Thùy       |                       | 13/11/1996 | VKSND tỉnh Bình Phước           | 86       | 86          | 258       | Trúng tuyển |
| 2                                      | 069 | Lê Trần Minh Hoài    | 15/4/1996             |            | VKSND tỉnh Bình Phước           | 78       | 88          | 244       | Trúng tuyển |
| 3                                      | 078 | Phạm Thị Thùy Vân    |                       | 21/02/1992 | VKSND h.Phú Riềng, Bình Phước   | 78       | 80          | 236       | Trúng tuyển |
| 4                                      | 070 | Lê Thị Thùy Linh     |                       | 12/9/1993  | VKSND tỉnh Bình Phước           | 78       | 74          | 230       | Trúng tuyển |
| 5                                      | 073 | Ma Thị Thanh         |                       | 09/02/1992 | VKSND h.Hớn Quản, Bình Phước    | 66.5     | 82          | 215       | Trúng tuyển |
| 6                                      | 079 | Phạm Thị Yên         |                       | 20/10/1991 | VKSND h.Phú Riềng, Bình Phước   | 70       | 72          | 212       | Trúng tuyển |
| 7                                      | 068 | Vũ Thị Hoa           |                       | 22/10/1989 | VKSND h.Bù Đốp, Bình Phước      | 72       | 64          | 208       |             |
| 8                                      | 076 | Nguyễn Đức Toàn      | 06/3/1980             |            | VKSND TX.Bình Long, Bình Phước  | 69       | 68          | 206       |             |
| 9                                      | 066 | Hoàng Văn Công       | 03/10/1988            |            | VKSND tỉnh Bình Phước           | 60       | 78          | 198       |             |
| 10                                     | 067 | Phạm Nam Định        | 09/12/1995            |            | VKSND h.Bù Đốp, Bình Phước      | 55       | 88          | 198       |             |
| 11                                     | 071 | Trần Thị Mỹ Nương    |                       | 01/01/1989 | VKSND TX.Bình Long, Bình Phước  | 64       | 68          | 196       |             |
| 12                                     | 072 | Lưu Hồng Sơn         | 29/6/1984             |            | VKSND TX.Chơn Thành, Bình Phước | 60       | 64          | 184       |             |
| 13                                     | 074 | Vũ Văn Thường        | 10/10/1980            |            | VKSND h.Bù Gia Mập, Bình Phước  | 50       | 68          | 168       |             |
| 14                                     | 077 | Lê Văn Tuyển         | 04/01/1982            |            | VKSND TP.Đồng Xoài, Bình Phước  | 50       | 64          | 164       |             |

| STT                                        | SBD | Họ và tên               | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                    | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|--------------------------------------------|-----|-------------------------|-----------------------|------------|------------------------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|                                            |     |                         | Nam                   | Nữ         |                                    | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ |     |                         |                       |            |                                    |          |             |           |             |
| 1                                          | 081 | Nguyễn Mạnh Khang       | 12/3/1992             |            | VKSND h.Phong Điền, Thừa Thiên Huế | 83       | 70          | 236       | Trúng tuyển |
| 2                                          | 084 | Tô Hữu Ngọc             | 22/9/1983             |            | VKSND h.Phú Lộc, Thừa Thiên Huế    | 67.5     | 82          | 217       | Trúng tuyển |
| 3                                          | 085 | Đỗ Văn Toàn             | 11/7/1991             |            | VKSND TP.Huế, Thừa Thiên Huế       | 64       | 70          | 198       | Trúng tuyển |
| 4                                          | 082 | Đoàn Trung Hưng         | 12/02/1993            |            | VKSND h.Phú Lộc, Thừa Thiên Huế    | 61       | 76          | 198       | Trúng tuyển |
| 5                                          | 080 | Cái Vĩnh Tuấn Anh       | 19/10/1996            |            | VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế          | 59       | 76          | 194       | Trúng tuyển |
| 6                                          | 086 | Nguyễn Quang Hiếu Trung | 22/8/1981             |            | VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế          | 54       | 72          | 180       |             |
| 7                                          | 083 | Hồ Ngọc Tố Nga          |                       | 03/6/1979  | VKSND TP.Huế, Thừa Thiên Huế       | 40       | 70          | 150       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI     |     |                         |                       |            |                                    |          |             |           |             |
| 1                                          | 089 | Nguyễn Thị Tuyết Mai    |                       | 04/5/1992  | VKSND h.Nghĩa Hành, Quảng Ngãi     | 68       | 68          | 204       | Trúng tuyển |
| 2                                          | 088 | Phan Lê Anh Kiệt        | 30/01/1994            |            | VKSND h.Sơn Tây, Quảng Ngãi        | 69       | 60          | 198       | Trúng tuyển |
| 3                                          | 090 | Nguyễn Đức Thiện        | 12/11/1991            |            | VKSND h.Tư Nghĩa, Quảng Ngãi       | 66       | 58          | 190       | Trúng tuyển |
| 4                                          | 087 | Vũ Thị Kim Cúc          |                       | 29/11/1981 | VKSND tỉnh Quảng Ngãi              | 61       | 68          | 190       | Trúng tuyển |
| 5                                          | 091 | Ngô Quang Vũ            | 01/06/1989            |            | VKSND h.Trà Bồng, Quảng Ngãi       | 50       | 74          | 174       | Trúng tuyển |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI        |     |                         |                       |            |                                    |          |             |           |             |
| 1                                          | 094 | Nguyễn Thị Minh Nguyệt  |                       | 29/11/1989 | VKSND tỉnh Gia Lai                 | 83       | 90          | 256       | Trúng tuyển |
| 2                                          | 096 | Lê Ngọc Huyền Trân      |                       | 21/9/1995  | VKSND tỉnh Gia Lai                 | 78       | 76          | 232       | Trúng tuyển |
| 3                                          | 092 | Trần Thị Ngọc Huyền     |                       | 01/3/1996  | VKSND h.Chư Sê, Gia Lai            | 69       | 80          | 218       | Trúng tuyển |
| 4                                          | 093 | Nguyễn Phi Long         | 18/4/1996             |            | VKSND h.K'Bang, Gia Lai            | 63       | 86          | 212       | Trúng tuyển |
| 5                                          | 095 | Trần Thu Thủy           |                       | 22/02/1995 | VKSND tỉnh Gia Lai                 | 60       | 76          | 196       | Trúng tuyển |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH       |     |                         |                       |            |                                    |          |             |           |             |
| 1                                          | 099 | Nguyễn Hoàng Quý        | 29/9/1996             |            | VKSND TX.Trảng Bàng, Tây Ninh      | 74.5     | 86          | 235       | Trúng tuyển |
| 2                                          | 097 | Nguyễn Trường Giang     | 11/11/1991            |            | VKSND TX.Trảng Bàng, Tây Ninh      | 72       | 82          | 226       | Trúng tuyển |
| 3                                          | 100 | Huỳnh Văn Tú            | 29/11/1976            |            | VKSND tỉnh Tây Ninh                | 64       | 84          | 212       | Trúng tuyển |
| 4                                          | 098 | Nguyễn Thị Anh Kim      |                       | 10/4/1994  | VKSND tỉnh Tây Ninh                | 65       | 80          | 210       | Trúng tuyển |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG     |     |                         |                       |            |                                    |          |             |           |             |
| 1                                          | 105 | Nguyễn Thanh Tâm        | 20/12/1995            |            | VKSND tỉnh Kiên Giang              | 61       | 88          | 210       | Trúng tuyển |
| 2                                          | 106 | Nguyễn Hoài Thương      | 27/02/1995            |            | VKSND TP.Rạch Giá, Kiên Giang      | 67       | 70          | 204       | Trúng tuyển |
| 3                                          | 104 | Đặng Chí Nguyễn         | 14/02/1996            |            | VKSND TP.Phú Quốc, Kiên Giang      | 61       | 74          | 196       | Trúng tuyển |
| 4                                          | 102 | Trần Thị Kiều           |                       | 22/10/1989 | VKSND h.An Minh, Kiên Giang        | 60       | 58          | 178       | Trúng tuyển |

| STT                                          | SBD | Họ và tên                 | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                 | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|----------------------------------------------|-----|---------------------------|-----------------------|------------|---------------------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|                                              |     |                           | Nam                   | Nữ         |                                 | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| 5                                            | 101 | Nguyễn Văn Khánh          | 01/01/1987            |            | VKSND tỉnh Kiên Giang           | 59       | 52          | 170       | Trúng tuyển |
| 6                                            | 107 | Nguyễn Văn Toàn           | 10/10/1979            |            | VKSND h.Vĩnh Thuận, Kiên Giang  | 58       | 54          | 170       | Trúng tuyển |
| 7                                            | 103 | Danh Thanh Lâm            | 10/7/1992             |            | VKSND tỉnh Kiên Giang           | 53       | 58          | 164       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG        |     |                           |                       |            |                                 |          |             |           |             |
| 1                                            | 110 | Dương Công Trán           | 02/02/1991            |            | VKSND tỉnh Hậu Giang            | 71       | 74          | 216       | Trúng tuyển |
| 2                                            | 109 | Lê Thị Mỹ Tiên            |                       | 01/01/1992 | VKSND h.Châu Thành A, Hậu Giang | 64       | 70          | 198       | Trúng tuyển |
| 3                                            | 108 | Huỳnh Văn Toàn            | 12/11/1992            |            | VKSND tỉnh Hậu Giang            | 60       | 66          | 186       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU         |     |                           |                       |            |                                 |          |             |           |             |
| 1                                            | 114 | Nguyễn Thị Ngọc           |                       | 05/10/1990 | VKSND h.Hồng Dân, Bạc Liêu      | 79       | 76          | 234       | Trúng tuyển |
| 2                                            | 111 | Nguyễn Hoàng Bảo          | 15/9/1988             |            | VKSND h.Phước Long, Bạc Liêu    | 71       | 78          | 220       |             |
| 3                                            | 113 | Lê Thế Duyệt              | 29/7/1991             |            | VKSND h.Phước Long, Bạc Liêu    | 67       | 78          | 212       |             |
| 4                                            | 117 | Nguyễn T.Phương Hồng Thủy |                       | 08/8/1990  | VKSND h.Vĩnh Lợi, Bạc Liêu      | 67       | 60          | 194       |             |
| 5                                            | 116 | Lê Anh Thư                |                       | 28/10/1991 | VKSND tỉnh Bạc Liêu             | 53       | 72          | 178       |             |
| 6                                            | 112 | Quách Thị Kiều Duyên      |                       | 11/02/1985 | VKSND tỉnh Bạc Liêu             | 45       | 60          | 150       |             |
| 7                                            | 115 | Phạm Minh Quận            | 12/02/1985            |            | VKSND tỉnh Bạc Liêu             | 39       | 62          | 140       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH |     |                           |                       |            |                                 |          |             |           |             |
| 1                                            | 129 | Hồ Đắc Diệu Linh          |                       | 08/10/1992 | VKSND Quận 7, TP.HCM            | 79       | 70          | 228       | Trúng tuyển |
| 2                                            | 123 | Lê Thị Hằng               |                       | 28/5/1995  | VKSND q.Tân Phú, TP.HCM         | 75       | 78          | 228       | Trúng tuyển |
| 3                                            | 142 | Trịnh Thị Hải Yến         |                       | 29/10/1996 | VKSND q.Bình Tân TP.HCM         | 76       | 74          | 226       | Trúng tuyển |
| 4                                            | 137 | Lê Thị Thu Thủy           |                       | 14/6/1996  | VKSND Quận 1, TP.HCM            | 70       | 86          | 226       | Trúng tuyển |
| 5                                            | 141 | Nguyễn Thị Kiều Vân       |                       | 04/5/1995  | VKSND TP.HCM                    | 77       | 70          | 224       | Trúng tuyển |
| 6                                            | 128 | Lê Mạnh Khởi              | 11/3/1995             |            | VKSND h.Nhà Bè, TP.HCM          | 72       | 78          | 222       | Trúng tuyển |
| 7                                            | 136 | Võ Thị Mộng Thiên         |                       | 17/07/1993 | VKSND q.Bình Thạnh, TP.HCM      | 68       | 86          | 222       | Trúng tuyển |
| 8                                            | 118 | Trần Huyền Anh            |                       | 06/09/1996 | VKSND Quận 11, TP.HCM           | 70.5     | 80          | 221       | Trúng tuyển |
| 9                                            | 135 | Trần Thị Thảo             |                       | 21/10/1993 | VKSND q.Bình Thạnh, TP.HCM      | 66       | 82          | 214       | Trúng tuyển |
| 10                                           | 140 | Hà Minh Tuấn              | 23/8/1994             |            | VKSND q.Tân Bình, TP.HCM        | 70       | 72          | 212       | Trúng tuyển |
| 11                                           | 127 | Nguyễn Trung Khánh        | 15/08/1994            |            | VKSND Quận 11, TP.HCM           | 67       | 78          | 212       | Trúng tuyển |
| 12                                           | 120 | Phan Thị Ngọc Ánh         |                       | 19/3/1996  | VKSND q.Tân Bình, TP.HCM        | 66       | 78          | 210       | Trúng tuyển |
| 13                                           | 133 | Nguyễn Thị Yến Nhi        |                       | 03/03/1989 | VKSND Quận 4, TP.HCM            | 71       | 66          | 208       | Trúng tuyển |

| STT                                           | SBD | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                    | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|-----------------------------------------------|-----|------------------------|-----------------------|------------|------------------------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|                                               |     |                        | Nam                   | Nữ         |                                    | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| 14                                            | 121 | Lều Thanh Bình         | 15/11/1996            |            | VKSND q.Tân Phú, TP.HCM            | 64       | 76          | 204       | Trúng tuyển |
| 15                                            | 132 | La Hoàng Ly            |                       | 26/08/1986 | VKSND Quận 8, TP.HCM               | 62       | 74          | 198       | Trúng tuyển |
| 16                                            | 130 | Trương Thị Thùy Linh   |                       | 11/4/1994  | VKSND TP.Thủ Đức, TP.HCM           | 64       | 66          | 194       | Trúng tuyển |
| 17                                            | 119 | Lê Hoàng Anh           | 06/6/1996             |            | VKSND q.Bình Thạnh, TP.HCM         | 57.5     | 76          | 191       | Trúng tuyển |
| 18                                            | 124 | Đoàn Chính Hạo         | 13/5/1986             |            | VKSND h.Củ Chi, TP.HCM             | 61       | 68          | 190       | Trúng tuyển |
| 19                                            | 122 | Trần Nguyên Dũng       | 35357                 |            | VKSND Quận 6, TP.HCM               | 54.5     | 80          | 189       | Trúng tuyển |
| 20                                            | 131 | Nguyễn Thị Lợi         |                       | 08/8/1993  | VKSND TP.HCM                       | 53       | 80          | 186       | Trúng tuyển |
| 21                                            | 139 | Lê Thị Cẩm Tú          |                       | 28/02/1981 | VKSND q.Bình Tân, TP.HCM           | 69       | 48          | 186       |             |
| 22                                            | 126 | Lê Đình Hưng           | 09/01/1996            |            | VKSND q.Phú Nhuận, TP.HCM          | 50       | 76          | 176       |             |
| 23                                            | 134 | Vũ Nga Phương          |                       | 15/10/1977 | VKSND q.Bình Thạnh, TP.HCM         | 55       | 64          | 174       |             |
| 24                                            | 125 | Nguyễn Thị Ngọc Hòa    |                       | 7/12/1995  | VKSND Quận 6, TP.HCM               | 50       | 72          | 172       |             |
| 25                                            | 138 | Võ Lê Chính Trung      | 3/16/1995             |            | VKSND Quận 6, TP.HCM               | 40       | 82          | 162       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH         |     |                        |                       |            |                                    |          |             |           |             |
| 1                                             | 143 | Nguyễn Thị Thu Hà      |                       | 12/02/1992 | VKSND tỉnh Bình Định               | 68       | 78          | 214       | Trúng tuyển |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK           |     |                        |                       |            |                                    |          |             |           |             |
| 1                                             | 146 | Phan Văn Thành         | 20/02/1995            |            | VKSND h.Ea Súp, Đắk Lắk            | 63.5     | 74          | 201       | Trúng tuyển |
| 2                                             | 147 | Trịnh Thịnh Thực       | 21/5/1994             |            | VKSND tỉnh Đắk Lắk                 | 61       | 74          | 196       | Trúng tuyển |
| 3                                             | 145 | Phảng Thị Quỳnh Như    |                       | 14/4/1996  | VKSND h.Krông Búk, Đắk Lắk         | 57.5     | 74          | 189       | Trúng tuyển |
| 4                                             | 144 | Lê Thị Ngọc Lệ         |                       | 27/12/1990 | VKSND tỉnh Đắk Lắk                 | 57       | 74          | 188       | Trúng tuyển |
| 5                                             | 148 | Nguyễn Hữu Tiến        | 16/12/1989            |            | VKSND h.Krông Pắc, Đắk Lắk         | 50       | 60          | 160       | Trúng tuyển |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU |     |                        |                       |            |                                    |          |             |           |             |
| 1                                             | 149 | Nguyễn Thị Hồng        |                       | 17/8/1988  | VKSND h.Long Điền, Bà Rịa-Vũng Tàu | 81       | 72          | 234       | Trúng tuyển |
| 2                                             | 150 | Đinh Thị Vân Oanh      |                       | 20/8/1995  | VKSND TX.Phú Mỹ, Bà Rịa-Vũng Tàu   | 80       | 70          | 230       | Trúng tuyển |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP         |     |                        |                       |            |                                    |          |             |           |             |
| 1                                             | 153 | Huỳnh Thị Mỹ Phụng     |                       | 01/01/1989 | VKSND h.Hồng Ngự, Đồng Tháp        | 78       | 64          | 220       | Trúng tuyển |
| 2                                             | 152 | Đinh Thị Huỳnh Như     |                       | 15/5/1989  | VKSND TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp       | 74       | 68          | 216       | Trúng tuyển |
| 3                                             | 155 | Lê Tấn Việt            | 25/10/1987            |            | VKSND h.Lai Vung, Đồng Tháp        | 74       | 66          | 214       | Trúng tuyển |
| 4                                             | 154 | Nguyễn Văn Hoàng Thanh | 20/12/1987            |            | VKSND h.Lai Vung, Đồng Tháp        | 55       | 68          | 178       | Trúng tuyển |
| 5                                             | 151 | Nguyễn Thái Diệp       | 03/09/1992            |            | VKSND h.Châu Thành, Đồng Tháp      | 54       | 68          | 176       | Trúng tuyển |

| STT                                    | SBD | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                   | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|----------------------------------------|-----|---------------------|-----------------------|------------|-----------------------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|                                        |     |                     | Nam                   | Nữ         |                                   | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LONG AN    |     |                     |                       |            |                                   |          |             |           |             |
| 1                                      | 156 | Lê Thị Kim Ngọc     |                       | 20/12/1994 | VKSND h.Tân Trụ, Long An          | 70.5     | 72          | 213       | Trúng tuyển |
| 2                                      | 157 | Võ Quang Thoại      | 20/6/1989             |            | VKSND tỉnh Long An                | 65       | 62          | 192       | Trúng tuyển |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN |     |                     |                       |            |                                   |          |             |           |             |
| 1                                      | 160 | Nguyễn Văn Hoài     | 10/02/1996            |            | VKSND h.Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận | 71       | 98          | 240       | Trúng tuyển |
| 2                                      | 161 | Nguyễn Nhân Khoa    | 24/10/1996            |            | VKSND h.Hàm Thuận Nam, Bình Thuận | 70       | 100         | 240       | Trúng tuyển |
| 3                                      | 159 | Lê Phú Cẩn          | 18/10/1994            |            | VKSND TX.Lagi, Bình Thuận         | 69       | 90          | 228       | Trúng tuyển |
| 4                                      | 163 | Bích Vĩ Thi         |                       | 17/02/1994 | VKSND tỉnh Bình Thuận             | 70       | 80          | 220       | Trúng tuyển |
| 5                                      | 162 | Lê Thị Hạnh Tâm     |                       | 08/3/1996  | VKSND TP.Phan Thiết, Bình Thuận   | 65       | 80          | 210       | Trúng tuyển |
| 6                                      | 158 | Nguyễn Việt Anh     | 07/3/1996             |            | VKSND h.Hàm Tân, Bình Thuận       | 50       | 82          | 182       | Trúng tuyển |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH KON TUM    |     |                     |                       |            |                                   |          |             |           |             |
| 1                                      | 167 | Nguyễn Thị Kim Ngân |                       | 10/3/1992  | VKSND tỉnh Kon Tum                | 73       | 92          | 238       | Trúng tuyển |
| 2                                      | 164 | Võ Phạm Hoàng Dung  |                       | 30/3/1995  | VKSND tỉnh Kon Tum                | 71       | 90          | 232       | Trúng tuyển |
| 3                                      | 168 | Đàm Lê Nguyên       | 31/12/1995            |            | VKSND h.Sa Thầy, Kon Tum          | 71       | 80          | 222       | Trúng tuyển |
| 4                                      | 165 | Lê Thị Việt Hà      |                       | 03/4/1995  | VKSND h.Sa Thầy, Kon Tum          | 68       | 86          | 222       | Trúng tuyển |
| 5                                      | 169 | Lê Hoàng Phong      | 22/5/1991             |            | VKSND h.IaH'Drai, Kon Tum         | 68       | 78          | 214       | Trúng tuyển |
| 6                                      | 166 | Phan Thị Trường My  |                       | 18/8/1993  | VKSND h.Ngọc Hồi, Kon Tum         | 64       | 84          | 212       |             |
| 7                                      | 170 | Nguyễn Thị Ánh Vân  |                       | 02/12/1994 | VKSND tỉnh Kon Tum                | 58       | 86          | 202       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU     |     |                     |                       |            |                                   |          |             |           |             |
| 1                                      | 171 | Nguyễn Hữu Nguyễn   | 13/11/1993            |            | VKSND h.U Minh, Cà Mau            | 60       | 86          | 206       | Trúng tuyển |
| 2                                      | 172 | Nguyễn Thanh Tám    | 12/4/1988             |            | VKSND tỉnh Cà Mau                 | 55       | 82          | 192       | Trúng tuyển |
| 3                                      | 173 | Nguyễn Chí Thức     | 05/5/1988             |            | VKSND h.Trần Văn Thời, Cà Mau     | 40       | 70          | 150       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG  |     |                     |                       |            |                                   |          |             |           |             |
| 1                                      | 177 | Bùi Trần Khánh Duy  | 15/11/1996            |            | VKSND h.Mỹ Xuyên, Sóc Trăng       | 69       | 86          | 224       | Trúng tuyển |
| 2                                      | 175 | Lý Diễm Chinh       |                       | 30/11/1989 | VKSND tỉnh Sóc Trăng              | 69       | 80          | 218       | Trúng tuyển |
| 3                                      | 174 | Nguyễn Vũ Anh       | 22/8/1988             |            | VKSND h.Kế Sách, Sóc Trăng        | 65       | 70          | 200       | Trúng tuyển |
| 4                                      | 178 | Nguyễn Minh Triều   | 07/05/1992            |            | VKSND h.Mỹ Xuyên, Sóc Trăng       | 60       | 78          | 198       | Trúng tuyển |
| 5                                      | 176 | Trần Kim Chuyện     |                       | 30/12/1993 | VKSND TP.Sóc Trăng, Sóc Trăng     | 56       | 68          | 180       | Trúng tuyển |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH   |     |                     |                       |            |                                   |          |             |           |             |
| 1                                      | 185 | Phạm Văn Triết      | 30/4/1995             |            | VKSND tỉnh Trà Vinh               | 79       | 82          | 240       | Trúng tuyển |
| 2                                      | 186 | Thân Lâm Cẩm Tú     |                       | 19/9/1994  | VKSND tỉnh Trà Vinh               | 78       | 68          | 224       |             |

| STT | SBD | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác              | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------------------|-----------------------|------------|------------------------------|----------|-------------|-----------|---------|
|     |     |                        | Nam                   | Nữ         |                              | Viết     | Trắc nghiệm |           |         |
| 3   | 184 | Phan Thanh Toàn        | 01/02/1992            |            | VKSND h.Càng Long, Trà Vinh  | 78       | 56          | 212       |         |
| 4   | 181 | Hoàng Thanh Tâm        | 03/3/1991             |            | VKSND TP.Trà Vinh, Trà Vinh  | 65       | 80          | 210       |         |
| 5   | 180 | Nguyễn Thị Ánh Linh    |                       | 12/11/1993 | VKSND tỉnh Trà Vinh          | 60       | 84          | 204       |         |
| 6   | 179 | Nguyễn Trương Thế Hiển | 18/3/1993             |            | VKSND h.Châu Thành, Trà Vinh | 61       | 68          | 190       |         |
| 7   | 182 | Huỳnh Mai Phương Thảo  |                       | 08/01/1995 | VKSND h.Châu Thành, Trà Vinh | 65       | 56          | 186       |         |
| 8   | 183 | Lê Anh Thư             |                       | 06/9/1985  | VKSND tỉnh Trà Vinh          | 53       | 62          | 168       |         |

| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG |     |                    |            |            |                               |    |    |     |             |
|---------------------------------------|-----|--------------------|------------|------------|-------------------------------|----|----|-----|-------------|
| 1                                     | 192 | Lý Kim Ngân        |            | 06/02/1995 | VKSND tỉnh Vĩnh Long          | 77 | 74 | 228 | Trúng tuyển |
| 2                                     | 194 | Trần Khôi Nguyên   | 13/8/1993  |            | VKSND TP.Vĩnh Long, Vĩnh Long | 70 | 84 | 224 | Trúng tuyển |
| 3                                     | 190 | Trần Khánh Linh    |            | 19/9/1994  | VKSND tỉnh Vĩnh Long          | 65 | 82 | 212 | Trúng tuyển |
| 4                                     | 191 | Phạm Thị Hồng Mai  |            | 24/5/1993  | VKSND h.Mang Thít, Vĩnh Long  | 63 | 82 | 208 | Trúng tuyển |
| 5                                     | 187 | Nguyễn Thị Thu Cúc |            | 02/10/1994 | VKSND tỉnh Vĩnh Long          | 52 | 82 | 186 |             |
| 6                                     | 196 | Diệp Thị Thu Thảo  |            | 01/01/1991 | VKSND tỉnh Vĩnh Long          | 50 | 64 | 164 |             |
| 7                                     | 188 | Nguyễn Duy Đây     | 25/5/1985  |            | VKSND tỉnh Vĩnh Long          | 46 | 64 | 156 |             |
| 8                                     | 195 | Sơn Thanh Tâm      | 04/01/1981 |            | VKSND h.Vũng Liêm, Vĩnh Long  | 40 | 66 | 146 |             |
| 9                                     | 193 | Nguyễn Quốc Ngừ    | 30/12/1986 |            | VKSND h.Long Hồ, Vĩnh Long    | 35 | 68 | 138 |             |
| 10                                    | 189 | Lê Thị Thu Hương   |            | 13/7/1986  | VKSND tỉnh Vĩnh Long          | 28 | 66 | 122 |             |

| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO                                                            |     |                       |                       |            | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |          |             |           |             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----------------------|-----------------------|------------|------------------------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
| HỘI ĐỒNG THI TUYỂN KIỂM SÁT VIÊN                                                          |     |                       |                       |            | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc        |          |             |           |             |
| DANH SÁCH KẾT QUẢ THI VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN                                       |     |                       |                       |            |                                    |          |             |           |             |
| Kỳ thi tuyển Kiểm sát viên trung cấp đợt 2 năm 2024 (khu vực phía Nam)                    |     |                       |                       |            |                                    |          |             |           |             |
| (Kèm theo Quyết định số: 223/QĐ-HĐTT ngày 14/4/2025 của Hội đồng thi tuyển Kiểm sát viên) |     |                       |                       |            |                                    |          |             |           |             |
| STT                                                                                       | SBD | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                    | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|                                                                                           |     |                       | Nam                   | Nữ         |                                    | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| VIỆN KIỂM SÁT QUÂN SỰ                                                                     |     |                       |                       |            |                                    |          |             |           |             |
| 1                                                                                         | 229 | Hồ Viết Hồng          | 20/10/1992            |            | VKSQS QK5                          | 63       | 68          | 194       | Trúng tuyển |
| 2                                                                                         | 230 | Hoàng Minh Tiến       | 17/02/1988            |            | VKSQS QK7                          | 56       | 76          | 188       | Trúng tuyển |
| 3                                                                                         | 228 | Đỗ Quốc Bảo           | 08/4/1988             |            | VKSQS QK5                          | 42       | 82          | 166       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG                                                |     |                       |                       |            |                                    |          |             |           |             |
| 1                                                                                         | 210 | Lê Thị Vui            |                       | 12/11/1990 | VKSND cấp cao 2                    | 81       | 98          | 260       | Trúng tuyển |
| 2                                                                                         | 204 | Nguyễn Thị Hồng Quân  |                       | 01/01/1982 | VKSND cấp cao 2                    | 79       | 90          | 248       | Trúng tuyển |
| 3                                                                                         | 203 | Đào Hữu Như Mai       |                       | 02/7/1989  | VKSND cấp cao 2                    | 74       | 98          | 246       | Trúng tuyển |
| 4                                                                                         | 197 | Trương Thị Lan Anh    |                       | 20/10/1991 | VKSND cấp cao 2                    | 72.5     | 90          | 235       | Trúng tuyển |
| 5                                                                                         | 205 | Đinh Thị Sa           |                       | 24/6/1989  | VKSND cấp cao 2                    | 69       | 90          | 228       |             |
| 6                                                                                         | 208 | Trần Hà Tuấn          | 22/7/1990             |            | VKSND cấp cao 2                    | 78       | 72          | 228       |             |
| 7                                                                                         | 206 | Đỗ Thị Hồng Thắm      |                       | 25/5/1982  | VKSND cấp cao 2                    | 68       | 88          | 224       |             |
| 8                                                                                         | 201 | Nguyễn Đức Khoa       | 13/10/1994            |            | VKSND cấp cao 2                    | 67       | 80          | 214       |             |
| 9                                                                                         | 209 | Nguyễn Thị Tuyết      |                       | 18/8/1988  | VKSND cấp cao 2                    | 65       | 82          | 212       |             |
| 10                                                                                        | 198 | Vũ Mạnh Hùng          | 26/01/1970            |            | VKSND cấp cao 2                    | 57       | 82          | 196       |             |
| 11                                                                                        | 199 | Trần Hoàng Hưng       | 26/8/1986             |            | VKSND cấp cao 2                    | 52       | 86          | 190       |             |
| 12                                                                                        | 200 | Nguyễn Thị Xuân Hương |                       | 18/3/1981  | VKSND cấp cao 2                    | 46       | 88          | 180       |             |
| 13                                                                                        | 207 | Bùi Quốc Tín          | 01/01/1973            |            | VKSND cấp cao 2                    | 50       | 80          | 180       |             |
| 14                                                                                        | 202 | Đặng Thùy Linh        |                       | 03/02/1990 | VKSND cấp cao 2                    | 39       | 96          | 174       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                                  |     |                       |                       |            |                                    |          |             |           |             |
| 1                                                                                         | 221 | Phạm Thị Kim Ngân     |                       | 18/4/1989  | VKSND cấp cao 3                    | 70       | 82          | 222       | Trúng tuyển |
| 2                                                                                         | 211 | Nguyễn Hoàng Anh      | 27/4/1979             |            | VKSND cấp cao 3                    | 66       | 84          | 216       | Trúng tuyển |
| 3                                                                                         | 212 | Cù Thị Anh            |                       | 12/10/1987 | VKSND cấp cao 3                    | 65       | 84          | 214       | Trúng tuyển |
| 4                                                                                         | 225 | Trần Phương Thảo      |                       | 18/4/1990  | VKSND cấp cao 3                    | 65       | 80          | 210       | Trúng tuyển |
| 5                                                                                         | 226 | Lê Thị Thiên          |                       | 29/01/1990 | VKSND cấp cao 3                    | 65       | 80          | 210       | Trúng tuyển |

| STT | SBD | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú |
|-----|-----|----------------------|-----------------------|------------|-----------------|----------|-------------|-----------|---------|
|     |     |                      | Nam                   | Nữ         |                 | Viết     | Trắc nghiệm |           |         |
| 6   | 213 | Nguyễn Thị Ngọc Diệu |                       | 06/10/1989 | VKSND cấp cao 3 | 61       | 84          | 206       |         |
| 7   | 214 | Nguyễn Chí Đức       | 01/01/1987            |            | VKSND cấp cao 3 | 60       | 82          | 202       |         |
| 8   | 219 | Nguyễn Thị Ngọc Lan  |                       | 24/11/1989 | VKSND cấp cao 3 | 56       | 90          | 202       |         |
| 9   | 224 | Đặng Thị Phương Thảo |                       | 15/8/1989  | VKSND cấp cao 3 | 65       | 72          | 202       |         |
| 10  | 220 | Lê Thị Ngọc Mai      |                       | 09/11/1992 | VKSND cấp cao 3 | 59       | 78          | 196       |         |
| 11  | 227 | Trương Vũ Tùng       | 16/9/1984             |            | VKSND cấp cao 3 | 54       | 86          | 194       |         |
| 12  | 222 | Lê Tấn Phát          | 17/4/1989             |            | VKSND cấp cao 3 | 51       | 78          | 180       |         |
| 13  | 216 | Mai Hữu Hào          | 03/4/1987             |            | VKSND cấp cao 3 | 50       | 78          | 178       |         |
| 14  | 215 | Nguyễn Văn Hanh      | 20/4/1983             |            | VKSND cấp cao 3 | 40       | 90          | 170       |         |
| 15  | 218 | Nguyễn Thị Mười Hiền |                       | 21/4/1980  | VKSND cấp cao 3 | 43       | 78          | 164       |         |
| 16  | 223 | Hồ Thị Huệ Sương     |                       | 20/10/1980 | VKSND cấp cao 3 | 40       | 68          | 148       |         |

| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG     |     |                     |            |           |                               |    |    |     |             |
|------------------------------------------|-----|---------------------|------------|-----------|-------------------------------|----|----|-----|-------------|
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (03 người) |     |                     |            |           |                               |    |    |     |             |
| 1                                        | 236 | Lê Hoàng Phú Sang   | 25/01/1992 |           | VKSND TP.Long Xuyên, An Giang | 68 | 74 | 210 | Trúng tuyển |
| 2                                        | 234 | Lê Hoàng Nhựt       | 04/01/1991 |           | VKSND TP.Long Xuyên, An Giang | 61 | 78 | 200 | Trúng tuyển |
| 3                                        | 231 | Phạm Đức Anh        | 01/01/1990 |           | VKSND TP.Long Xuyên, An Giang | 57 | 78 | 192 | Trúng tuyển |
| 4                                        | 235 | Trần Thị Mỹ Phương  |            | 08/6/1989 | VKSND h.Châu Thành, An Giang  | 50 | 80 | 180 |             |
| 5                                        | 233 | Kiều Văn Liêu       | 16/4/1992  |           | VKSND TP.Long Xuyên, An Giang | 50 | 74 | 174 |             |
| 6                                        | 232 | Cao Thị Thu Hồng Em |            | 16/3/1981 | VKSND h.Châu Thành, An Giang  | 50 | 70 | 170 |             |
| 7                                        | 237 | Dương Chí Thanh     | 19/11/1988 |           | VKSND tỉnh An Giang           | 42 | 74 | 158 |             |

| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE                                |     |                       |            |           |                             |    |    |     |                            |
|--------------------------------------------------------------------|-----|-----------------------|------------|-----------|-----------------------------|----|----|-----|----------------------------|
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (01 người) |     |                       |            |           |                             |    |    |     |                            |
| 1                                                                  | 244 | Nguyễn Chí Trung      | 14/3/1978  |           | VKSND h.Thạnh Phú, Bến Tre  | 56 | 72 | 184 | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (01 người)                           |     |                       |            |           |                             |    |    |     |                            |
| 2                                                                  | 240 | Nguyễn Thị Phương Lan |            | 15/7/1989 | VKSND TP.Bến Tre, Bến Tre   | 67 | 68 | 202 | Trúng tuyển                |
| 3                                                                  | 242 | Đỗ Thị Hồng Thắm      |            | 13/8/1986 | VKSND h.Giồng Trôm, Bến Tre | 61 | 74 | 196 |                            |
| 4                                                                  | 238 | Trần Hiền Diệu        |            | 24/5/1981 | VKSND h.Châu Thành, Bến Tre | 53 | 70 | 176 |                            |
| 5                                                                  | 243 | Lê Xuân Thịnh         | 16/8/1989  |           | VKSND h.Thạnh Phú, Bến Tre  | 51 | 74 | 176 |                            |
| 6                                                                  | 239 | Nguyễn Văn Khánh      | 23/10/1987 |           | VKSND h.Ba Tri, Bến Tre     | 51 | 70 | 172 |                            |

| STT                                                                    | SBD | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh |           | Đơn vị công tác                  | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                     |
|------------------------------------------------------------------------|-----|---------------------|-----------------------|-----------|----------------------------------|----------|-------------|-----------|-----------------------------|
|                                                                        |     |                     | Nam                   | Nữ        |                                  | Viết     | Trắc nghiệm |           |                             |
| 7                                                                      | 245 | Lê Thanh Tùng       | 01/7/1974             |           | VKSND h.Chợ Lách, Bến Tre        | 50       | 60          | 160       |                             |
| 8                                                                      | 241 | Huỳnh Thanh Nhã     | 15/10/1985            |           | VKSND TP.Bến Tre, Bến Tre        | 50       | 52          | 152       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG                                 |     |                     |                       |           |                                  |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (04 người)                               |     |                     |                       |           |                                  |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 249 | Phạm Thị Mai        |                       | 05/6/1989 | VKSND tỉnh Bình Dương            | 67       | 74          | 208       | Trúng tuyển                 |
| 2                                                                      | 251 | Khương Văn Út       | 08/3/1979             |           | VKSND tỉnh Bình Dương            | 63       | 78          | 204       | Trúng tuyển                 |
| 3                                                                      | 247 | Nguyễn Bá Linh      | 20/10/1978            |           | VKSND tỉnh Bình Dương            | 57       | 66          | 180       | Trúng tuyển                 |
| 4                                                                      | 248 | Nguyễn Phương Linh  |                       | 20/6/1984 | VKSND h.Phú Giáo, Bình Dương     | 50       | 72          | 172       | Trúng tuyển                 |
| 5                                                                      | 246 | Bùi Trí Dũng        | 16/7/1980             |           | VKSND h.Bắc Tân Uyên, Bình Dương | 52       | 62          | 166       |                             |
| 6                                                                      | 250 | Phan Thanh Nhã      | 23/01/1978            |           | VKSND tỉnh Bình Dương            | 36       | 76          | 148       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG                               |     |                     |                       |           |                                  |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (01 người) |     |                     |                       |           |                                  |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 254 | Lê Viết Sĩ          | 15/02/1984            |           | VKSND h.Hải Châu, Đà Nẵng        | 68       | 84          | 220       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 2                                                                      | 253 | Thái Hồng Sơn       | 08/02/1979            |           | VKSND q.Sơn Trà, Đà Nẵng         | 52       | 70          | 174       |                             |
| 3                                                                      | 252 | Trần Văn Giang      | 26/12/1974            |           | VKSND q.Liên Chiểu, Đà Nẵng      | 24       | 60          | 108       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG                                   |     |                     |                       |           |                                  |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (02 người)                               |     |                     |                       |           |                                  |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 255 | Bạch Đình Hồng Quân | 14/9/1991             |           | VKSND h.Đắk Glong, Đắk Nông      | 63       | 80          | 206       | Trúng tuyển                 |
| 2                                                                      | 257 | Phan Minh Tuấn      | 18/5/1988             |           | VKSND tỉnh Đắk Nông              | 60       | 70          | 190       | Trúng tuyển                 |
| 3                                                                      | 256 | Vũ Văn Thắng        | 14/11/1987            |           | VKSND tỉnh Đắk Nông              | 52       | 78          | 182       |                             |
| 4                                                                      | 258 | Nguyễn Anh Văn      | 20/5/1987             |           | VKSND h.Đắk Glong, Đắk Nông      | 50       | 70          | 170       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI                                   |     |                     |                       |           |                                  |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (03 người)                               |     |                     |                       |           |                                  |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 261 | Lê Sỹ Linh          | 07/09/1987            |           | VKSND TP.Biên Hoà, Đồng Nai      | 63       | 80          | 206       | Trúng tuyển                 |
| 2                                                                      | 263 | Trần Xuân Thìn      | 02/02/1976            |           | VKSND TP.Biên Hoà, Đồng Nai      | 64       | 74          | 202       | Trúng tuyển                 |
| 3                                                                      | 264 | Lê Trần Thọ         | 05/10/1985            |           | VKSND h.Thống Nhất, Đồng Nai     | 69       | 62          | 200       | Trúng tuyển                 |
| 4                                                                      | 260 | Trương Thị Mỹ Linh  |                       | 29/6/1987 | VKSND TP.Biên Hoà, Đồng Nai      | 60       | 78          | 198       |                             |
| 5                                                                      | 262 | Nguyễn Văn Thắng    | 19/12/1987            |           | VKSND TP.Biên Hoà, Đồng Nai      | 56       | 78          | 190       |                             |
| 6                                                                      | 259 | Phạm Đình Cảnh      | 24/09/1988            |           | VKSND TP.Biên Hoà, Đồng Nai      | 45       | 76          | 166       |                             |

| STT                                                                | SBD | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                    | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                    |
|--------------------------------------------------------------------|-----|------------------------|-----------------------|------------|------------------------------------|----------|-------------|-----------|----------------------------|
|                                                                    |     |                        | Nam                   | Nữ         |                                    | Viết     | Trắc nghiệm |           |                            |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG                               |     |                        |                       |            |                                    |          |             |           |                            |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (02 người)                           |     |                        |                       |            |                                    |          |             |           |                            |
| 1                                                                  | 268 | Nguyễn Thị Thanh Thảo  |                       | 14/8/1984  | VKSND tỉnh Lâm Đồng                | 83       | 78          | 244       | Trúng tuyển                |
| 2                                                                  | 265 | Ngô Hoàng Thanh Hải    |                       | 21/3/1987  | VKSND tỉnh Lâm Đồng                | 73       | 76          | 222       | Trúng tuyển                |
| 3                                                                  | 266 | Nguyễn Thị Thuỳ Linh   |                       | 06/8/1983  | VKSND tỉnh Lâm Đồng                | 63       | 84          | 210       |                            |
| 4                                                                  | 267 | Nguyễn Thị Oanh        |                       | 26/8/1986  | VKSND tỉnh Lâm Đồng                | 50       | 80          | 180       |                            |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ                         |     |                        |                       |            |                                    |          |             |           |                            |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (01 người) |     |                        |                       |            |                                    |          |             |           |                            |
| 1                                                                  | 270 | Tạ Đình Thành          | 16/3/1972             |            | VKSND TP.Huế,<br>Thừa Thiên Huế    | 50       | 74          | 174       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (02 người)                           |     |                        |                       |            |                                    |          |             |           |                            |
| 2                                                                  | 271 | Lê Ngọc Thành          | 06/3/1986             |            | VKSND tỉnh<br>Thừa Thiên Huế       | 66       | 94          | 226       | Trúng tuyển                |
| 3                                                                  | 273 | Võ Thị Thanh Truyền    |                       | 08/4/1983  | VKSND tỉnh<br>Thừa Thiên Huế       | 63       | 88          | 214       | Trúng tuyển                |
| 4                                                                  | 269 | Trương Phước Đức       | 25/10/1987            |            | VKSND tỉnh<br>Thừa Thiên Huế       | 59       | 80          | 198       |                            |
| 5                                                                  | 272 | Đỗ Ngọc Thảo           | 10/10/1982            |            | VKSND tỉnh<br>Thừa Thiên Huế       | 50       | 60          | 160       |                            |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM                              |     |                        |                       |            |                                    |          |             |           |                            |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (02 người) |     |                        |                       |            |                                    |          |             |           |                            |
| 1                                                                  | 280 | Võ Xuân Tuấn           | 24/12/1979            |            | VKSND h.Nam Trà My,<br>Quảng Nam   | 67       | 76          | 210       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT |
| 2                                                                  | 275 | Trần Đình Hải          | '27/3/1979            |            | VKSND h.Hiệp Đức,<br>Quảng Nam     | 56       | 78          | 190       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (02 người)                           |     |                        |                       |            |                                    |          |             |           |                            |
| 3                                                                  | 277 | Nguyễn Thị Thu Hiền    |                       | 16/4/1988  | VKSND TP.Tam Kỳ,<br>Quảng Nam      | 76       | 82          | 234       | Trúng tuyển                |
| 4                                                                  | 274 | Đoàn Thị Cẩm           |                       | 23/5/1984  | VKSND tỉnh Quảng Nam               | 80       | 70          | 230       | Trúng tuyển                |
| 5                                                                  | 278 | Lê Doãn Thọ            | 19/02/1991            |            | VKSND TP.Tam Kỳ,<br>Quảng Nam      | 67       | 94          | 228       |                            |
| 6                                                                  | 279 | Ngô Minh Thương        | 15/6/1978             |            | VKSND tỉnh Quảng Nam               | 50       | 80          | 180       |                            |
| 7                                                                  | 281 | Lê Văn Túc             | 15/3/1991             |            | VKSND tỉnh Quảng Nam               | 43       | 82          | 168       |                            |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI                             |     |                        |                       |            |                                    |          |             |           |                            |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (01 người) |     |                        |                       |            |                                    |          |             |           |                            |
| 1                                                                  | 283 | Bùi Thị Tuyết Mai      |                       | 28/12/1974 | VKSND h.Tư Nghĩa,<br>Quảng Ngãi    | 50       | 80          | 180       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (02 người)                           |     |                        |                       |            |                                    |          |             |           |                            |
| 2                                                                  | 284 | Đặng Thị Minh Hiếu     |                       | 10/8/1989  | VKSND tỉnh Quảng Ngãi              | 51       | 78          | 180       | Trúng tuyển                |
| 3                                                                  | 286 | Trần Phi Phi           |                       | 11/02/1991 | VKSND tỉnh Quảng Ngãi              | 52       | 74          | 178       | Trúng tuyển                |
| 4                                                                  | 285 | Hoàng Thị Thương Huyền |                       | 15/10/1985 | VKSND TP.Quảng Ngãi,<br>Quảng Ngãi | 50       | 76          | 176       |                            |
| 5                                                                  | 282 | Lê Thị Mỹ Loan         |                       | 25/7/1986  | VKSND TP.Quảng Ngãi,<br>Quảng Ngãi | 45       | 76          | 166       |                            |

| STT                                                                    | SBD | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác               | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                     |
|------------------------------------------------------------------------|-----|---------------------|-----------------------|------------|-------------------------------|----------|-------------|-----------|-----------------------------|
|                                                                        |     |                     | Nam                   | Nữ         |                               | Viết     | Trắc nghiệm |           |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA                                  |     |                     |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (03 người)                               |     |                     |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 288 | Võ Thị Thái Bình    |                       | 17/02/1981 | VKSND tỉnh Khánh Hòa          | 60       | 86          | 206       | Trúng tuyển                 |
| 2                                                                      | 292 | Vương Quốc Hương    | 10/10/1982            |            | VKSND tỉnh Khánh Hòa          | 51       | 84          | 186       | Trúng tuyển                 |
| 3                                                                      | 290 | Nguyễn Thị Như Hạnh |                       | 18/5/1984  | VKSND TP.Nha Trang, Khánh Hòa | 50       | 84          | 184       | Trúng tuyển                 |
| 4                                                                      | 294 | Vũ Thị Xuyên        |                       | 15/9/1988  | VKSND TP.Cam Ranh, Khánh Hòa  | 50       | 78          | 178       |                             |
| 5                                                                      | 291 | Huỳnh Tấn Hưng      | 25/4/1989             |            | VKSND TP.Nha Trang, Khánh Hòa | 45       | 80          | 170       |                             |
| 6                                                                      | 293 | Phan Thị Trung      |                       | 10/8/1980  | VKSND TP.Nha Trang, Khánh Hòa | 45       | 80          | 170       |                             |
| 7                                                                      | 287 | Nguyễn Thị Vân Anh  |                       | 02/9/1987  | VKSND TP.Nha Trang, Khánh Hòa | 42       | 80          | 164       |                             |
| 8                                                                      | 289 | Trần Danh Cảnh      | 06/6/1981             |            | VKSND h.Cam Lâm, Khánh Hòa    | 37       | 80          | 154       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI                                    |     |                     |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (03 người)     |     |                     |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 303 | Lê Xuân Hoài        | 10/10/1979            |            | VKSND h.Chư Păh, Gia Lai      | 62       | 84          | 208       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| 2                                                                      | 302 | Thái Thị Như Hoa    |                       | 13/11/1976 | VKSND TX.AyunPa, Gia Lai      | 57       | 82          | 196       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| 3                                                                      | 296 | Phạm Quốc Bình      | 14/4/1976             |            | H. Kông Chro                  | 53       | 90          | 196       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| 4                                                                      | 299 | Nguyễn Đăng Duy     | 20/10/1982            |            | VKSND h.Ia Pa, Gia Lai        | 50       | 78          | 178       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (01 người) |     |                     |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 5                                                                      | 295 | Trần Thế Bằng       | 10/6/1982             |            | VKSND h.Chư Sê, Gia Lai       | 61       | 82          | 204       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 6                                                                      | 298 | Vũ Bá Đông          | 25/7/1981             |            | VKSND h.Chư Prông, Gia Lai    | 50       | 82          | 182       |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (04 người)                               |     |                     |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 7                                                                      | 301 | Phan Hòa Hiệp       | 22/11/1982            |            | VKSND tỉnh Gia Lai            | 65       | 82          | 212       | Trúng tuyển                 |
| 8                                                                      | 310 | Trịnh Thị Xây       |                       | 10/8/1983  | VKSND tỉnh Gia Lai            | 66       | 76          | 208       | Trúng tuyển                 |
| 9                                                                      | 307 | Võ Thị Quỳnh Trang  |                       | 12/11/1991 | VKSND tỉnh Gia Lai            | 65       | 78          | 208       | Trúng tuyển                 |
| 10                                                                     | 297 | Nguyễn Thị Kim Cúc  |                       | 02/10/1991 | VKSND tỉnh Gia Lai            | 59       | 86          | 204       | Trúng tuyển                 |
| 11                                                                     | 305 | Dương Thị Hương Ly  |                       | 02/02/1991 | VKSND tỉnh Gia Lai            | 57       | 84          | 198       |                             |
| 12                                                                     | 308 | Vũ Quỳnh Trinh      |                       | 21/11/1991 | VKSND tỉnh Gia Lai            | 57       | 74          | 188       |                             |
| 13                                                                     | 309 | Đào Anh Tuấn        | 15/7/1990             |            | VKSND TP.Pleiku, Gia Lai      | 52       | 72          | 176       |                             |
| 14                                                                     | 300 | Lê Thị Hà           |                       | 29/02/1990 | VKSND tỉnh Gia Lai            | 50       | 74          | 174       |                             |
| 15                                                                     | 304 | Phan Thị Mỹ Liệu    |                       | 12/6/1980  | VKSND tỉnh Gia Lai            | 37       | 84          | 158       |                             |
| 16                                                                     | 306 | Ksor H' Nga         |                       | 15/01/1984 | VKSND tỉnh Gia Lai            | 32       | 88          | 152       |                             |

| STT                                                                    | SBD | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                   | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                     |
|------------------------------------------------------------------------|-----|-----------------------|-----------------------|------------|-----------------------------------|----------|-------------|-----------|-----------------------------|
|                                                                        |     |                       | Nam                   | Nữ         |                                   | Viết     | Trắc nghiệm |           |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH                                   |     |                       |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (01 người) |     |                       |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 313 | Phan Minh Đông        | 20/5/1984             |            | VKSND h.Bến Cầu, Tây Ninh         | 63       | 78          | 204       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 2                                                                      | 312 | Trần Thành Danh       | 01/9/1980             |            | VKSND h.Dương Minh Châu, Tây Ninh | 62       | 74          | 198       |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (06 người)                               |     |                       |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| 3                                                                      | 318 | Nguyễn Thanh Lam      | 20/5/1991             |            | VKSND h.Gò Dầu, Tây Ninh          | 67       | 74          | 208       | Trúng tuyển                 |
| 4                                                                      | 316 | Nguyễn Ngọc Đức       | 18/9/1990             |            | VKSND h.Gò Dầu, Tây Ninh          | 63       | 80          | 206       | Trúng tuyển                 |
| 5                                                                      | 327 | Nguyễn Thị Huỳnh Như  |                       | 14/6/1982  | VKSND h.Châu Thành, Tây Ninh      | 66       | 70          | 202       | Trúng tuyển                 |
| 6                                                                      | 314 | Nguyễn Thị Bích Du    |                       | 07/02/1990 | VKSND TX.Hòa Thành, Tây Ninh      | 63       | 72          | 198       | Trúng tuyển                 |
| 7                                                                      | 315 | Vô Công Đức           | 14/8/1980             |            | VKSND h.Dương Minh Châu, Tây Ninh | 61       | 76          | 198       | Trúng tuyển                 |
| 8                                                                      | 330 | Lâm Phượng Tú         |                       | 29/8/1992  | VKSND h.Dương Minh Châu, Tây Ninh | 60       | 74          | 194       | Trúng tuyển                 |
| 9                                                                      | 311 | Trần Tấn Anh          | 15/10/1978            |            | VKSND TX.Trảng Bàng, Tây Ninh     | 54       | 76          | 184       |                             |
| 10                                                                     | 321 | Lê Huỳnh Như Nguyễn   |                       | 02/01/1986 | VKSND TX.Trảng Bàng, Tây Ninh     | 50       | 84          | 184       |                             |
| 11                                                                     | 320 | Lương Thị Nhật Minh   |                       | 15/4/1989  | VKSND tỉnh Tây Ninh               | 55       | 70          | 180       |                             |
| 12                                                                     | 329 | Nguyễn Văn Quốc       | 17/11/1990            |            | VKSND h.Tân Châu, Tây Ninh        | 53       | 74          | 180       |                             |
| 13                                                                     | 332 | Lê Xuân Hồng Vinh     | 20/10/1985            |            | VKSND TP.Tây Ninh, Tây Ninh       | 54       | 70          | 178       |                             |
| 14                                                                     | 331 | Hồ Sơn Tuấn           | 08/6/1983             |            | VKSND h.Bến Cầu, Tây Ninh         | 52       | 72          | 176       |                             |
| 15                                                                     | 326 | Trần Văn Nhiều        | 01/12/1981            |            | VKSND h.Bến Cầu, Tây Ninh         | 54       | 66          | 174       |                             |
| 16                                                                     | 328 | Dương Thị Tiểu Phương |                       | 25/12/1982 | VKSND TP.Tây Ninh, Tây Ninh       | 54       | 64          | 172       |                             |
| 17                                                                     | 324 | Hồ Thị Yến Nhi        |                       | 05/9/1991  | VKSND tỉnh Tây Ninh               | 48       | 74          | 170       |                             |
| 18                                                                     | 325 | Nguyễn Ngọc Nhiên     |                       | 27/3/1983  | VKSND TP.Tây Ninh, Tây Ninh       | 46       | 74          | 166       |                             |
| 19                                                                     | 323 | Trần Thị Tâm Nhân     |                       | 23/02/1981 | VKSND TP.Tây Ninh, Tây Ninh       | 45       | 68          | 158       |                             |
| 20                                                                     | 322 | Vô Hoàng Nhân         | 07/3/1985             |            | VKSND h.Châu Thành, Tây Ninh      | 45       | 64          | 154       |                             |
| 21                                                                     | 317 | Trần Văn Hào          | 04/4/1979             |            | VKSND h.Tân Biên, Tây Ninh        | 41       | 68          | 150       |                             |
| 22                                                                     | 319 | Trần Thị Thu Lan      |                       | 04/3/1978  | VKSND h.Tân Biên, Tây Ninh        | 31       | 70          | 132       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG                                 |     |                       |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (01 người)     |     |                       |                       |            |                                   |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 336 | Danh Minh Phước       | 11/4/1983             |            | VKSND h.An Minh, Kiên Giang       | 52       | 68          | 172       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| 2                                                                      | 334 | Trương Hồng Diễm      |                       | 20/11/1977 | VKSND h.Châu Thành, Kiên Giang    | 44       | 74          | 162       |                             |
| 3                                                                      | 338 | Nguyễn Trúng          | 24/9/1969             |            | VKSND h.Kiên Lương, Kiên Giang    | 34       | 48          | 116       |                             |

| STT                                                                    | SBD | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                 | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                     |
|------------------------------------------------------------------------|-----|----------------------|-----------------------|------------|---------------------------------|----------|-------------|-----------|-----------------------------|
|                                                                        |     |                      | Nam                   | Nữ         |                                 | Viết     | Trắc nghiệm |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (01 người) |     |                      |                       |            |                                 |          |             |           |                             |
| 4                                                                      | 337 | Đặng Mỹ Phương       |                       | 28/4/1981  | VKSND TP.Phú Quốc, Kiên Giang   | 58       | 56          | 172       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 5                                                                      | 333 | Lê Văn Chung         | 09/12/1967            |            | VKSND TP.Phú Quốc, Kiên Giang   | 44       | 56          | 144       |                             |
| 6                                                                      | 335 | Danh Khênh           | 01/07/1981            |            | VKSND h.Vĩnh Thuận, Kiên Giang  | 25       | 74          | 124       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG                                  |     |                      |                       |            |                                 |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (01 người)     |     |                      |                       |            |                                 |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 346 | Nguyễn Thị Thu Thảo  |                       | 22/6/1983  | VKSND TP.Ngã Bảy, Hậu Giang     | 51       | 74          | 176       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| 2                                                                      | 345 | Trần Trung Nghĩa     | 20/7/1975             |            | VKSND h.Phụng Hiệp, Hậu Giang   | 43       | 78          | 164       |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (03 người)                               |     |                      |                       |            |                                 |          |             |           |                             |
| 3                                                                      | 352 | Trần Thị Phương Kiều |                       | 17/01/1989 | VKSND tỉnh Hậu Giang            | 61       | 80          | 202       | Trúng tuyển                 |
| 4                                                                      | 350 | Cao Thị Thuý         |                       | 08/8/1991  | VKSND TP.Vị Thanh, Hậu Giang    | 58       | 84          | 200       | Trúng tuyển                 |
| 5                                                                      | 355 | Dương Vương          | 16/10/1989            |            | VKSND h.Vị Thủy, Hậu Giang      | 58       | 80          | 196       | Trúng tuyển                 |
| 6                                                                      | 343 | Nguyễn Thanh Khoa    | 12/02/1991            |            | VKSND h.Long Mỹ, Hậu Giang      | 56       | 78          | 190       |                             |
| 7                                                                      | 348 | Trương Văn Phụng     | 20/12/1990            |            | VKSND h.Vị Thủy, Hậu Giang      | 56       | 74          | 186       |                             |
| 8                                                                      | 351 | Trương Thanh Tình    | 03/7/1987             |            | VKSND TX.Long Mỹ, Hậu Giang     | 50       | 82          | 182       |                             |
| 9                                                                      | 354 | Cao Hoàng Nhật Quang | 03/7/1991             |            | VKSND h.Châu Thành A, Hậu Giang | 57       | 64          | 178       |                             |
| 10                                                                     | 339 | Bùi Thị Kim Bình     |                       | 28/7/1975  | VKSND tỉnh Hậu Giang            | 50       | 74          | 174       |                             |
| 11                                                                     | 349 | Hồ Bảo Quốc          | 01/01/1986            |            | VKSND h.Phụng Hiệp, Hậu Giang   | 44       | 84          | 172       |                             |
| 12                                                                     | 341 | Trịnh Thị Hoa        |                       | 05/9/1986  | VKSND tỉnh Hậu Giang            | 50       | 62          | 162       |                             |
| 13                                                                     | 342 | Phạm Thị Hoa         |                       | 06/02/1986 | VKSND TP.Vị Thanh, Hậu Giang    | 43       | 74          | 160       |                             |
| 14                                                                     | 347 | Trần Hoàng Panal     | 05/02/1990            |            | VKSND h.Châu Thành A, Hậu Giang | 44       | 72          | 160       |                             |
| 15                                                                     | 340 | Đào Trần Thuý Hằng   |                       | 17/5/1990  | VKSND TP.Vị Thanh, Hậu Giang    | 40       | 76          | 156       |                             |
| 16                                                                     | 353 | Võ Huỳnh Anh Thư     |                       | 03/4/1989  | VKSND h.Long Mỹ, Hậu Giang      | 38       | 76          | 152       |                             |
| 17                                                                     | 344 | Nguyễn Hoài Nam      | 21/10/1987            |            | VKSND tỉnh Hậu Giang            | 29       | 72          | 130       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN                                 |     |                      |                       |            |                                 |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (01 người)     |     |                      |                       |            |                                 |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 357 | Nguyễn Tấn Lực       | 15/10/1969            |            | VKSND h.Đức Linh, Bình Thuận    | 54       | 72          | 180       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| 2                                                                      | 358 | Đào Thanh Tuấn       | 01/11/1977            |            | VKSND h.Tuy Phong, Bình Thuận   | 45       | 72          | 162       |                             |

| STT                                                                    | SBD | Họ và tên          | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                 | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                     |
|------------------------------------------------------------------------|-----|--------------------|-----------------------|------------|---------------------------------|----------|-------------|-----------|-----------------------------|
|                                                                        |     |                    | Nam                   | Nữ         |                                 | Viết     | Trắc nghiệm |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (01 người) |     |                    |                       |            |                                 |          |             |           |                             |
| 3                                                                      | 359 | Tần Đình Thống     | 10/4/1984             |            | VKSND h.Tuy Phong, Bình Thuận   | 50       | 68          | 168       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (01 người)                               |     |                    |                       |            |                                 |          |             |           |                             |
| 4                                                                      | 356 | Cao Thị Hường      |                       | 16/02/1981 | VKSND TP.Phan Thiết, Bình Thuận | 60       | 88          | 208       | Trúng tuyển                 |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC                                 |     |                    |                       |            |                                 |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (02 người)                               |     |                    |                       |            |                                 |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 364 | Trương Thanh Tuấn  | 28/12/1985            |            | VKSND TP.Đồng Xoài, Bình Phước  | 61       | 76          | 198       | Trúng tuyển                 |
| 2                                                                      | 361 | Nguyễn Y Van       | 05/9/1990             |            | VKSND TP.Đồng Xoài, Bình Phước  | 50       | 88          | 188       | Trúng tuyển                 |
| 3                                                                      | 362 | Lê Thị Huê         |                       | 10/28/1984 | VKSND TP.Đồng Xoài, Bình Phước  | 51       | 80          | 182       |                             |
| 4                                                                      | 365 | Trần Thị Chiều     |                       | 10/23/1986 | VKSND TX.Chơn Thành, Bình Phước | 55       | 70          | 180       |                             |
| 5                                                                      | 363 | Trần Thị Thủy Hằng |                       | 29/10/1989 | VKSND TP.Đồng Xoài, Bình Phước  | 47       | 72          | 166       |                             |
| 6                                                                      | 360 | Nông Quang Chung   | 15/10/1981            |            | VKSND h.Phú Riềng, Bình Phước   | 40       | 70          | 150       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU                                     |     |                    |                       |            |                                 |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (0 người)      |     |                    |                       |            |                                 |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 378 | Hồ Tấn Pháp        | 15/10/1973            |            | VKSND h.Cái Nước, Cà Mau        | 38       | 74          | 150       |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (02 người) |     |                    |                       |            |                                 |          |             |           |                             |
| 2                                                                      | 372 | Huỳnh Trung Hiếu   | 07/5/1982             |            | VKSND h.Đầm Dơi, Cà Mau         | 63       | 70          | 196       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 3                                                                      | 373 | Trần Quốc Hội      | 08/8/1972             |            | VKSND TP.Cà Mau, Cà Mau         | 60       | 74          | 194       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 4                                                                      | 367 | Hữu Minh Chul      | 28/4/1981             |            | VKSND h.Thới Bình, Cà Mau       | 54       | 76          | 184       |                             |
| 5                                                                      | 384 | Võ Việt Trung      | 01/01/1973            |            | VKSND h.Phú Tân, Cà Mau         | 30       | 72          | 132       |                             |
| 6                                                                      | 374 | Trần Chí Linh      | 05/9/1968             |            | VKSND h.Đầm Dơi, Cà Mau         | 32       | 66          | 130       |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (01 người)                               |     |                    |                       |            |                                 |          |             |           |                             |
| 7                                                                      | 371 | Phan Văn Hậu       | 30/4/1987             |            | VKSND tỉnh Cà Mau               | 58       | 80          | 196       | Trúng tuyển                 |
| 8                                                                      | 370 | Thang Hải Đăng     | 10/6/1986             |            | VKSND tỉnh Cà Mau               | 57       | 80          | 194       |                             |
| 9                                                                      | 369 | Phạm Văn Đa        | 19/4/1987             |            | VKSND TP.Cà Mau, Cà Mau         | 56       | 80          | 192       |                             |
| 10                                                                     | 375 | Lê Vũ Linh         | 14/8/1989             |            | VKSND h.U Minh, Cà Mau          | 57       | 72          | 186       |                             |
| 11                                                                     | 381 | Võ Thị Thoa        |                       | 07/7/1986  | VKSND tỉnh Cà Mau               | 55       | 76          | 186       |                             |
| 12                                                                     | 379 | Phan Hoàng Sang    | 17/5/1985             |            | VKSND tỉnh Cà Mau               | 51       | 80          | 182       |                             |
| 13                                                                     | 380 | Hồ Thanh Sang      | 17/4/1983             |            | VKSND h.Trần Văn Thời, Cà Mau   | 50       | 82          | 182       |                             |
| 14                                                                     | 383 | Huỳnh Trung Tính   | 12/7/1985             |            | VKSND h.Phú Tân, Cà Mau         | 54       | 68          | 176       |                             |

| STT                                                                           | SBD | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                  | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                     |
|-------------------------------------------------------------------------------|-----|----------------------|-----------------------|------------|----------------------------------|----------|-------------|-----------|-----------------------------|
|                                                                               |     |                      | Nam                   | Nữ         |                                  | Viết     | Trắc nghiệm |           |                             |
| 15                                                                            | 368 | Lý Thị Kim Cương     |                       | 16/02/1988 | VKSND tỉnh Cà Mau                | 55       | 64          | 174       |                             |
| 16                                                                            | 376 | Châu Long            | 01/01/1989            |            | VKSND TP.Cà Mau, Cà Mau          | 50       | 74          | 174       |                             |
| 17                                                                            | 385 | Nguyễn Anh Tuấn      | 16/9/1989             |            | VKSND tỉnh Cà Mau                | 45       | 82          | 172       |                             |
| 18                                                                            | 366 | Trần Hồng Cẩm        |                       | 25/4/1983  | VKSND h.Trần Văn Thời, Cà Mau    | 45       | 76          | 166       |                             |
| 19                                                                            | 377 | Lê Quốc Nin          | 02/5/1987             |            | VKSND TP.Cà Mau, Cà Mau          | 47       | 68          | 162       |                             |
| 20                                                                            | 382 | Trần Trung Thứ       | 03/10/1984            |            | VKSND tỉnh Cà Mau                | 45       | 72          | 162       |                             |
| 21                                                                            | 386 | Nguyễn Văn Vi        | 17/8/1989             |            | VKSND h.Thới Bình, Cà Mau        | 38       | 78          | 154       |                             |
| <b>VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG</b>                                  |     |                      |                       |            |                                  |          |             |           |                             |
| <i>Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (01 người)</i>                               |     |                      |                       |            |                                  |          |             |           |                             |
| 1                                                                             | 387 | Huỳnh Mộng Kiều      |                       | 10/10/1990 | VKSND h.Châu Thành, Sóc Trăng    | 50       | 78          | 178       | Trúng tuyển                 |
| <b>VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG</b>                                 |     |                      |                       |            |                                  |          |             |           |                             |
| <i>Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (0 người)</i>      |     |                      |                       |            |                                  |          |             |           |                             |
| 1                                                                             | 388 | Lê Trí Dũng          | 17/6/1975             |            | VKSND h.Gò Công Đông, Tiền Giang | 40       | 68          | 148       |                             |
| <i>Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (02 người)</i> |     |                      |                       |            |                                  |          |             |           |                             |
| 2                                                                             | 391 | Nguyễn Thị Diệu Hiền |                       | 01/01/1987 | VKSND h.Cái Bè, Tiền Giang       | 58       | 84          | 200       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 3                                                                             | 394 | Võ Minh Tuấn         | 20/5/1984             |            | VKSND h.Gò Công Đông, Tiền Giang | 53       | 80          | 186       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 4                                                                             | 390 | Đinh Thị Tuyết Hằng  |                       | 02/9/1980  | VKSND TP.Mỹ Tho, Tiền Giang      | 52       | 74          | 178       |                             |
| 5                                                                             | 392 | Đàm Viễn Khương      | 17/12/1988            |            | VKSND TP.Gò Công, Tiền Giang     | 50       | 78          | 178       |                             |
| 6                                                                             | 389 | Ngô Bảo Duy          | 04/5/1990             |            | VKSND h.Gò Công Tây, Tiền Giang  | 45       | 70          | 160       |                             |
| 7                                                                             | 393 | Tổng Việt Nhân       | 01/7/1977             |            | VKSND TP.Mỹ Tho, Tiền Giang      | 31       | 64          | 126       |                             |
| <b>VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b>                           |     |                      |                       |            |                                  |          |             |           |                             |
| <i>Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (03 người)</i> |     |                      |                       |            |                                  |          |             |           |                             |
| 1                                                                             | 409 | Ngô Tuấn Kiệt        | 22/7/1985             |            | VKSND Quận 1, TP.HCM             | 59       | 82          | 200       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 2                                                                             | 402 | Ngô Anh Hồng         | 04/12/1980            |            | VKSND Quận 12, TP.HCM            | 57       | 84          | 198       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 3                                                                             | 397 | Dương Thị Diễm       |                       | 08/5/1989  | VKSND Quận 6, TP.HCM             | 55       | 76          | 186       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 4                                                                             | 406 | Võ Ngọc Liên Hương   |                       | 24/3/1989  | VKSND q.Tân Phú, TP.HCM          | 35       | 82          | 152       |                             |
| <i>Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (10 người)</i>                               |     |                      |                       |            |                                  |          |             |           |                             |
| 5                                                                             | 401 | Nguyễn Thị Tố Hồng   |                       | 10/6/1988  | VKSND TP.HCM                     | 80       | 84          | 244       | Trúng tuyển                 |
| 6                                                                             | 418 | Lê Thị Tình          |                       | 18/6/1987  | VKSND TP.HCM                     | 79       | 84          | 242       | Trúng tuyển                 |
| 7                                                                             | 398 | Đặng Thị Dương       |                       | 06/8/1991  | VKSND q.Bình Tân, TP.HCM         | 83       | 74          | 240       | Trúng tuyển                 |

| STT | SBD | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác            | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|-----|-----|-----------------------|-----------------------|------------|----------------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|     |     |                       | Nam                   | Nữ         |                            | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| 8   | 396 | Lương Thị Ngọc Bích   |                       | 19/10/1983 | VKSND TP.HCM               | 79       | 82          | 240       | Trúng tuyển |
| 9   | 416 | Nguyễn Đình Thi       | 3/18/1990             |            | VKSND TP.HCM               | 70       | 82          | 222       | Trúng tuyển |
| 10  | 414 | Đặng Văn Sỹ           | 8/10/1984             |            | VKSND TP.HCM               | 66       | 86          | 218       | Trúng tuyển |
| 11  | 412 | Lại Thế Mạnh          | 28/3/1986             |            | VKSND TP.HCM               | 65       | 88          | 218       | Trúng tuyển |
| 12  | 419 | Võ Kế Út              | 7/10/1981             |            | VKSND TP.HCM               | 59       | 98          | 216       | Trúng tuyển |
| 13  | 408 | Nguyễn Thị Minh Huyền |                       | 23/12/1985 | VKSND q.Bình Thạnh, TP.HCM | 69       | 74          | 212       | Trúng tuyển |
| 14  | 411 | Nguyễn Ngọc Mai       |                       | 12/14/1991 | VKSND TP.HCM               | 60       | 88          | 208       | Trúng tuyển |
| 15  | 403 | Hồ Thị Huệ            |                       | 20/02/1983 | VKSND TP.HCM               | 66       | 74          | 206       |             |
| 16  | 410 | Trần Thị Thùy Linh    |                       | 02/12/1989 | VKSND TP.HCM               | 60       | 86          | 206       |             |
| 17  | 400 | Từ Ngọc Hòa           |                       | 22/4/1991  | VKSND q.Bình Tân, TP.HCM   | 59       | 86          | 204       |             |
| 18  | 404 | Mai Đức Hùng          | 5/8/1992              |            | VKSND TP.HCM               | 63       | 76          | 202       |             |
| 19  | 399 | Trần Thị Hằng         |                       | 08/4/1976  | VKSND TP.HCM               | 58       | 70          | 186       |             |
| 20  | 407 | Phan Đ. N. T Mỹ Huyền |                       | 20/3/1990  | VKSND TP.HCM               | 50       | 80          | 180       |             |
| 21  | 395 | Nguyễn Ngọc Mai Anh   |                       | 13/10/1991 | VKSND q.Bình Thạnh, TP.HCM | 53       | 72          | 178       |             |
| 22  | 417 | Nguyễn Trung Tiến     | 10/27/1985            |            | VKSND q.Bình Tân, TP.HCM   | 45       | 84          | 174       |             |
| 23  | 415 | Trần Thanh Tâm        | 12/12/1986            |            | VKSND TP.HCM               | 47       | 76          | 170       |             |
| 24  | 405 | Nguyễn Công Hưng      | 3/5/1987              |            | VKSND TP.HCM               | 43       | 76          | 162       |             |

| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH    |     |                  |           |           |                      |    |    |     |             |
|------------------------------------------|-----|------------------|-----------|-----------|----------------------|----|----|-----|-------------|
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (02 người) |     |                  |           |           |                      |    |    |     |             |
| 1                                        | 424 | Nguyễn Hoàng Yến |           | 22/7/1991 | VKSND tỉnh Bình Định | 63 | 92 | 218 | Trúng tuyển |
| 2                                        | 420 | Phan Thị Ngọc Hà |           | 29/3/1983 | VKSND tỉnh Bình Định | 62 | 92 | 216 | Trúng tuyển |
| 3                                        | 423 | Lê Bùi Thị Ngọc  |           | 28/8/1991 | VKSND tỉnh Bình Định | 72 | 70 | 214 |             |
| 4                                        | 422 | Võ Thị Hoàng Ly  |           | 07/8/1991 | VKSND tỉnh Bình Định | 63 | 72 | 198 |             |
| 5                                        | 421 | Nguyễn Văn Hương | 20/7/1991 |           | VKSND tỉnh Bình Định | 60 | 76 | 196 |             |

| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK                                    |     |                 |            |  |                           |    |    |     |                             |
|------------------------------------------------------------------------|-----|-----------------|------------|--|---------------------------|----|----|-----|-----------------------------|
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (02 người) |     |                 |            |  |                           |    |    |     |                             |
| 1                                                                      | 428 | Phạm Công Hà    | 02/11/1989 |  | VKSND h.EaHLeo, Đăk Lăk   | 61 | 84 | 206 | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 2                                                                      | 426 | Nguyễn Cát Căng | 8/3/1987   |  | VKSND h.M'Đrăk, Đăk Lăk   | 56 | 88 | 200 | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 3                                                                      | 437 | Phạm Văn Thành  | 09/10/1978 |  | VKSND h.Cư M'gar, Đăk Lăk | 60 | 76 | 196 |                             |

| STT                                                                    | SBD | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                    | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                     |
|------------------------------------------------------------------------|-----|-----------------------|-----------------------|------------|------------------------------------|----------|-------------|-----------|-----------------------------|
|                                                                        |     |                       | Nam                   | Nữ         |                                    | Viết     | Trắc nghiệm |           |                             |
| 4                                                                      | 438 | Nguyễn Duy Toàn       | 09/4/1980             |            | VKSND h.M'Đrăk, Đăk Lăk            | 47       | 76          | 170       |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (06 người)                               |     |                       |                       |            |                                    |          |             |           |                             |
| 5                                                                      | 435 | Nguyễn Quốc Quân      | 27/3/1992             |            | VKSND tỉnh Đăk Lăk                 | 69       | 90          | 228       | Trúng tuyển                 |
| 6                                                                      | 427 | Trần Thanh Dương      | 20/5/1985             |            | VKSND tỉnh Đăk Lăk                 | 67       | 76          | 210       | Trúng tuyển                 |
| 7                                                                      | 430 | Bùi Văn Hán           | 27/01/1989            |            | VKSND tỉnh Đăk Lăk                 | 62       | 84          | 208       | Trúng tuyển                 |
| 8                                                                      | 434 | Dương Hoàng Long      | 01/11/1991            |            | VKSND tỉnh Đăk Lăk                 | 70       | 66          | 206       | Trúng tuyển                 |
| 9                                                                      | 433 | Phạm Đức Lễ           | 19/7/1988             |            | VKSND tỉnh Đăk Lăk                 | 59       | 88          | 206       | Trúng tuyển                 |
| 10                                                                     | 431 | Trần Phương Hồng      |                       | 12/10/1991 | VKSND tỉnh Đăk Lăk                 | 60       | 84          | 204       | Trúng tuyển                 |
| 11                                                                     | 436 | Trương Quang Thành    | 24/6/1991             |            | VKSND tỉnh Đăk Lăk                 | 65       | 66          | 196       |                             |
| 12                                                                     | 439 | Nguyễn Văn Tuấn       | 28/11/1990            |            | VKSND tỉnh Đăk Lăk                 | 57       | 82          | 196       |                             |
| 13                                                                     | 432 | Nguyễn Ngọc Huy       | 04/3/1986             |            | VKSND tỉnh Đăk Lăk                 | 38       | 76          | 152       |                             |
| 14                                                                     | 425 | Nguyễn Tú Anh         |                       | 11/6/1988  | VKSND tỉnh Đăk Lăk                 | 36       | 70          | 142       |                             |
| 15                                                                     | 429 | Huỳnh Phi Hải         | 24/3/1981             |            | VKSND TX.Buôn Hồ, Đăk Lăk          | 42       | 50          | 134       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU                          |     |                       |                       |            |                                    |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (01 người) |     |                       |                       |            |                                    |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 446 | Nguyễn Văn Sơn        | 02/9/1978             |            | VKSND TP.Vũng Tàu, Bà Rịa-Vũng Tàu | 60       | 64          | 184       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 2                                                                      | 440 | Nguyễn Trí Dũng       | 01/01/1971            |            | VKSND h.Xuân Mộc, Bà Rịa-Vũng Tàu  | 37       | 68          | 142       |                             |
| 3                                                                      | 443 | Đặng Quang Nam        | 15/02/1981            |            | VKSND TX.Phú Mỹ, Bà Rịa-Vũng Tàu   | 28       | 74          | 130       |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (04 người)                               |     |                       |                       |            |                                    |          |             |           |                             |
| 4                                                                      | 441 | Nguyễn Thị Thanh Hải  |                       | 30/01/1982 | VKSND TP.Bà Rịa, Bà Rịa-Vũng Tàu   | 69       | 72          | 210       | Trúng tuyển                 |
| 5                                                                      | 449 | Phạm Thị Lệ Thủy      |                       | 14/02/1988 | VKSND h.Xuân Mộc, Bà Rịa-Vũng Tàu  | 58       | 78          | 194       | Trúng tuyển                 |
| 6                                                                      | 448 | Nguyễn Thị Anh Thơ    |                       | 09/01/1979 | VKSND TP.Vũng Tàu, Bà Rịa-Vũng Tàu | 57       | 76          | 190       | Trúng tuyển                 |
| 7                                                                      | 447 | Dương Thị Phương Thảo |                       | 23/02/1986 | VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu         | 50       | 68          | 168       | Trúng tuyển                 |
| 8                                                                      | 445 | Trần Thị Nhung        |                       | 19/5/1987  | VKSND TP.Bà Rịa, Bà Rịa-Vũng Tàu   | 42       | 74          | 158       |                             |
| 9                                                                      | 444 | Hoàng Thị Ngọc        |                       | 15/4/1987  | VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu         | 37       | 74          | 148       |                             |
| 10                                                                     | 442 | Vũ Thị Hồng Hạnh      |                       | 02/7/1989  | VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu         | 37       | 56          | 130       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ                               |     |                       |                       |            |                                    |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (01 người)     |     |                       |                       |            |                                    |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 453 | Châu Văn Lộc          | 01/11/1983            |            | VKSND h.Vĩnh Thạnh, Cần Thơ        | 50       | 84          | 184       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |

| STT                                                                | SBD | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác               | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                    |
|--------------------------------------------------------------------|-----|----------------------|-----------------------|------------|-------------------------------|----------|-------------|-----------|----------------------------|
|                                                                    |     |                      | Nam                   | Nữ         |                               | Viết     | Trắc nghiệm |           |                            |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (02 người)                           |     |                      |                       |            |                               |          |             |           |                            |
| 2                                                                  | 454 | Nguyễn Xuân Lộc      | 21/01/1990            |            | VKSND h.Phong Điền, Cần Thơ   | 76       | 78          | 230       | Trúng tuyển                |
| 3                                                                  | 450 | Phạm Thị Hương       |                       | 19/04/1984 | VKSND TP.Cần Thơ              | 71       | 80          | 222       | Trúng tuyển                |
| 4                                                                  | 456 | Phạm Văn Nhũ         | 26/06/1984            |            | VKSND q.Ô Môn, Cần Thơ        | 72       | 76          | 220       |                            |
| 5                                                                  | 452 | Huỳnh Thị Bích Liên  |                       | 03/7/1988  | VKSND q.Bình Thủy, Cần Thơ    | 64       | 80          | 208       |                            |
| 6                                                                  | 455 | Vô Ngọc Nghĩa        |                       | 21/02/1991 | VKSND TP.Cần Thơ              | 55       | 86          | 196       |                            |
| 7                                                                  | 451 | Nguyễn Văn Hường     | 14/12/1989            |            | VKSND TP.Cần Thơ              | 50       | 82          | 182       |                            |
| 8                                                                  | 458 | Huỳnh Thị Bảo Trân   |                       | 15/08/1979 | VKSND q.Cái Răng, Cần Thơ     | 52       | 76          | 180       |                            |
| 9                                                                  | 457 | Nguyễn Bảo Quốc      | 09/9/1987             |            | VKSND TP.Cần Thơ              | 43       | 86          | 172       |                            |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP                              |     |                      |                       |            |                               |          |             |           |                            |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (01 người) |     |                      |                       |            |                               |          |             |           |                            |
| 1                                                                  | 470 | Phạm Ngọc Thà        | 15/10/1977            |            | VKSND h.Tam Nông, Đồng Tháp   | 50       | 70          | 170       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT |
| 2                                                                  | 465 | Vô Văn Hiền Nhỏ      | 13/3/1972             |            | VKSND h.Tân Hồng, Đồng Tháp   | 35       | 74          | 144       |                            |
| 3                                                                  | 459 | Lê Thị Kim Chi       |                       | 30/10/1977 | VKSND h.Hồng Ngự, Đồng Tháp   | 30       | 70          | 130       |                            |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (04 người)                           |     |                      |                       |            |                               |          |             |           |                            |
| 4                                                                  | 471 | Nguyễn Thị Hà Thanh  |                       | 01/02/1987 | VKSND TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp  | 78       | 86          | 242       | Trúng tuyển                |
| 5                                                                  | 463 | Phan Thị Thanh Mến   |                       | 05/4/1989  | VKSND TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp  | 60       | 72          | 192       | Trúng tuyển                |
| 6                                                                  | 474 | Nguyễn Văn Tuấn      | 20/12/1988            |            | VKSND h.Lấp Vò, Đồng Tháp     | 60       | 68          | 188       | Trúng tuyển                |
| 7                                                                  | 462 | Nguyễn Thị Ngọc Giàu |                       | 19/9/1989  | VKSND h.Lấp Vò, Đồng Tháp     | 56       | 72          | 184       | Trúng tuyển                |
| 8                                                                  | 460 | Lê Văn Chính         | 15/5/1979             |            | VKSND tỉnh Đồng Tháp          | 52       | 76          | 180       |                            |
| 9                                                                  | 472 | Trần Văn Thanh       | 01/01/1984            |            | VKSND TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp  | 44       | 86          | 174       |                            |
| 10                                                                 | 461 | Nguyễn Hùng Dương    | 14/02/1992            |            | VKSND h.Thanh Bình, Đồng Tháp | 50       | 72          | 172       |                            |
| 11                                                                 | 468 | Nguyễn Thanh Tâm     | 25/3/1984             |            | VKSND h.Cao Lãnh, Đồng Tháp   | 50       | 72          | 172       |                            |
| 12                                                                 | 469 | Nguyễn Ngọc Tân      | 02/3/1982             |            | VKSND h.Cao Lãnh, Đồng Tháp   | 50       | 70          | 170       |                            |
| 13                                                                 | 473 | Ngô Thanh Toàn       | 20/01/1991            |            | VKSND h.Tháp Mười, Đồng Tháp  | 46       | 78          | 170       |                            |
| 14                                                                 | 464 | Nguyễn Văn Nhân      | 16/4/1987             |            | VKSND h.Thanh Bình, Đồng Tháp | 45       | 78          | 168       |                            |
| 15                                                                 | 466 | Huỳnh Hữu Phú        | 06/9/1989             |            | VKSND TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp  | 45       | 72          | 162       |                            |
| 16                                                                 | 467 | Huỳnh Văn Sáng       | 26/10/1991            |            | VKSND h.Tháp Mười, Đồng Tháp  | 40       | 82          | 162       |                            |

| STT                                                                    | SBD | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác               | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú                     |
|------------------------------------------------------------------------|-----|-----------------------|-----------------------|------------|-------------------------------|----------|-------------|-----------|-----------------------------|
|                                                                        |     |                       | Nam                   | Nữ         |                               | Viết     | Trắc nghiệm |           |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LONG AN                                    |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (01 người)     |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 479 | Nguyễn Quốc Trị       | 12/6/1977             |            | VKSND h.Đức Hòa, Long An      | 59       | 64          | 182       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (02 người) |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 2                                                                      | 475 | Trần Thị Lan Chi      |                       | 07/11/1989 | VKSND h.Bến Lức, Long An      | 69       | 74          | 212       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 3                                                                      | 477 | Nguyễn Anh Thi        | 01/11/1988            |            | VKSND h.Thủ Thừa, Long An     | 50       | 66          | 166       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 4                                                                      | 476 | Nguyễn Văn Cường      | 04/8/1975             |            | VKSND h.Cần Đước, Long An     | 43       | 78          | 164       |                             |
| 5                                                                      | 478 | Lê Đức Thiện          | 13/7/1985             |            | VKSND h.Thạnh Hóa, Long An    | 50       | 60          | 160       |                             |
| 6                                                                      | 480 | Nguyễn Văn Vũ         | 02/9/1975             |            | VKSND TP.Tân An, Long An      | 44       | 56          | 144       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH                                   |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (02 người)     |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 482 | Nguyễn Văn Thương     | 14/12/1976            |            | VKSND h.Cầu Kè, Trà Vinh      | 60       | 78          | 198       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| 2                                                                      | 483 | Lê Thanh Tú           | 31/12/1979            |            | VKSND h.Trà Cú, Trà Vinh      | 54       | 72          | 180       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu VT  |
| 3                                                                      | 481 | Võ Thanh Tường        | 13/7/1970             |            | VKSND TX.Duyên Hải, Trà Vinh  | 36       | 70          | 142       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG                                  |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Viện trưởng (0 người)      |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 488 | Đào Thanh Sơn         | 25/8/1982             |            | VKSND h.Long Hồ, Vĩnh Long    | 42       | 80          | 164       |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (02 người)                               |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 2                                                                      | 484 | Lê Thị Anh Đào        |                       | 14/5/1986  | VKSND tỉnh Vĩnh Long          | 65       | 94          | 224       | Trúng tuyển                 |
| 3                                                                      | 485 | Lê Huỳnh Long         | 25/3/1980             |            | VKSND tỉnh Vĩnh Long          | 72       | 76          | 220       | Trúng tuyển                 |
| 4                                                                      | 486 | Nguyễn Hồng Phấn      |                       | 21/10/1981 | VKSND h.Măng Thít, Vĩnh Long  | 63       | 80          | 206       |                             |
| 5                                                                      | 487 | Lê Thanh Sang         | 21/5/1980             |            | VKSND TX.Bình Minh, Vĩnh Long | 58       | 80          | 196       |                             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN                                    |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp huyện theo chức vụ Phó Viện trưởng (01 người) |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 1                                                                      | 492 | Đoàn Sơn Hải          | 07/6/1974             |            | VKSND h.Sông Hình, Phú Yên    | 60       | 80          | 200       | Trúng tuyển<br>Chỉ tiêu PVT |
| 2                                                                      | 494 | Trần Lê Huy           | 16/02/1989            |            | VKSND TX.Đông Hòa, Phú Yên    | 42       | 74          | 158       |                             |
| Chỉ tiêu trúng tuyển cấp tỉnh (04 người)                               |     |                       |                       |            |                               |          |             |           |                             |
| 3                                                                      | 493 | Biện Tấn Hoàng        | 16/9/1986             |            | VKSND tỉnh Phú Yên            | 61       | 80          | 202       | Trúng tuyển                 |
| 4                                                                      | 490 | Nguyễn Ngọc Cẩm Duyên |                       | 04/10/1992 | VKSND tỉnh Phú Yên            | 56       | 90          | 202       | Trúng tuyển                 |
| 5                                                                      | 491 | Nguyễn Ngọc Duyên     |                       | 12/9/1988  | VKSND TP.Tuy Hòa, Phú Yên     | 56       | 86          | 198       | Trúng tuyển                 |
| 6                                                                      | 489 | Nguyễn Kim Anh        | 01/11/1984            |            | VKSND tỉnh Phú Yên            | 51       | 88          | 190       | Trúng tuyển                 |

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

Kỳ thi tuyển Kiểm sát viên sơ cấp đợt 2 năm 2024 (khu vực phía Bắc)

(Kèm theo Quyết định số: 223/QĐ-HĐTT ngày 14/4/2025 của Hội đồng thi tuyển Kiểm sát viên)

| STT                            | SBD | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác   | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|--------------------------------|-----|----------------------|-----------------------|------------|-------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|                                |     |                      | Nam                   | Nữ         |                   | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO |     |                      |                       |            |                   |          |             |           |             |
| 1                              | 106 | Tổng Hoài Linh       |                       | 15/02/1995 | Vụ 1, VKSNDTC     | 77       | 78          | 232       | Trúng tuyển |
| 2                              | 099 | Nguyễn Tuấn Anh      | 18/3/1990             |            | Vụ 15, VKSNDTC    | 71       | 80          | 222       | Trúng tuyển |
| 3                              | 108 | Nguyễn Văn Linh      | 25/01/1991            |            | Vụ 2, VKSNDTC     | 70       | 78          | 218       | Trúng tuyển |
| 4                              | 105 | Nguyễn Thanh Liêm    | 17/9/1990             |            | Vụ 13, VKSNDTC    | 69       | 80          | 218       | Trúng tuyển |
| 5                              | 121 | Vì Việt Vương        | 03/4/1995             |            | Vụ 10, VKSNDTC    | 65       | 86          | 216       | Trúng tuyển |
| 6                              | 098 | Trần Quyền Anh       | 04/10/1988            |            | Vụ 13, VKSNDTC    | 78       | 58          | 214       | Trúng tuyển |
| 7                              | 113 | Nguyễn Mạnh Quân     | 01/10/1988            |            | Vụ 15, VKSNDTC    | 74       | 64          | 212       | Trúng tuyển |
| 8                              | 107 | Nguyễn Thị Thùy Linh |                       | 16/12/1995 | Vụ 2, VKSNDTC     | 62       | 80          | 204       | Trúng tuyển |
| 9                              | 104 | Bùi Vũ Hoàng         | 06/7/1990             |            | Văn phòng VKSNDTC | 65       | 72          | 202       | Trúng tuyển |
| 10                             | 122 | Đặng Thị Yến         |                       | 29/01/1988 | Vụ 14, VKSNDTC    | 64       | 74          | 202       | Trúng tuyển |
| 11                             | 120 | Nguyễn Văn Vui       | 24/3/1983             |            | Vụ 13, VKSNDTC    | 70       | 60          | 200       | Trúng tuyển |
| 12                             | 102 | Lê Thanh Hà          | 27/4/1995             |            | Vụ 2, VKSNDTC     | 66       | 68          | 200       | Trúng tuyển |
| 13                             | 112 | Lê Thị Thanh Phương  |                       | 06/9/1994  | Văn phòng VKSNDTC | 68       | 54          | 190       |             |
| 14                             | 114 | Nguyễn Như Quỳnh     |                       | 15/4/1985  | Cục 2, VKSNDTC    | 63       | 60          | 186       |             |
| 15                             | 119 | Nguyễn Trọng Tiến    | 20/9/1995             |            | Vụ 14, VKSNDTC    | 59       | 62          | 180       |             |
| 16                             | 117 | Phạm Thị Bích Thảo   |                       | 02/6/1978  | Vụ 12, VKSNDTC    | 60       | 58          | 178       |             |
| 17                             | 111 | Vy Quốc Phát         | 03/02/1996            |            | Vụ 14, VKSNDTC    | 51       | 72          | 174       |             |
| 18                             | 109 | Vũ Thị Mai           |                       | 02/7/1995  | Văn phòng VKSNDTC | 50       | 70          | 170       |             |
| 19                             | 110 | Nguyễn Liên Ngọc     |                       | 04/8/1996  | Văn phòng VKSNDTC | 50       | 66          | 166       |             |
| 20                             | 101 | Lê Thị Duyên         |                       | 05/9/1984  | Văn phòng VKSNDTC | 51       | 60          | 162       |             |
| 21                             | 115 | Lại Quang Sơn        | 05/8/1989             |            | Văn phòng VKSNDTC | 50       | 62          | 162       |             |
| 22                             | 118 | Lê Thị Thanh Thảo    |                       | 04/11/1990 | Cục 2, VKSNDTC    | 48       | 66          | 162       |             |
| 23                             | 100 | Nguyễn Thành Đông    | 17/7/1995             |            | Vụ 7, VKSNDTC     | 50       | 60          | 160       |             |

| STT                                       | SBD | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh |           | Đơn vị công tác    | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|-------------------------------------------|-----|-----------------------|-----------------------|-----------|--------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|                                           |     |                       | Nam                   | Nữ        |                    | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| 24                                        | 116 | Nguyễn Ngọc Sơn       | 25/5/1994             |           | Thanh tra VKSNDTC  | 45       | 62          | 152       |             |
| 25                                        | 103 | Phạm Thanh Hằng       |                       | 19/4/1995 | Văn phòng VKSNDTC  | 27       | 62          | 116       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT QUÂN SỰ                     |     |                       |                       |           |                    |          |             |           |             |
| 1                                         | 138 | Vàng Văn Vượng        | 12/11/1996            |           | VKSQS KV23 QK2     | 68       | 76          | 212       | Trúng tuyển |
| 2                                         | 132 | Nguyễn Thị Hậu Phượng |                       | 04/9/1993 | VKSQS TĐHN         | 67       | 70          | 204       | Trúng tuyển |
| 3                                         | 129 | Nguyễn Văn Lợi        | 16/02/1996            |           | VKSQS KV1 QC PK-KQ | 55       | 76          | 186       | Trúng tuyển |
| 4                                         | 125 | Đinh Quang Dũng       | 10/4/1998             |           | VKSQS KV32 QK3     | 58       | 68          | 184       | Trúng tuyển |
| 5                                         | 134 | Nguyễn Hoàng Thái     | 16/10/1995            |           | VKSQS KV43 QK4     | 55       | 74          | 184       | Trúng tuyển |
| 6                                         | 126 | Nguyễn Thị Hà         |                       | 24/8/1995 | VKSQS KV41 QK4     | 52       | 80          | 184       | Trúng tuyển |
| 7                                         | 133 | Lường Văn Thái        | 10/12/1996            |           | VKSQS KV23 QK2     | 56       | 70          | 182       | Trúng tuyển |
| 8                                         | 136 | Lê Thị Huyền Trang    |                       | 05/5/1995 | VKSQS KV31 QK3     | 55       | 72          | 182       | Trúng tuyển |
| 9                                         | 127 | Nguyễn Kiều Hưng      | 07/10/1994            |           | VKSQS KV1 BĐBP     | 54       | 74          | 182       | Trúng tuyển |
| 10                                        | 135 | Lưu Đại Thiên         | 12/12/1993            |           | VKSQS KV41 QK4     | 55       | 70          | 180       | Trúng tuyển |
| 11                                        | 128 | Đinh Thị Thùy Linh    |                       | 30/7/1996 | VKSQS KV1 BĐBP     | 50       | 74          | 174       | Trúng tuyển |
| 12                                        | 131 | Trần Thị Hà Phương    |                       | 24/8/1995 | VKSQS KV41 QK4     | 50       | 72          | 172       | Trúng tuyển |
| 13                                        | 137 | Phạm Thế Tùng         | 27/9/1996             |           | VKSQS KV32 QK3     | 50       | 70          | 170       | Trúng tuyển |
| 14                                        | 123 | Nguyễn Ngọc Bằng      | 30/3/1986             |           | VKSQS KV1 QCHQ     | 43       | 66          | 152       |             |
| 15                                        | 130 | Nguyễn Duy Phong      | 22/7/1994             |           | VKSQS KV31 QK3     | 35       | 80          | 150       |             |
| 16                                        | 124 | Phạm Minh Đắc         | 01/6/1990             |           | VKSQS KV21 QK2     | 40       | 68          | 148       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI |     |                       |                       |           |                    |          |             |           |             |
| 1                                         | 145 | Nguyễn Trường Giang   | 21/9/1995             |           | VKSND cấp cao 1    | 78       | 80          | 236       | Trúng tuyển |
| 2                                         | 158 | Nguyễn Duy Tùng       | 24/8/1995             |           | VKSND cấp cao 1    | 69       | 84          | 222       | Trúng tuyển |
| 3                                         | 155 | Vũ Minh Trang         |                       | 2/9/1996  | VKSND cấp cao 1    | 65       | 88          | 218       | Trúng tuyển |
| 4                                         | 146 | Nguyễn Mạnh Hùng      | 8/6/1989              |           | VKSND cấp cao 1    | 67       | 82          | 216       | Trúng tuyển |
| 5                                         | 143 | Nông Quốc Đạt         | 12/2/1995             |           | VKSND cấp cao 1    | 68       | 78          | 214       | Trúng tuyển |
| 6                                         | 144 | Nguyễn Minh Đức       | 17/2/1995             |           | VKSND cấp cao 1    | 63       | 82          | 208       | Trúng tuyển |
| 7                                         | 151 | Dương Thị Kim Oanh    |                       | 13/5/1995 | VKSND cấp cao 1    | 68       | 66          | 202       | Trúng tuyển |
| 8                                         | 147 | Đỗ Việt Lâm           | 26/5/1994             |           | VKSND cấp cao 1    | 66       | 70          | 202       | Trúng tuyển |

| STT | SBD | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú |
|-----|-----|---------------------|-----------------------|------------|-----------------|----------|-------------|-----------|---------|
|     |     |                     | Nam                   | Nữ         |                 | Viết     | Trắc nghiệm |           |         |
| 9   | 154 | Vũ Huyền Trang      |                       | 21/8/1991  | VKSND cấp cao 1 | 63       | 74          | 200       |         |
| 10  | 142 | Nguyễn Nam Anh      | 17/6/1995             |            | VKSND cấp cao 1 | 62       | 72          | 196       |         |
| 11  | 148 | Phan Thị Hồng Liên  |                       | 25/11/1995 | VKSND cấp cao 1 | 65       | 64          | 194       |         |
| 12  | 150 | Phạm Thị Khánh Ly   |                       | 01/01/1995 | VKSND cấp cao 1 | 61       | 64          | 186       |         |
| 13  | 140 | Lê Thị Ngọc Anh     |                       | 13/7/1994  | VKSND cấp cao 1 | 57       | 66          | 180       |         |
| 14  | 156 | Nguyễn Đình Tú      | 5/8/1995              |            | VKSND cấp cao 1 | 53       | 70          | 176       |         |
| 15  | 149 | Nguyễn Thị Mai Linh |                       | 10/10/1995 | VKSND cấp cao 1 | 52       | 72          | 176       |         |
| 16  | 157 | Nguyễn Minh Tú      |                       | 28/12/1995 | VKSND cấp cao 1 | 50       | 70          | 170       |         |
| 17  | 141 | Lê Đức Anh          | 4/10/1995             |            | VKSND cấp cao 1 | 50       | 68          | 168       |         |
| 18  | 153 | Nguyễn Thúy Quỳnh   |                       | 29/6/1995  | VKSND cấp cao 1 | 43       | 80          | 166       |         |
| 19  | 139 | Nguyễn Tiến Anh     | 5/6/1995              |            | VKSND cấp cao 1 | 32       | 68          | 132       |         |

| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG |     |                  |            |            |                                  |      |    |     |             |
|---------------------------------------|-----|------------------|------------|------------|----------------------------------|------|----|-----|-------------|
| 1                                     | 167 | Nguyễn Đức Toàn  | 24/4/1996  |            | VKSND TX.Việt Yên,<br>Bắc Giang  | 76   | 78 | 230 | Trúng tuyển |
| 2                                     | 161 | Nguyễn Thị Hiền  |            | 21/3/1996  | VKSND h.Yên Dũng,<br>Bắc Giang   | 70   | 80 | 220 | Trúng tuyển |
| 3                                     | 163 | Ngô Thanh Lâm    | 01/6/1996  |            | VKSND h.Yên Thế,<br>Bắc Giang    | 60   | 78 | 198 | Trúng tuyển |
| 4                                     | 159 | Nguyễn Văn Hải   | 27/01/1996 |            | VKSND h.Lục Nam,<br>Bắc Giang    | 55   | 84 | 194 | Trúng tuyển |
| 5                                     | 168 | Nguyễn Đức Trọng | 29/4/1996  |            | VKSND tỉnh Bắc Giang             | 58   | 70 | 186 | Trúng tuyển |
| 6                                     | 164 | Đoàn Ngọc Linh   | 01/10/1996 |            | VKSND h.Lạng Giang,<br>Bắc Giang | 50.5 | 84 | 185 | Trúng tuyển |
| 7                                     | 160 | Lương Bích Hào   |            | 04/3/1996  | VKSND h.Lạng Giang,<br>Bắc Giang | 50   | 84 | 184 | Trúng tuyển |
| 8                                     | 165 | Thân Văn Mạnh    | 28/6/1992  |            | VKSND h.Tân Yên,<br>Bắc Giang    | 52   | 72 | 176 | Trúng tuyển |
| 9                                     | 162 | Nguyễn Thị Huyền |            | 13/11/1996 | VKSND h.Lục Ngạn,<br>Bắc Giang   | 41   | 70 | 152 |             |

| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN |     |                       |            |            |                                 |    |    |     |             |
|---------------------------------------|-----|-----------------------|------------|------------|---------------------------------|----|----|-----|-------------|
| 1                                     | 174 | Phạm Thị Tuyết        |            | 28/02/1995 | VKSND tỉnh Điện Biên            | 75 | 82 | 232 | Trúng tuyển |
| 2                                     | 172 | Nguyễn Vũ Phương Thảo |            | 19/10/1996 | VKSND tỉnh Điện Biên            | 74 | 80 | 228 | Trúng tuyển |
| 3                                     | 175 | Nguyễn Thị Ngọc Yến   |            | 14/5/1988  | VKSND tỉnh Điện Biên            | 55 | 76 | 186 | Trúng tuyển |
| 4                                     | 173 | Mùa A Tú              | 14/9/1992  |            | VKSND h.Tuần Giáo,<br>Điện Biên | 55 | 64 | 174 |             |
| 5                                     | 169 | Đàm Quang Anh         | 08/02/1995 |            | VKSND h.Điện Biên,<br>Điện Biên | 52 | 70 | 174 |             |
| 6                                     | 171 | Vàng Thị Sao Mai      |            | 15/9/1996  | VKSND tỉnh Điện Biên            | 50 | 72 | 172 |             |
| 7                                     | 170 | Triệu Việt Biên       | 29/5/1988  |            | VKSND h.Mường Chà,<br>Điện Biên | 43 | 68 | 154 |             |

| STT                                     | SBD | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác              | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|-----------------------------------------|-----|-----------------------|-----------------------|------------|------------------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|                                         |     |                       | Nam                   | Nữ         |                              | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI |     |                       |                       |            |                              |          |             |           |             |
| 1                                       | 183 | Nguyễn Mạnh Cường     | 4/29/1996             |            | VKSND q.Hoàn Kiếm, Hà Nội    | 85       | 86          | 256       | Trúng tuyển |
| 2                                       | 188 | Nguyễn Hoàng Giang    | 06/12/1996            |            | VKSND q.Nam Từ Liêm, Hà Nội  | 80       | 94          | 254       | Trúng tuyển |
| 3                                       | 205 | Lý Xuân Nhất          | 19/6/1991             |            | VKSND h.Ứng Hòa, Hà Nội      | 74       | 100         | 248       | Trúng tuyển |
| 4                                       | 179 | Bùi Lê Mai Anh        |                       | 11/02/1996 | VKSND q.Nam Từ Liêm, Hà Nội  | 74       | 92          | 240       | Trúng tuyển |
| 5                                       | 218 | Trần Thế Trung        | 08/6/1996             |            | VKSND q.Ba Đình, Hà Nội      | 71       | 98          | 240       | Trúng tuyển |
| 6                                       | 214 | Dương Sơn Tiến        | 20/11/1994            |            | VKSND h.Ba Đình, Hà Nội      | 79       | 80          | 238       | Trúng tuyển |
| 7                                       | 213 | Nguyễn Lê Phương Thủy |                       | 05/5/1991  | VKSND q.Hà Đông, Hà Nội      | 75       | 84          | 234       | Trúng tuyển |
| 8                                       | 221 | Khuất Duy Tùng        | 27/07/1990            |            | VKSND q.Đống Đa, Hà Nội      | 72       | 90          | 234       | Trúng tuyển |
| 9                                       | 186 | Vi Hoàng Dương        | 04/12/1996            |            | VKSND q.Thanh Xuân, Hà Nội   | 73       | 86          | 232       | Trúng tuyển |
| 10                                      | 182 | Triệu Đức Chung       | 03/12/1991            |            | VKSND q.Đống Đa, Hà Nội      | 71       | 90          | 232       | Trúng tuyển |
| 11                                      | 177 | Hoàng Trung Anh       | 04/12/1995            |            | VKSND q.Đống Đa, Hà Nội      | 70       | 92          | 232       | Trúng tuyển |
| 12                                      | 215 | Trịnh Hữu Toàn        | 20/5/1990             |            | VKSND q.Ba Đình, Hà Nội      | 79       | 72          | 230       | Trúng tuyển |
| 13                                      | 204 | Trần Thị Minh Nguyệt  |                       | 20/10/1988 | VKSND h.Thanh Oai, Hà Nội    | 75       | 80          | 230       | Trúng tuyển |
| 14                                      | 198 | Phạm Văn Long         | 31/10/1996            |            | VKSND TP.Hà Nội              | 74       | 82          | 230       | Trúng tuyển |
| 15                                      | 222 | Nguyễn Thị Tuyền      |                       | 10/10/1994 | VKSND h.Ứng Hòa, Hà Nội      | 74       | 82          | 230       | Trúng tuyển |
| 16                                      | 225 | Trần Thị Hải Yến      |                       | 25/7/1996  | VKSND q.Cầu Giấy, Hà Nội     | 74       | 82          | 230       | Trúng tuyển |
| 17                                      | 187 | Nguyễn Duy Dương      | 05/8/1991             |            | VKSND h.Chương Mỹ, Hà Nội    | 72       | 86          | 230       | Trúng tuyển |
| 18                                      | 184 | Nguyễn Văn Cường      | 02/5/1993             |            | VKSND h. Gia Lâm, Hà Nội     | 71       | 88          | 230       | Trúng tuyển |
| 19                                      | 185 | Nguyễn Thanh Dung     |                       | 18/8/1990  | VKSND TP.Hà Nội              | 69       | 92          | 230       | Trúng tuyển |
| 20                                      | 212 | Ngô Thị Thúy          |                       | 12/08/1996 | VKSND h.Thanh Trì, Hà Nội    | 67       | 92          | 226       |             |
| 21                                      | 195 | Nguyễn Thế Khải       | 12/4/1996             |            | VKSND q.Hai Bà Trưng, Hà Nội | 70       | 84          | 224       |             |
| 22                                      | 224 | Mai Như Ý             | 19/11/1996            |            | VKSND TP.Hà Nội              | 67       | 88          | 222       |             |
| 23                                      | 180 | Nguyễn Tuấn Anh       | 31/5/1995             |            | VKSND h.Sóc Sơn, Hà Nội      | 69       | 82          | 220       |             |
| 24                                      | 178 | Ngô Việt Anh          | 21/09/1995            |            | VKSND q.Long Biên, Hà Nội    | 67       | 84          | 218       |             |
| 25                                      | 194 | Đinh Mạnh Hùng        | 8/12/1989             |            | VKSND q.Bắc Từ Liêm, Hà Nội  | 67       | 82          | 216       |             |
| 26                                      | 217 | Nguyễn Thị Tố Trinh   |                       | 24/3/1995  | VKSND h. Đông Anh, Hà Nội    | 66       | 84          | 216       |             |
| 27                                      | 206 | Lê Thị Hương Nhụy     |                       | 01/12/1993 | VKSND h.Thanh Trì, Hà Nội    | 67       | 80          | 214       |             |

| STT | SBD | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác             | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú |
|-----|-----|-----------------------|-----------------------|------------|-----------------------------|----------|-------------|-----------|---------|
|     |     |                       | Nam                   | Nữ         |                             | Viết     | Trắc nghiệm |           |         |
| 28  | 200 | Trần Thị Ngân         |                       | 29/9/1996  | VKSND h.Sóc Sơn, Hà Nội     | 65       | 82          | 212       |         |
| 29  | 208 | Bỳ Thị Minh Phương    |                       | 21/10/1992 | VKSND q.Nam Từ Liêm, Hà Nội | 67       | 74          | 208       |         |
| 30  | 191 | Tạ Tường Hiệu         | 18/8/1996             |            | VKSND h. Thạch Thất, Hà Nội | 59       | 88          | 206       |         |
| 31  | 189 | Đinh Thị Hằng         |                       | 05/6/1991  | VKSND q.Long Biên, Hà Nội   | 66       | 72          | 204       |         |
| 32  | 193 | Lê Thị Huệ            |                       | 02/6/1990  | VKSND h. Mê Linh, Hà Nội    | 61       | 76          | 198       |         |
| 33  | 199 | Lê Thị Mận            |                       | 12/04/1996 | VKSND h.Chương Mỹ, Hà Nội   | 60       | 74          | 194       |         |
| 34  | 202 | Nguyễn Mậu Ngọc       | 29/5/1990             |            | VKSND q.Hoàng Mai, Hà Nội   | 60       | 74          | 194       |         |
| 35  | 220 | Đặng Anh Tuấn         | 14/12/1990            |            | VKSND h. Đông Anh, Hà Nội   | 57       | 80          | 194       |         |
| 36  | 192 | Nguyễn Văn Huân       | 01/12/1993            |            | VKSND h.Ba Vì, Hà Nội       | 55       | 82          | 192       |         |
| 37  | 223 | Nguyễn Thành Vũ       | 24/7/1993             |            | VKSND h.Thanh Trì, Hà Nội   | 52       | 82          | 186       |         |
| 38  | 209 | Nguyễn Thị Thu Phương |                       | 09/10/1996 | VKSND h.Mỹ Đức, Hà Nội      | 58       | 66          | 182       |         |
| 39  | 190 | Ngô Trung Hiếu        | 31/08/1994            |            | VKSND q.Long Biên, Hà Nội   | 55       | 72          | 182       |         |
| 40  | 211 | Đặng Thị Tâm          |                       | 22/4/1989  | VKSND q.Ba Đình, Hà Nội     | 55       | 68          | 178       |         |
| 41  | 203 | Trần Bích Ngọc        |                       | 09/12/1995 | VKSND q.Tây Hồ, Hà Nội      | 52       | 72          | 176       |         |
| 42  | 181 | Nguyễn Ngọc Anh       | 24/11/1992            |            | VKSND h.Thanh Trì, Hà Nội   | 51       | 74          | 176       |         |
| 43  | 196 | Lưu Văn Kiên          | 02/05/1996            |            | VKSND h. Phúc Thọ, Hà Nội   | 51       | 74          | 176       |         |
| 44  | 176 | Nguyễn Thị Ngọc Anh   |                       | 25/5/1990  | VKSND q.Ba Đình, Hà Nội     | 50       | 76          | 176       |         |
| 45  | 197 | Nguyễn Mai Linh       |                       | 27/01/1996 | VKSND TP.Hà Nội             | 50       | 76          | 176       |         |
| 46  | 207 | Nguyễn Thị Hà Phương  |                       | 23/10/1996 | VKSND TP.Hà Nội             | 50       | 74          | 174       |         |
| 47  | 219 | Đào Xuân Tú           | 07/11/1996            |            | VKSND h.Phú Xuyên, Hà Nội   | 50       | 74          | 174       |         |
| 48  | 210 | Nguyễn Tiến Sơn       | 24/8/1989             |            | VKSND q.Hoàn Kiếm, Hà Nội   | 50       | 66          | 166       |         |
| 49  | 216 | Đinh Huy Trang        | 02/3/1987             |            | VKSND h. Thạch Thất, Hà Nội | 39       | 84          | 162       |         |

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

|   |     |                     |  |            |                             |    |    |     |             |
|---|-----|---------------------|--|------------|-----------------------------|----|----|-----|-------------|
| 1 | 227 | Hoàng Thị Diệu Linh |  | 29/10/1996 | VKSND tỉnh Lai Châu         | 68 | 86 | 222 | Trúng tuyển |
| 2 | 229 | Chu Tổ Uyên         |  | 28/10/1996 | VKSND tỉnh Lai Châu         | 64 | 86 | 214 | Trúng tuyển |
| 3 | 230 | Lâm Thảo Yến        |  | 21/6/1996  | VKSND h.Than Uyên, Lai Châu | 66 | 74 | 206 | Trúng tuyển |
| 4 | 228 | Nguyễn Thị Thắm     |  | 29/6/1987  | VKSND tỉnh Lai Châu         | 61 | 82 | 204 | Trúng tuyển |
| 5 | 226 | Lê Thị Chiến        |  | 12/3/1981  | VKSND tỉnh Lai Châu         | 50 | 84 | 184 | Trúng tuyển |

| STT                                        | SBD | Họ và tên               | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                 | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|--------------------------------------------|-----|-------------------------|-----------------------|------------|---------------------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|                                            |     |                         | Nam                   | Nữ         |                                 | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN        |     |                         |                       |            |                                 |          |             |           |             |
| 1                                          | 233 | Văn Thị Hà              |                       | 25/02/1996 | VKSND TX.Hoàng Mai, Nghệ An     | 76       | 88          | 240       | Trúng tuyển |
| 2                                          | 231 | Phan Hoàng Đức          | 20/12/1996            |            | VKSND TX.Hoàng Mai, Nghệ An     | 78       | 82          | 238       | Trúng tuyển |
| 3                                          | 234 | Nguyễn Thị Thanh Huyền  |                       | 17/12/1996 | VKSND TX.Hoàng Mai, Nghệ An     | 73       | 86          | 232       | Trúng tuyển |
| 4                                          | 232 | Lữ Trường Giang         | 21/11/1996            |            | VKSND h.Quế Phong, Nghệ An      | 71       | 86          | 228       | Trúng tuyển |
| 5                                          | 238 | Hoàng Văn Phúc          | 03/9/1995             |            | VKSND tỉnh Nghệ An              | 63       | 86          | 212       |             |
| 6                                          | 239 | Lê Hoàng Quân           | 17/11/1992            |            | VKSND tỉnh Nghệ An              | 62       | 84          | 208       |             |
| 7                                          | 237 | Nguyễn Thị Ngân         |                       | 15/10/1996 | VKSND h.Con Cuông, Nghệ An      | 57       | 94          | 208       |             |
| 8                                          | 240 | Nguyễn Huy Thắng        | 20/4/1994             |            | VKSND tỉnh Nghệ An              | 62       | 78          | 202       |             |
| 9                                          | 241 | Quách Thị Thu           |                       | 04/7/1995  | VKSND h.Quỳ Châu, Nghệ An       | 58       | 78          | 194       |             |
| 10                                         | 242 | Nguyễn Thị Phương Trang |                       | 19/12/1994 | VKSND tỉnh Nghệ An              | 53       | 80          | 186       |             |
| 11                                         | 236 | Nguyễn Hương Ly         |                       | 02/9/1995  | VKSND tỉnh Nghệ An              | 55       | 64          | 174       |             |
| 12                                         | 235 | Nguyễn Đình Khôi        | 05/5/1995             |            | VKSND h.Tương Dương, Nghệ An    | 41       | 82          | 164       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH     |     |                         |                       |            |                                 |          |             |           |             |
| 1                                          | 243 | Lê Thành Đạt            | 05/3/1996             |            | VKSND h.Tiên Yên, Quảng Ninh    | 55       | 72          | 182       | Trúng tuyển |
| 2                                          | 244 | Nguyễn Mạnh Phong       | 02/4/1996             |            | VKSND TX.Quảng Yên, Quảng Ninh  | 66       | 68          | 200       | Trúng tuyển |
| 3                                          | 245 | Võ Ngọc Quỳnh           |                       | 23/4/1996  | VKSND TX.Quảng Yên, Quảng Ninh  | 68       | 72          | 208       | Trúng tuyển |
| 4                                          | 246 | Phạm Văn Thành          | 10/10/1996            |            | VKSND TP.Móng Cái, Quảng Ninh   | 70       | 76          | 216       | Trúng tuyển |
| 5                                          | 247 | Nguyễn Thị Thuỷ         |                       | 13/12/1996 | VKSND tỉnh Quảng Ninh           | 50       | 76          | 176       | Trúng tuyển |
| 6                                          | 248 | Dương Xuân Trường       | 08/9/1996             |            | VKSND TP.Đông Triều, Quảng Ninh | 58       | 78          | 194       | Trúng tuyển |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG |     |                         |                       |            |                                 |          |             |           |             |
| 1                                          | 251 | Phạm Thế Duyệt          | 10/3/1992             |            | VKSND h.Thủy Nguyên, Hải Phòng  | 81       | 84          | 246       | Trúng tuyển |
| 2                                          | 249 | Nguyễn Quốc Duy         | 01/5/1995             |            | VKSND TP.Hải Phòng              | 79       | 76          | 234       | Trúng tuyển |
| 3                                          | 252 | Phạm Hải Nam            | 19/10/1995            |            | VKSND h.An Dương, Hải Phòng     | 78       | 70          | 226       | Trúng tuyển |
| 4                                          | 250 | Bùi Văn Doan            | 24/7/1986             |            | VKSND q.Đồ Sơn, Hải Phòng       | 70       | 74          | 214       | Trúng tuyển |
| 5                                          | 253 | Nguyễn Thị Lâm Vân      |                       | 05/8/1993  | VKSND q.Hồng Bàng, Hải Phòng    | 70       | 72          | 212       |             |
| 6                                          | 254 | Đặng Quốc Trọng         | 17/02/1985            |            | VKSND h.Bạch Long Vỹ, Hải Phòng | 57       | 80          | 194       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG       |     |                         |                       |            |                                 |          |             |           |             |
| 1                                          | 255 | Linh Trần Đông          | 10/10/1996            |            | VKSND h.Quảng Hòa, Cao Bằng     | 72       | 80          | 224       | Trúng tuyển |

| STT                                  | SBD | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|--------------------------------------|-----|-----------------------|-----------------------|------------|--------------------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|                                      |     |                       | Nam                   | Nữ         |                                | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| 2                                    | 256 | Nguyễn Thị Huyền Trân |                       | 26/11/1996 | VKSND h.Thạch An, Cao Bằng     | 69       | 78          | 216       | Trúng tuyển |
| 3                                    | 257 | Triệu Thị Huyền       |                       | 11/6/1996  | VKSND TP.Cao Bằng, Cao Bằng    | 66       | 78          | 210       | Trúng tuyển |
| 4                                    | 258 | Nông Đức Ngọc         | 03/02/1996            |            | VKSND h.Nguyên Bình, Cao Bằng  | 60       | 68          | 188       | Trúng tuyển |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN |     |                       |                       |            |                                |          |             |           |             |
| 1                                    | 260 | Hà Khánh Huyền        |                       | 08/6/1996  | VKSND h.Văn Quan, Lạng Sơn     | 65       | 72          | 202       | Trúng tuyển |
| 2                                    | 259 | Hoàng Hoài Anh        |                       | 04/12/1996 | VKSND tỉnh Lạng Sơn            | 57       | 78          | 192       | Trúng tuyển |
| 3                                    | 261 | Hoàng Kim Thái        | 06/06/1985            |            | VKSND h.Bình Gia, Lạng Sơn     | 41       | 52          | 134       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN  |     |                       |                       |            |                                |          |             |           |             |
| 1                                    | 264 | Vy Thị Thu Ngà        |                       | 21/02/1992 | VKSND tỉnh Bắc Kạn             | 68       | 82          | 218       | Trúng tuyển |
| 2                                    | 265 | Hoàng Đức Sơn         | 29/9/1996             |            | VKSND TP.Bắc Kạn, Bắc Kạn      | 60       | 80          | 200       | Trúng tuyển |
| 3                                    | 263 | Hoàng Quyền Hải       | 28/3/1996             |            | VKSND h.Bạch Thông, Bắc Kạn    | 65       | 66          | 196       | Trúng tuyển |
| 4                                    | 262 | Triệu Hồng Dương      |                       | 26/3/1997  | VKSND h.Chợ Mới, Bắc Kạn       | 58       | 76          | 192       |             |
| 5                                    | 266 | Bế Thanh Thủy         |                       | 9/2/1993   | VKSND tỉnh Bắc Kạn             | 54       | 48          | 156       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI  |     |                       |                       |            |                                |          |             |           |             |
| 1                                    | 267 | Hoàng Thị Nhung       |                       | 07/01/1990 | VKSND h.Văn Bàn, Lào Cai       | 63       | 58          | 184       | Trúng tuyển |
| 2                                    | 268 | Nguyễn Quang Triều    | 24/11/1991            |            | VKSND h.Văn Bàn, Lào Cai       | 42       | 70          | 154       |             |
| 3                                    | 269 | Trần Thị Hải Yến      |                       | 14/9/1994  | VKSND h.Bắc Hà, Lào Cai        | 45       | 54          | 144       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH |     |                       |                       |            |                                |          |             |           |             |
| 1                                    | 271 | Trần Thị Thùy Dương   |                       | 19/5/1992  | VKSND tỉnh Hòa Bình            | 65       | 74          | 204       | Trúng tuyển |
| 2                                    | 272 | Bùi Thị Thương        |                       | 13/12/1996 | VKSND h.Lương Sơn, Hòa Bình    | 61       | 76          | 198       | Trúng tuyển |
| 3                                    | 270 | Nguyễn Ngọc Anh       |                       | 16/7/1996  | VKSND tỉnh Hòa Bình            | 57       | 60          | 174       | Trúng tuyển |
| 4                                    | 273 | Nguyễn Vũ Trung       | 15/07/1996            |            | VKSND h.Lạc Thủy, Hòa Bình     | 50       | 58          | 158       |             |
| 5                                    | 274 | Nguyễn Quang Vinh     | 20/8/1972             |            | VKSND h.Lương Sơn, Hòa Bình    | 50       | 56          | 156       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH |     |                       |                       |            |                                |          |             |           |             |
| 1                                    | 295 | Nguyễn Thùy Trang     |                       | 02/04/1996 | VKSND tỉnh Bắc Ninh            | 73       | 84          | 230       | Trúng tuyển |
| 2                                    | 275 | Nguyễn Thị Phương Anh |                       | 19/3/1996  | VKSND tỉnh Bắc Ninh            | 71       | 84          | 226       | Trúng tuyển |
| 3                                    | 291 | Nguyễn Thị Thúy Quyên |                       | 08/02/1995 | VKSND tỉnh Bắc Ninh            | 69       | 84          | 222       | Trúng tuyển |
| 4                                    | 288 | Đoàn Thị Ngọc         |                       | 16/12/1996 | VKSND TX.Thuận Thành, Bắc Ninh | 69       | 82          | 220       |             |
| 5                                    | 287 | Đỗ Thành Nam          | 01/8/1996             |            | VKSND TP.Bắc Ninh, Bắc Ninh    | 72       | 68          | 212       |             |

| STT                                   | SBD | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|---------------------------------------|-----|------------------------|-----------------------|------------|--------------------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|                                       |     |                        | Nam                   | Nữ         |                                | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| 6                                     | 282 | Vũ Quỳnh Hương         |                       | 04/01/1996 | VKSND tỉnh Bắc Ninh            | 67       | 78          | 212       |             |
| 7                                     | 281 | Nguyễn Thị Phương Hoa  |                       | 16/7/1995  | VKSND tỉnh Bắc Ninh            | 65       | 80          | 210       |             |
| 8                                     | 294 | Nguyễn Văn Thạo        | 31/3/1989             |            | VKSND h.Gia Bình, Bắc Ninh     | 66       | 70          | 202       |             |
| 9                                     | 276 | Vũ Văn Đại             | 23/4/1994             |            | VKSND h.Tiên Du, Bắc Ninh      | 57       | 78          | 192       |             |
| 10                                    | 277 | Lê Thị Thúy Diệp       |                       | 06/6/1985  | VKSND h.Tiên Du, Bắc Ninh      | 60       | 68          | 188       |             |
| 11                                    | 286 | Nguyễn Thị Tuyết Mai   |                       | 04/7/1996  | VKSND h.Lương Tài, Bắc Ninh    | 52       | 84          | 188       |             |
| 12                                    | 278 | Nguyễn Hoàng Dũng      | 12/09/1995            |            | VKSND h.Yên Phong, Bắc Ninh    | 58       | 70          | 186       |             |
| 13                                    | 280 | Nguyễn Thị Hải Hà      |                       | 27/10/1995 | VKSND tỉnh Bắc Ninh            | 60       | 60          | 180       |             |
| 14                                    | 289 | Vũ Thị Minh Phương     |                       | 21/12/1993 | VKSND TX.Quế Võ, Bắc Ninh      | 50       | 80          | 180       |             |
| 15                                    | 296 | Nguyễn Đăng Tuấn       | 12/5/1995             |            | VKSND TX.Quế Võ, Bắc Ninh      | 50       | 78          | 178       |             |
| 16                                    | 279 | Nguyễn Tài Dương       | 02/7/1990             |            | VKSND TP.Từ Sơn, Bắc Ninh      | 55       | 66          | 176       |             |
| 17                                    | 283 | Lương Đức Huyền        | 10/01/1987            |            | VKSND h.Yên Phong, Bắc Ninh    | 51       | 68          | 170       |             |
| 18                                    | 292 | Nguyễn Thị Thanh Quỳnh |                       | 10/12/1989 | VKSND TP.Từ Sơn, Bắc Ninh      | 53       | 62          | 168       |             |
| 19                                    | 293 | Nguyễn Thanh Thanh     | 29/3/1994             |            | VKSND TX.Quế Võ, Bắc Ninh      | 40       | 72          | 152       |             |
| 20                                    | 285 | Nguyễn Mạnh Linh       | 18/02/1990            |            | VKSND h.Tiên Du, Bắc Ninh      | 40       | 64          | 144       |             |
| 21                                    | 284 | Nguyễn Đình Khánh      | 09/3/1996             |            | VKSND h.Tiên Du, Bắc Ninh      | 32       | 66          | 130       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH  |     |                        |                       |            |                                |          |             |           |             |
| 1                                     | 301 | Phạm Thanh Quỳnh       |                       | 06/8/1996  | VKSND h.Nghĩa Hưng, Nam Định   | 69       | 66          | 204       | Trúng tuyển |
| 2                                     | 299 | Trần Văn Đông          | 21/01/1996            |            | VKSND TP.Nam Định, Nam Định    | 55       | 66          | 176       | Trúng tuyển |
| 3                                     | 300 | Vũ Thúy Phương         |                       | 15/9/1993  | VKSND tỉnh Nam Định            | 52       | 60          | 164       | Trúng tuyển |
| 4                                     | 298 | Đặng Thị Thu Bích      |                       | 21/6/1992  | VKSND h.Trực Ninh, Nam Định    | 50       | 62          | 162       | Trúng tuyển |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA |     |                        |                       |            |                                |          |             |           |             |
| 1                                     | 302 | Lê Thị Châm            |                       | 12/11/1995 | VKSND tỉnh Thanh Hóa           | 70       | 76          | 216       | Trúng tuyển |
| 2                                     | 308 | Phạm Văn Thức          | 06/3/1989             |            | VKSND h.Thạch Thành, Thanh Hóa | 66       | 78          | 210       | Trúng tuyển |
| 3                                     | 304 | Đỗ Thị Thanh Hằng      |                       | 04/03/1996 | VKSND TP.Sầm Sơn, Thanh Hóa    | 67       | 74          | 208       | Trúng tuyển |
| 4                                     | 305 | Mai Thị Hà Linh        |                       | 15/5/1995  | VKSND tỉnh Thanh Hóa           | 61       | 86          | 208       | Trúng tuyển |
| 5                                     | 309 | Đinh Thị Thu Thủy      |                       | 17/3/1988  | VKSND tỉnh Thanh Hóa           | 63       | 80          | 206       | Trúng tuyển |
| 6                                     | 310 | Bùi Đức Tuấn           | 27/01/1995            |            | VKSND h.Vĩnh Lộc, Thanh Hóa    | 65       | 72          | 202       | Trúng tuyển |

| STT                                  | SBD | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác               | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|--------------------------------------|-----|----------------------|-----------------------|------------|-------------------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|                                      |     |                      | Nam                   | Nữ         |                               | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| 7                                    | 311 | Triệu Thị Yến        |                       | 25/6/1995  | VKSND h.Lang Chánh, Thanh Hóa | 59       | 76          | 194       | Trúng tuyển |
| 8                                    | 306 | Nguyễn Kiều Oanh     |                       | 15/9/1990  | VKSND tỉnh Thanh Hóa          | 56       | 74          | 186       | Trúng tuyển |
| 9                                    | 307 | Nguyễn Thị Quyên     |                       | 09/10/1996 | VKSND h.Hà Trung, Thanh Hóa   | 50       | 68          | 168       |             |
| 10                                   | 303 | Phạm Thuỳ Dương      |                       | 03/02/1989 | VKSND h.Cẩm Thủy, Thanh Hóa   | 50       | 66          | 166       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN |     |                      |                       |            |                               |          |             |           |             |
| 1                                    | 314 | Phạm Xuân Ngọc       | 08/5/1974             |            | VKSND h.Văn Giang, Hưng Yên   | 76       | 86          | 238       | Trúng tuyển |
| 2                                    | 316 | Nguyễn Phú Tiêm      | 10/11/1982            |            | VKSND h.Khoái Châu, Hưng Yên  | 75       | 84          | 234       |             |
| 3                                    | 318 | Lâm Thị Xuyên        |                       | 07/5/1989  | VKSND h.Khoái Châu, Hưng Yên  | 63       | 76          | 202       |             |
| 4                                    | 317 | Phạm Văn Việt        | 14/02/1979            |            | VKSND h.Ấn Thi, Hưng Yên      | 50       | 74          | 174       |             |
| 5                                    | 313 | Vũ Hoàng Gia         | 20/8/1986             |            | VKSND h.Ấn Thi, Hưng Yên      | 45       | 66          | 156       |             |
| 6                                    | 315 | Nguyễn Gia Phong     | 13/4/1990             |            | VKSND tỉnh Hưng Yên           | 44       | 64          | 152       |             |
| 7                                    | 312 | Nguyễn Huy Đạt       | 07/01/1983            |            | VKSND h.Kim Động, Hưng Yên    | 35       | 62          | 132       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ  |     |                      |                       |            |                               |          |             |           |             |
| 1                                    | 322 | Đỗ Tiến Hoài         | 06/06/1996            |            | VKSND h.Lâm Thao, Phú Thọ     | 73       | 88          | 234       | Trúng tuyển |
| 2                                    | 326 | Đỗ Hoàng Huyền My    |                       | 13/01/1995 | VKSND TP.Việt Trì, Phú Thọ    | 62       | 98          | 222       | Trúng tuyển |
| 3                                    | 325 | Hoàng Thị Thanh Loan |                       | 13/5/1983  | VKSND tỉnh Phú Thọ            | 70       | 70          | 210       | Trúng tuyển |
| 4                                    | 328 | Nguyễn Kiều Vân      |                       | 24/10/1994 | VKSND h.Thanh Sơn, Phú Thọ    | 56       | 96          | 208       | Trúng tuyển |
| 5                                    | 329 | Phùng Ngọc Yến       |                       | 31/8/1996  | VKSND h.Thanh Thủy, Phú Thọ   | 63       | 74          | 200       |             |
| 6                                    | 320 | Phan Mạnh Duy        | 01/4/1996             |            | VKSND h.Thanh Ba, Phú Thọ     | 60       | 68          | 188       |             |
| 7                                    | 327 | Nguyễn Thu Nga       |                       | 15/9/1995  | VKSND tỉnh Phú Thọ            | 52       | 74          | 178       |             |
| 8                                    | 321 | Hoàng Tiến Hòa       | 22/10/1980            |            | VKSND TX.Phú Thọ, Phú Thọ     | 50       | 68          | 168       |             |
| 9                                    | 323 | Lê Thị Thu Hương     |                       | 23/10/1995 | VKSND h.Thanh Sơn, Phú Thọ    | 51       | 62          | 164       |             |
| 10                                   | 319 | Vũ Thế Chung         | 15/02/1990            |            | VKSND h.Đoan Hùng, Phú Thọ    | 51       | 60          | 162       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI  |     |                      |                       |            |                               |          |             |           |             |
| 1                                    | 333 | Hoàng Thị Nguyệt Hà  |                       | 18/3/1996  | VKSND h.Văn Chấn, Yên Bái     | 62       | 86          | 210       | Trúng tuyển |
| 2                                    | 332 | Lương Thị Dâng       |                       | 15/11/1996 | VKSND tỉnh Yên Bái            | 63       | 82          | 208       | Trúng tuyển |
| 3                                    | 336 | Hà Chí Kiên          | 01/01/1996            |            | VKSND h.Lục Yên, Yên Bái      | 63       | 72          | 198       | Trúng tuyển |
| 4                                    | 331 | Nông Đức Chính       | 22/10/1996            |            | VKSND tỉnh Yên Bái            | 52       | 80          | 184       | Trúng tuyển |
| 5                                    | 338 | Ngọc Đức Thạo        | 08/11/1996            |            | VKSND h.Mù Cang Chải, Yên Bái | 51       | 74          | 176       | Trúng tuyển |

| STT | SBD | Họ và tên       | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác           | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|-----|-----|-----------------|-----------------------|------------|---------------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|     |     |                 | Nam                   | Nữ         |                           | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| 6   | 337 | Phạm Hiền Mai   |                       | 26/8/1997  | VKSND h.Yên Bình, Yên Bái | 50       | 74          | 174       | Trúng tuyển |
| 7   | 330 | Hà Ngọc Ánh     |                       | 16/02/1996 | VKSND h.Văn Chấn, Yên Bái | 52       | 66          | 170       | Trúng tuyển |
| 8   | 339 | Trịnh Văn Toàn  | 29/8/1994             |            | VKSND h.Lục Yên, Yên Bái  | 51       | 68          | 170       | Trúng tuyển |
| 9   | 335 | Trịnh Văn Hoàng | 14/02/1995            |            | VKSND h.Lục Yên, Yên Bái  | 43       | 68          | 154       |             |
| 10  | 340 | Hoàng Tú Vân    |                       | 09/8/1995  | VKSND h.Lục Yên, Yên Bái  | 41       | 72          | 154       |             |
| 11  | 334 | Đồng Thu Hoài   |                       | 09/10/1996 | VKSND tỉnh Yên Bái        | 37       | 76          | 150       |             |

| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG |     |                      |  |           |                             |    |    |     |             |
|---------------------------------------|-----|----------------------|--|-----------|-----------------------------|----|----|-----|-------------|
| 1                                     | 342 | Lương Ngọc Anh       |  | 13/3/1996 | VKSND h.Nam Sách, Hải Dương | 53 | 82 | 188 | Trúng tuyển |
| 2                                     | 341 | Nguyễn Thị Ngọc Liên |  | 21/6/1996 | VKSND tỉnh Hải Dương        | 57 | 68 | 182 | Trúng tuyển |

| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN |     |                        |            |            |                                   |    |    |     |             |
|-----------------------------------------|-----|------------------------|------------|------------|-----------------------------------|----|----|-----|-------------|
| 1                                       | 347 | Trần Ngọc Huyền        |            | 11/3/1995  | VKSND TP.Sông Công, Thái Nguyên   | 69 | 76 | 214 | Trúng tuyển |
| 2                                       | 350 | Đinh Minh Thu          |            | 24/10/1996 | VKSND h.Võ Nhai, Thái Nguyên      | 70 | 70 | 210 | Trúng tuyển |
| 3                                       | 343 | Vũ Xuân Bình           | 14/01/1995 |            | VKSND TP.Thái Nguyên, Thái Nguyên | 69 | 70 | 208 | Trúng tuyển |
| 4                                       | 345 | Nguyễn Thị Thanh Hương |            | 29/5/1995  | VKSND h.Đồng Hỷ, Thái Nguyên      | 61 | 76 | 198 | Trúng tuyển |
| 5                                       | 344 | Nguyễn Hồng Hạnh       |            | 8/4/1996   | VKSND TP.Thái Nguyên, Thái Nguyên | 60 | 72 | 192 | Trúng tuyển |
| 6                                       | 346 | Nguyễn Bá Huy          | 03/10/1996 |            | VKSND h.Đại Từ, Thái Nguyên       | 53 | 82 | 188 | Trúng tuyển |
| 7                                       | 348 | Ngô Văn Quyền          | 10/8/1988  |            | VKSND TP.Sông Công, Thái Nguyên   | 50 | 78 | 178 | Trúng tuyển |
| 8                                       | 352 | Hoàng Tố Uyên          |            | 12/11/1994 | VKSND tỉnh Thái Nguyên            | 50 | 76 | 176 |             |
| 9                                       | 353 | Lê Thị Yến             |            | 17/11/1996 | VKSND h.Võ Nhai, Thái Nguyên      | 50 | 70 | 170 |             |
| 10                                      | 351 | Lưu Thị Cảnh Thương    |            | 20/9/1996  | VKSND h.Định Hóa, Thái Nguyên     | 50 | 66 | 166 |             |
| 11                                      | 349 | Trần Thị Thu Thảo      |            | 5/1/1995   | VKSND TP.Thái Nguyên, Thái Nguyên | 45 | 66 | 156 |             |

| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA |     |                   |            |           |                         |      |    |     |             |
|------------------------------------|-----|-------------------|------------|-----------|-------------------------|------|----|-----|-------------|
| 1                                  | 356 | Cầm Văn Duy       | 16/8/1995  |           | VKSND h.Bắc Yên, Sơn La | 59   | 80 | 198 | Trúng tuyển |
| 2                                  | 358 | Nguyễn Tùng Lâm   | 10/02/1995 |           | VKSND tỉnh Sơn La       | 56   | 86 | 198 | Trúng tuyển |
| 3                                  | 355 | Vũ Đình Đức       | 25/02/1995 |           | VKSND tỉnh Sơn La       | 56   | 76 | 188 | Trúng tuyển |
| 4                                  | 357 | Đinh Thu Huệ      |            | 14/6/1995 | VKSND h.Vân Hồ, Sơn La  | 52   | 76 | 180 | Trúng tuyển |
| 5                                  | 360 | Nguyễn Anh Tuấn   | 02/12/1995 |           | VKSND tỉnh Sơn La       | 50.5 | 64 | 165 | Trúng tuyển |
| 6                                  | 359 | Lù Mạnh Linh      | 25/9/1994  |           | VKSND tỉnh Sơn La       | 53   | 58 | 164 | Trúng tuyển |
| 7                                  | 354 | Triệu Thị Thúy An |            | 12/6/1990 | VKSND h.Phù Yên, Sơn La | 45   | 64 | 154 |             |

| STT                                     | SBD | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                 | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|-----------------------------------------|-----|------------------------|-----------------------|------------|---------------------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|                                         |     |                        | Nam                   | Nữ         |                                 | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH   |     |                        |                       |            |                                 |          |             |           |             |
| 1                                       | 361 | Nguyễn Mạnh Cường      | 03/11/1994            |            | VKSND tỉnh Ninh Bình            | 68       | 78          | 214       | Trúng tuyển |
| 2                                       | 362 | Mai Thị Hương          |                       | 01/5/1990  | VKSND tỉnh Ninh Bình            | 63       | 84          | 210       |             |
| 3                                       | 363 | Vũ Đức Toàn            | 29/11/1994            |            | VKSND tỉnh Ninh Bình            | 27       | 76          | 130       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC   |     |                        |                       |            |                                 |          |             |           |             |
| 1                                       | 324 | Hà Thị Thanh Hương     |                       | 16/08/1996 | VKSND tỉnh Phú Thọ              | 58       | 78          | 194       | Trúng tuyển |
| 2                                       | 365 | Trương Thị Duyên       |                       | 17/7/1996  | VKSND tỉnh Vĩnh Phúc            | 51       | 74          | 176       | Trúng tuyển |
| 3                                       | 366 | Nguyễn Thị Diệu Linh   |                       | 03/10/1996 | VKSND TP.Phúc Yên, Vĩnh Phúc    | 51       | 84          | 186       | Trúng tuyển |
| 4                                       | 367 | Trần Thị Yến           |                       | 22/01/1996 | VKSND h.Sông Lô, Vĩnh Phúc      | 51       | 80          | 182       | Trúng tuyển |
| 5                                       | 364 | Nguyễn Thị Điệp Anh    |                       | 08/3/1996  | VKSND h.Lập Thạch, Vĩnh Phúc    | 44       | 64          | 152       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH  |     |                        |                       |            |                                 |          |             |           |             |
| 1                                       | 379 | Nguyễn Anh Tú          | 10/10/1992            |            | VKSND h.Tuyên Hóa, Quảng Bình   | 66       | 88          | 220       | Trúng tuyển |
| 2                                       | 378 | Trần Ngọc Trung        | 20/01/1987            |            | VKSND tỉnh Quảng Bình           | 67       | 84          | 218       | Trúng tuyển |
| 3                                       | 373 | Đặng Thị Hồng Nhung    |                       | 5/2/1991   | VKSND TP.Đồng Hới, Quảng Bình   | 64       | 86          | 214       | Trúng tuyển |
| 4                                       | 368 | Đinh Thị Linh Giang    |                       | 7/5/1994   | VKSND h.Minh Hoá, Quảng Bình    | 64       | 84          | 212       | Trúng tuyển |
| 5                                       | 375 | Trần Thị Nhật Thùy     |                       | 29/01/1995 | VKSND h.Minh Hoá, Quảng Bình    | 62       | 86          | 210       |             |
| 6                                       | 374 | Trần Anh Quỳnh         |                       | 05/05/1996 | VKSND h.Quảng Ninh, Quảng Bình  | 60       | 84          | 204       |             |
| 7                                       | 372 | Phạm Thị Thanh Nhân    |                       | 03/01/1996 | VKSND h.Quảng Ninh, Quảng Bình  | 55       | 80          | 190       |             |
| 8                                       | 377 | Nguyễn Thị Quỳnh Trang |                       | 18/9/1992  | VKSND tỉnh Quảng Bình           | 54       | 72          | 180       |             |
| 9                                       | 369 | Phạm Thị Mỹ Hà         |                       | 22/6/1996  | VKSND h.Minh Hoá, Quảng Bình    | 45       | 84          | 174       |             |
| 10                                      | 376 | Trần Thị Lệ Thuýên     |                       | 23/02/1983 | VKSND tỉnh Quảng Bình           | 46       | 72          | 164       |             |
| 11                                      | 370 | Tổng Mỹ Linh           |                       | 08/10/1992 | VKSND h.Lệ Thủy, Quảng Bình     | 40       | 82          | 162       |             |
| 12                                      | 371 | Lê Thị Thùy Linh       |                       | 20/10/1993 | VKSND h.Quảng Trạch, Quảng Bình | 39       | 82          | 160       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG |     |                        |                       |            |                                 |          |             |           |             |
| 1                                       | 382 | Hoàng Văn Thái         | 20/4/1993             |            | VKSND tỉnh Tuyên Quang          | 69       | 82          | 220       | Trúng tuyển |
| 2                                       | 383 | Nguyễn Văn Tùng        | 20/10/1988            |            | VKSND h.Yên Sơn, Tuyên Quang    | 67       | 78          | 212       | Trúng tuyển |
| 3                                       | 381 | Vũ Thị Diệu Ngọc       |                       | 22/12/1993 | VKSND h.Yên Sơn, Tuyên Quang    | 62       | 84          | 208       | Trúng tuyển |
| 4                                       | 384 | Trương Tiến Tú         | 23/12/1996            |            | VKSND h.Lâm Bình, Tuyên Quang   | 59       | 86          | 204       |             |

| STT                                   | SBD | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị công tác                | Điểm thi |             | Tổng điểm | Ghi chú     |
|---------------------------------------|-----|------------------------|-----------------------|------------|--------------------------------|----------|-------------|-----------|-------------|
|                                       |     |                        | Nam                   | Nữ         |                                | Viết     | Trắc nghiệm |           |             |
| 5                                     | 380 | Lý Vũ Việt Hà          |                       | 10/9/1996  | VKSND h.Chiêm Hoá, Tuyên Quang | 53       | 82          | 188       |             |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG  |     |                        |                       |            |                                |          |             |           |             |
| 1                                     | 386 | Lưu Viết Ngà           | 04/10/1996            |            | VKSND h.Mèo Vạc, Hà Giang      | 56       | 72          | 184       | Trúng tuyển |
| 2                                     | 385 | Nguyễn Thùy Dung       |                       | 20/9/1994  | VKSND tỉnh Hà Giang            | 50       | 70          | 170       | Trúng tuyển |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ |     |                        |                       |            |                                |          |             |           |             |
| 1                                     | 394 | Trần Thị Ngọc Phương   |                       | 19/9/1996  | VKSND h.Triệu Phong, Quảng Trị | 66       | 70          | 202       | Trúng tuyển |
| VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH   |     |                        |                       |            |                                |          |             |           |             |
| 1                                     | 391 | Trần Thị Phương Mai    |                       | 03/02/1992 | VKSND tỉnh Hà Tĩnh             | 73       | 74          | 220       | Trúng tuyển |
| 2                                     | 390 | Trần Thị Thu Hiền      |                       | 04/7/1988  | VKSND h.Thạch Hà, Hà Tĩnh      | 72       | 76          | 220       | Trúng tuyển |
| 3                                     | 388 | Hà Mạnh Cẩm            | 12/8/1986             |            | VKSND h.Đức Thọ, Hà Tĩnh       | 74       | 70          | 218       |             |
| 4                                     | 393 | Nguyễn Cẩm Thơ         |                       | 20/11/1991 | VKSND tỉnh Hà Tĩnh             | 65       | 70          | 200       |             |
| 5                                     | 392 | Trương Phương Nga      |                       | 26/12/1989 | VKSND h.Thạch Hà, Hà Tĩnh      | 55       | 78          | 188       |             |
| 6                                     | 389 | Trương Thị Hương Giang |                       | 02/10/1992 | VKSND tỉnh Hà Tĩnh             | 54       | 80          | 188       |             |
| 7                                     | 387 | Nguyễn Thị Tú Anh      |                       | 07/02/1992 | VKSND h.Hương Sơn, Hà Tĩnh     | 51       | 72          | 174       |             |